

PGS, TS.PHẠM XANH

**NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI VIỆC TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN Ở
VIỆT NAM
(1921 – 1930)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Vào những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam rất sôi nổi, tràn đầy nhiệt huyết, nhưng lại lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối chính trị. Trong hoàn cảnh ấy, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Vì vậy, nghiên cứu và tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, nhất là thời kỳ Người bôn ba tìm đường cứu nước, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 là một việc làm cần thiết.

Nhân dịp kỷ niệm 79 năm ngày thành lập Đảng (3-2-1930 - 3-2-2009) và 119 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2009), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản có sửa chữa, bổ sung cuốn sách *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin ở Việt Nam (1921 - 1930)* của PGS, TS Phạm Xanh.

Nội dung cuốn sách trình bày có hệ thống quá trình lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp thu, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào nước ta, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Những tư liệu được sử dụng trong cuốn sách khá phong phú, tin cậy, góp phần khẳng định sự đúng đắn của con đường cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra và dẫn dắt nhân dân ta đến thắng lợi ngày nay. Cuốn sách là tài liệu tham khảo quý cho những ai quan tâm đến hành trình cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2009

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chương I

TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC ĐẾN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

I- TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC

Những phát đại bác bắn vào Đà Nẵng sáng mùng 1-9-1858 không phải là sự mở đầu toàn bộ quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp mà chỉ là sự kết thúc việc điều tra nhòm ngó lâu dài, chuẩn bị ngấm ngầm cơ sở để cuối cùng hành động công khai.

Thoạt đầu, thực dân Pháp sử dụng những đội truyền giáo, những đoàn thương nhân, sau đó là tàu chiến và đại bác. Cùng với đội quân xâm lược Pháp, một lối kinh doanh mới, một phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập vào đúng lúc phương thức sản xuất phong kiến cổ truyền đang lâm vào thời kỳ khủng hoảng toàn diện, trầm trọng và bế tắc. Xã hội phong kiến Việt Nam trong hoàn cảnh đó không còn như chính nó nữa. Tính chất của một xã hội thay đổi đã kéo theo sự biến đổi của mâu thuẫn đối kháng. Thực dân Pháp xâm lược nước ta, điều đó có nghĩa là nền độc lập dân tộc bị chà đạp, quyền lợi sống còn của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt. Chính vì thế mà mâu thuẫn cơ bản trước tiên ở nước ta thời kỳ này là mâu thuẫn giữa một bên là toàn thể dân tộc Việt Nam và bên kia là thực dân Pháp xâm lược. Mặt khác, để bảo đảm cho nền thống trị của chúng, thực dân Pháp đã không thủ tiêu lợi ích của giai cấp phong kiến - địa chủ bản xứ, mà còn tìm mọi cách dung dưỡng nó, biến nó thành cơ sở xã hội vững chắc cho sự thống trị của chúng. Giai cấp tư sản Pháp đã phất cao lá cờ chống phong kiến ở chính quốc, thì trở trêu thay, tại xứ thuộc địa chúng cấu kết rất chặt chẽ với giai cấp phong kiến - địa chủ để tiến hành áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Đó chính là nét "đặc trưng của chế độ thuộc địa". Do vậy, mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân với giai cấp phong kiến, địa chủ đã từng tồn tại trước khi người Pháp có mặt, không những không mất đi, mà trái lại càng

trở nên gay gắt hơn. Vậy muốn cho cách mạng nước ta tiến lên, ắt phải giải quyết hai mâu thuẫn trên, tức là cuộc cách mạng đó phải bao hàm nội dung dân tộc và nội dung dân chủ. Nói một cách khác, một phong trào cách mạng thực sự mang tính chất nhân dân sâu sắc, quy tụ mọi giai tầng dưới ngọn cờ của mình thì ngọn cờ đó phải ghi rõ khẩu hiệu cốt tử: "Độc lập dân tộc và người cày có ruộng".

Điều kiện khách quan đòi hỏi phải giải quyết là như vậy, nhưng lịch sử phong trào chống Pháp từ những năm đầu thế kỷ XX trở về trước chưa có được những giải đáp thoả đáng trước những đòi hỏi cấp bách đó. Từ phong trào Cần Vương trong hệ tư tưởng phong kiến cuối thế kỷ XIX, qua các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy tân theo xu hướng tư sản đầu thế kỷ XX, đến cuộc khởi nghĩa Yên Thế, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ mang tính chất quần chúng sâu sắc... Các bậc anh hùng nghĩa liệt thừa lòng yêu nước và lòng quả cảm, nhưng trước sau đều phải nhận lấy thất bại xót xa. Có nhiều nhân tố trong tình hình kinh tế - xã hội, chính trị - tư tưởng của đất nước lúc bấy giờ đã tạo nên nghịch lý đó. Cuộc sống khi đã mang nghịch lý thì chính nó cũng đang tạo ra những điều kiện vật chất để giải nghịch lý; nhân loại, như Các Mác đã chỉ rõ, chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ có thể giải quyết được vì bản thân những nhiệm vụ ấy chỉ nảy sinh khi điều kiện vật chất để giải quyết nó đã có hay ít ra cũng đang trong quá trình hình thành¹. Sự thất bại của phong trào chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa chứng tỏ sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến, sự yếu ớt và bất lực của hệ tư tưởng tư sản, vừa từng bước chuẩn bị tiền đề cho một phương hướng mới của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngọn lửa yêu nước rực cháy của nhân dân, sự hình thành và phát triển của giai cấp công nhân trong nước và tư tưởng cách mạng của thời đại là cơ sở hình thành phương hướng mới đó. Trong bối cảnh như vậy, phải có những người ưu tú của dân tộc với sức mẫn cảm của trí tuệ và tầm nhìn vượt lên trên những hạn chế của điều kiện lịch sử trong nước mới có khả năng tìm ra lối

thoát cho cách mạng Việt Nam. Trong đội ngũ những nhà yêu nước hăm hở tìm đường cứu nước có một thanh niên trẻ tuổi mà buổi đầu xuất hiện đã vượt xa những nhà yêu nước đương thời về sự mẫn cảm của trí tuệ, về tầm nhìn. Đó là Nguyễn Tất Thành, con trai thứ của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Xuất thân trong một gia đình trí thức yêu nước, lớn lên giữa quê hương giàu tình thương và tinh thần quật khởi, từ thiếu thời Nguyễn Tất Thành đã được hấp thụ một nền giáo dục truyền thống phong phú, hiểu biết sâu sắc về lịch sử và những giá trị văn hoá dân tộc, am tường văn hoá phương Đông và văn hoá Trung Quốc. Thời gian học tại Trường Quốc học Huế và đọc sách báo nước ngoài, Anh được trang bị thêm những kiến thức về văn hoá và khoa học - kỹ thuật phương Tây. Đặc biệt, Anh sớm hoà mình vào cuộc sống của quần chúng lao khổ và tham gia phong trào yêu nước. Thuở nhỏ, Anh đã được nghe các bậc cha chú bàn luận việc nước, 13 tuổi làm liên lạc cho các sĩ phu yêu nước, 18 tuổi tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Thừa Thiên. Quê hương, gia đình và sự nhập cuộc của bản thân đã sớm làm nảy nở trong người thanh niên Nguyễn Tất Thành tấm lòng yêu nước thương dân thiết tha: “Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, Anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào”². Thương dân, đồng cảm với dân là nét đặc sắc trong chủ nghĩa yêu nước ở Nguyễn Tất Thành. Với tấm lòng yêu nước thương dân tha thiết ấy, Anh đã trăn trở với biết bao nhiêu câu hỏi lớn về vận mệnh của dân tộc: Tại sao các phong trào chống Pháp phải chịu thất bại? Chân lý ở đâu và tìm đâu ra chân lý để cứu dân cứu nước? Nguyễn Tất Thành đã soi tìm trong lịch sử, đặc biệt là phong trào chống Pháp đương thời, những cứ liệu cho dự cảm mới mẻ về tư duy và hành động của mình. Kính trọng các bậc anh hùng tiền bối, nhưng Anh không bằng lòng với đường đi nước bước của những người đi trước và Anh không muốn đi theo vết mòn của lịch sử.

Sau nhiều lần trở, suy nghiệm, ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành với chân phụ bếp trên chiếc tàu Latouche Tréville thuộc hãng Vận tải hợp nhất, rời cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) hướng tới phương Tây, trước hết là nước Pháp, tìm đường cứu nước. Hành trang của Người mang theo không có gì ngoài tấm lòng yêu nước và đôi bàn tay lao động với quyết tâm tìm ra chân lý để trở về cứu dân cứu nước khỏi kiếp đọa đày, nô lệ.

Chủ nghĩa yêu nước vốn là sản phẩm tinh thần cao đẹp của lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất của đạo lý làm người, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đời sống văn hoá của nhân dân ta. Công cuộc chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt với yêu cầu khai hoang, đắp đê, làm thuỷ lợi của nền nông nghiệp trồng lúa nước trong điều kiện một nước nhỏ phải chống lại hoạ xâm lăng của nhiều nước lớn, đã tôi luyện cho con người Việt Nam tinh thần yêu nước nồng nàn. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa yêu nước truyền thống là sự liên kết cộng đồng chặt chẽ giữa nhà, làng, nước để bảo vệ non sông, đất nước, bảo vệ sự độc lập, thống nhất của dân tộc, bảo vệ cuộc sống cộng đồng và sự trường tồn của nền văn hoá dân tộc. Đối với người Việt Nam, “nước” phải gắn chặt với “dân” và chủ nghĩa yêu nước mang nội dung nhân dân sâu sắc. Những bậc anh hùng lớn của dân tộc đã nhận thức được chân lý đó khi coi "nước nhà chung sức", "ý chí của dân chúng" như cội nguồn sức mạnh giữ nước (Trần Quốc Tuấn), hay ví dân như nước "nước có thể chở thuyền và lật thuyền" (Nguyễn Trãi). Dĩ nhiên, trong mỗi thời đại, chủ nghĩa yêu nước còn bị chi phối bởi hệ tư tưởng thống trị của thời đại đó. Trong thời đại phong kiến, chủ nghĩa yêu nước gắn với chủ nghĩa trung quân. Nhưng trong bước đường thoái hoá của chế độ phong kiến và sự suy vi của hệ tư tưởng phong kiến, chủ nghĩa trung quân trở nên bảo thủ và đối lập với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Những bế tắc và thất bại của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ sự phá sản của chủ nghĩa trung quân. Nguyễn Tất Thành xuất thân trong một gia đình

nhà Nho nhưng không bị ràng buộc bởi tư tưởng trung quân như một số trí thức đương thời. Tư tưởng yêu nước của Người thấm nhuần những giá trị dân tộc và nhân bản của đạo lý Việt Nam, gắn nước với dân và lấy đó làm mục tiêu hàng đầu, làm chuẩn mực cao nhất mọi giá trị tinh thần. Chủ nghĩa yêu nước ở Người vừa kế thừa tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, vừa bao hàm một tinh thần đổi mới phù hợp với yêu cầu giải phóng dân tộc và xu thế của thời đại. Quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của Người mang ý nghĩa đó.

Trước Nguyễn Tất Thành đã có những người Việt Nam xuất dương cứu nước. Chỗ khác nhau cơ bản không phải ở hành động xuất dương, mà trước hết ở mục đích của nó. Những chuyến đi của Tôn Thất Thuyết, của những nhân vật trong phong trào Đông du chủ yếu là để tìm ngoại viện. Nguyễn Tất Thành xác định mục đích xuất dương hoàn toàn khác: "Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"³. Hoặc như sau này Người nói lại: "Nhân dân Việt Nam trong đó có cụ thân sinh ra tôi lúc này thường tự hỏi nhau rằng: ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này thì nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người khác nữa nghĩ là Mỹ. Tôi thì thấy phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ"⁴. Rõ ràng, trước lúc đi ra nước ngoài, Người đã nhận thức một cách rõ ràng, *cái mà dân tộc cần trước tiên chưa phải là súng đạn, của cải, mà là cách đuổi giặc cứu nước, là làm cách mạng, hay nói cách khác là lý luận cách mạng và phương pháp cách mạng.*

Xưa nay nhiều nhà nghiên cứu đã bàn về *hướng đi* của Người - sang phương Tây trong sự đối lập với phương Đông. Nhưng vấn đề đặt ra trong suy nghĩ của Nguyễn Tất Thành lúc bấy giờ có lẽ không phải là một phương Tây chung chung, cũng không phải là sự đối lập và tuyệt đối hoá giữa phương Đông và phương Tây. Ở phương Đông lúc đó cũng đã có nước như Nhật Bản, chủ nghĩa tư bản đã phát triển và chủ nghĩa Mác cũng đã bắt đầu truyền bá với những tác phẩm của C.Mác và

Ph.Ăngghen, được dịch ra tiếng Nhật từ năm 1904⁵. Vậy thì ai mà dám chắc được rằng Nguyễn Tất Thành với đầu óc đó, với tầm nhìn đó lại không đến với chủ nghĩa cộng sản ở nước Nhật? Mục đích chính của Người muốn vươn tới là mở rộng tầm nhìn và sự quan sát ra thế giới rộng lớn bên ngoài và là một nước phương tây cụ thể đang thống trị nước mình. Các lý do hấp dẫn đưa Người đến nước Pháp là những truyền thống tự do, bình đẳng, bác ái và nền văn minh của chính quốc mà Người được nghe, biết và sự tàn bạo của bọn thực dân ở thuộc địa mà Người đã chứng kiến. Đó là sự tương phản gay gắt đã dội vào nhận thức của Người về kẻ thù của dân tộc. Đó cũng là điều mà Người tự thấy phải khám phá, phải nhận biết. Năm 1923, tại Mátxcova khi trả lời cuộc phỏng vấn của phóng viên Tạp chí *Ngọn lửa nhỏ*, Người đã giải thích quyết định ra đi của mình như sau: "Vào trạc tuổi 13 lần đầu tiên tôi được nghe những từ ngữ tiếng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái - đối với chúng tôi lúc ấy, mọi người da trắng được coi là người Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy". Rõ ràng, trước khi bước chân xuống tàu rời Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành đã *chuẩn bị cho mình những tiền đề tư tưởng bao gồm việc phê phán những con đường cứu nước của các bậc cha chú, lựa chọn hướng đi và điểm tới của mình*. Song chỉ riêng những tiền đề tư tưởng mà Người chuẩn bị trong hành trang ra đi chưa đủ đảm bảo cho Người đến với chủ nghĩa cộng sản, mà không phải một chủ nghĩa nào khác. Phải có một quá trình hoạt động thực tiễn phong phú và gắn với nó là hoạt động tư duy khoa học, mới có thể đưa Người đến sự lựa chọn đúng đắn, tiếp cận với chân lý của thời đại. Thiếu sự hoạt động thực tiễn thì Người không thể đi xa hơn trường hợp Phan Văn Trường⁶. Như vậy, phương thức sống, hoạt động thực tiễn và phương pháp tư duy trong những năm đi tìm chân lý cũng là một nhân tố quan trọng tác động đến nhận thức tư tưởng và sự chuyển biến của chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Tất Thành.

Trong vòng 10 năm, từ năm 1911 đến năm 1920, Nguyễn Tất Thành đã tận dụng mọi cơ hội để được đến nhiều nơi trên thế giới, từ đó xem xét, khảo nghiệm nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống phức tạp, đa dạng của nhân loại. Bàn chân của Người đã từng in dấu trên nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ, đặc biệt Người đã dùng chân khảo sát khá lâu ở *ba nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, Anh và Pháp*⁷. Đâu đâu Người cũng chịu đựng mọi gian khổ, hoà mình vào cuộc sống của những người lao động, sẵn sàng làm mọi thứ nghề lao động chân tay như nấu bếp, làm vườn, vẽ thuê... Người không đứng ngoài để quan sát và suy nghĩ, mà dấn thân vào chính cuộc sống để cảm nhận nó như chính bản thân cuộc sống của mình.

Với những chuyến đi, những cuộc khảo nghiệm đó, chủ nghĩa yêu nước ở Người có những chuyển biến mới. Sự đồng cảm với đồng bào mình đã được nâng lên thành sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc cùng cảnh ngộ. Và cũng qua đó, sự nhận biết diện mạo của kẻ thù trở nên sâu sắc hơn, khái quát hơn, không chỉ đối với thực dân Pháp, mà cả chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc nói chung. Trên cơ sở đó, Người rút ra một kết luận có tính chất nền tảng đầu tiên: ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề và “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”⁸. Những nhận biết căn bản đó càng giúp già Người quyết tâm tìm con đường giải phóng mà Người đã từng nung nấu, ấp ủ từ ngày rời Tổ quốc.

Trước khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc khoảng giữa năm 1917⁹, Nguyễn Tất Thành quyết định trở lại nước Pháp. Địa bàn mà Người chọn là Pari, trung tâm chính trị, văn hoá không chỉ của nước Pháp, mà có thể nói là của cả châu Âu, của cả thế giới văn minh phương Tây lúc đó. Pari như là điểm hẹn lịch sử của các bậc

vĩ nhân trên thế giới. Những nhà cách mạng lớn hầu như đều có mặt ở đây. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chọn Pari làm điểm mở đầu trên con đường xuất dương hoạt động cách mạng của mình. V.I.Lênin cũng đã từng sống và hoạt động ở nơi đây. Lúc Nguyễn Tất Thành có mặt ở Pari cũng là lúc lịch sử nhân loại đang bước đi những bước gấp và tình hình chính trị thế giới đang trải qua những biến chuyển lớn lao. Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, thành phố Pari hoa lệ sống trong bầu không khí sôi động với những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp và sự chuyển mình của những người cánh tả trong Đảng Xã hội Pháp theo đường lối Quốc tế Cộng sản của V.I.Lênin. Thật may mắn cho những ai được sống và hoạt động ở Pari vào những năm tháng đó. Đối với Nguyễn Tất Thành, đây là cuộc hội ngộ đầy ý nghĩa hầu như đã được chuẩn bị trước với hướng đi, điểm tới và hành trang đã được gom góp. Người thanh niên nhiệt tình, hăng hái ấy vừa đến Pari đã lao ngay vào hoạt động chính trị. Anh cùng với Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh - những người mà Anh đã trao đổi thư từ từ khi còn ở nước Anh lập ra *Hội những người yêu nước Việt Nam*¹⁰, nhằm đưa phong trào yêu nước của Việt kiều ở Pháp đi theo một hướng tích cực. Đầu năm 1919¹¹, Anh gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng tiên bộ lúc đó thường lên tiếng chống lại chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở các thuộc địa theo hướng nhân đạo hoá các chính sách đó. Ngày 18-6-1919, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt *Hội những người yêu nước Việt Nam* ở Pháp, Anh gửi tới Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Cùng ngày, bản yêu sách đó xuất hiện trên báo *L'Humanité (Nhân đạo)*, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, dưới đầu đề: *Quyền của các dân tộc*. Bản yêu sách còn được Nguyễn Ái Quốc dịch ra chữ Hán¹² và chuyển thành một bài diễn ca tiếng quốc ngữ. Nó được in dưới dạng truyền đơn¹³, gửi tới các toà báo, phân phát trong các cuộc mít tinh,

cuộc họp ở nhiều tỉnh nước Pháp và bí mật gửi về Việt Nam qua con đường các thủy thủ và khách về nước¹⁴.

Với bản yêu sách đó, Nguyễn Ái Quốc đã gây tiếng vang lớn không những trong dư luận xã hội nước Pháp mà còn dội mạnh về nước, tạo nên một bước chuyển mới trong phong trào giải phóng dân tộc. Bùi Lâm (tức Nguyễn Văn Dị) - thủy thủ có mặt ở Pari trong thời kỳ đó nhớ lại: "Người Pháp coi cuộc đấu tranh đó là một "quả bom" làm chấn động dư luận nước Pháp. Còn người Việt Nam cho đó là tiếng sấm mùa xuân. Tiếng sấm ấy đã xua tan màn sương mù vây bọc chúng tôi, làm nảy sinh những mầm nằm sâu trong lòng chúng tôi. Người mình ra ngoài kiếm ăn, nói chung yêu nước, mong nước độc lập. Bây giờ ngay tại Thủ đô nước Pháp, trên diễn đàn quốc tế có một người Việt Nam ngang nhiên đứng ra đòi quyền lợi chính đáng cho dân tộc mình, dư luận thế giới xôn xao bàn tán ai mà không kính, không phục. Độ ấy, người mình ở Pháp gặp nhau đều nói độc lập, tự quyết, đều nói đến Nguyễn Ái Quốc. Chính cái tên Nguyễn Ái Quốc, bản thân nó có sức hấp dẫn kỳ lạ"¹⁵.

Còn đối với bọn thực dân Pháp thì chúng đi từ kinh ngạc đến lòng lộn hò hét¹⁶ và cuối cùng ra lệnh điều tra tung tích Nguyễn Ái Quốc và lập cơ quan chuyên trách theo dõi những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và Việt kiều yêu nước để áp dụng những biện pháp ngăn chặn¹⁷.

Bằng những hoạt động sôi nổi trong Việt kiều, trong Đảng Xã hội Pháp, trong phong trào công nhân Pháp, Người nhanh chóng nắm bắt được thời cuộc và nhịp thở của thời đại làm cơ sở cho sự lựa chọn giá trị tuyệt đối cho bản thân và cho dân tộc. Những năm tháng đó Người chứng kiến và trực tiếp tham gia vào quá trình đấu tranh bôn-sê-vích hoá Đảng Xã hội Pháp. Cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các khuynh hướng khác nhau lôi cuốn và thôi thúc người thanh niên xứ thuộc địa nghiên cứu, xem xét và hoạt động một cách năng nổ để có thể bám sát thời cuộc và định hướng đúng đắn cho mình.

II- ĐẾN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Báo *L'Humanité* số ra hai ngày 16 và 17-7-1920 đăng toàn văn bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin dưới đầu đề chạy suốt trang một. *Luận cương* lập tức thu hút sự chú ý đặc biệt của Nguyễn Ái Quốc. Người đã đọc đi đọc lại nhiều lần và *qua lăng kính chủ nghĩa yêu nước chân chính, Người tìm thấy ở đó con đường đi đúng đắn giải phóng đất nước khỏi ách thực dân*. Sau này Người nhớ lại: "Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹⁸.

Chính chủ nghĩa yêu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến cuộc gặp gỡ kỳ thú đó. Nó tạo ra bước chuyển căn bản, quyết định trong nhận thức tư tưởng của nhà cách mạng Việt Nam trẻ tuổi và mở đầu một chuyển biến cách mạng thực sự trong lịch sử tư tưởng nước ta.

Trên đường đi tìm chân lý cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ một phương diện hết sức thực tế: Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới có thể chỉ ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc và đồng thời thực hiện được ba cuộc giải phóng vốn là ước mơ từ lâu của nhân loại là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Từ đó, Lênin và Quốc tế thứ III là nguồn động lực tinh thần cho Nguyễn Ái Quốc tiếp bước vững chắc trên con đường đã được định hướng rõ ràng. Người say sưa tìm đọc những tác phẩm của V.I.Lênin, những bài viết về V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản, về Cách mạng Tháng Mười

được công bố ở Pháp. Đồng thời, Người luôn luôn theo dõi trên báo chí những sự kiện chính trị đang diễn ra trên thế giới. Lúc bấy giờ có hai sự kiện chính trị thu hút sự quan tâm rất mực của Người. Đó là Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản với sự có mặt của M.Casanh và Phrôttxa, đại biểu của Đảng Xã hội Pháp và Đại hội I của các dân tộc phương Đông họp ở Bacu (Liên Xô). Các văn kiện của hai đại hội đó đã được báo chí Đảng Xã hội Pháp đăng đều đặn và chi tiết. Nguyễn Ái Quốc tâm đắc với 21 điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là điều thứ 8: "Về vấn đề thuộc địa và dân tộc bị áp bức thì các đảng ở các nước của giai cấp tư sản có thuộc địa và áp bức các dân tộc khác, phải có một đường lối đặc biệt rõ ràng minh bạch. Đảng nào muốn gia nhập Quốc tế thứ III đều buộc phải thẳng tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc nước mình ở các thuộc địa, ủng hộ bằng thực tế chứ không phải bằng lời nói, mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa, đòi hỏi phải trục xuất bọn đế quốc nước mình ra khỏi các thuộc địa ấy, gây trong công nhân nước mình thái độ anh em chân thành với nhân dân lao động các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức và tiến hành tuyên truyền có hệ thống trong quân đội nước mình chống mọi sự áp bức các dân tộc thuộc địa."

Tiếp đó, ngày 11-8-1920, Casanh và Phrôttxa từ nước Nga trở lại Pari trước sự đón tiếp của hàng vạn công nhân. Ngày 13-8-1920, đoàn tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại rạp xiếc ở Pari. Nguyễn Ái Quốc có mặt trong cuộc mít tinh đó, lắng nghe những lời nói chân thật của những người từ đất nước Lênin trở về: "Thật là sung sướng vô cùng cho một người xã hội chủ nghĩa già mơ ước đã 30 năm mới nhìn thấy một xã hội ở đó lao động không còn bị bóc lột, chỉ có lao động là có quyền và tất cả mọi quyền, đó là nước Nga". Người đã cùng một vạn người dự mít tinh nhất trí tán thành nghị quyết:

“Một vạn nam, nữ công nhân hội họp ngày 13 tháng 8 ở rạp xiếc tại Pari, theo lời kêu gọi của Đảng Xã hội, cảm ơn Phróttxa và Casanh về những việc đã làm với sứ mệnh của mình ở nước Nga.

Những người dự cuộc họp ra tuyên bố đoàn kết với cuộc cách mạng vô sản Nga.

Cam kết chống lại tất cả những lực lượng của một cuộc chiến tranh mới, là đối tượng ủng hộ bọn phiêu lưu được bọn tư bản nuôi dưỡng.

Bày tỏ nguyện vọng biết ơn Chính phủ nước Cộng hoà Xôviết. Gửi lời chào anh em và tỏ lòng quý mến đến những người vô sản Nga”.

Tiếp theo những sự kiện trong tháng 8, tháng 9-1920, Đại hội lần thứ I các dân tộc phương Đông²⁰ nhằm phổ cập các nghị quyết của Đại hội II Quốc tế Cộng sản và tư tưởng đoàn kết phương Tây vô sản và phương Đông bị áp bức. Tư tưởng đó được thể hiện rõ trong khẩu hiệu lần đầu tiên đưa ra trong Đại hội: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!* Biên bản của Đại hội được Quốc tế Cộng sản in bằng nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Pháp, được gửi đến Pháp, đã thu hút sự chú ý của tất cả những ai quan tâm đến phương Đông, trong đó có Nguyễn Ái Quốc, nhất là hai đoạn đề cập đến Đông Dương trong bài của Páplovích, đại diện của Quốc tế Cộng sản đọc tại Đại hội.

Có thể nói, sau *Luận cương*, những sự kiện chính trị trên đã góp phần củng cố thêm niềm tin vững chắc vào V.I.Lênin, vào Quốc tế Cộng sản, vào nước Nga Xôviết, củng cố thêm lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Từ đó, Người tham gia một cách tích cực có hiệu quả vào cuộc đấu tranh cách mạng hoá Đảng Xã hội Pháp. Có người là bạn tin cậy một thời, có tờ báo Người từng cộng tác nhưng khi đã chuyển sang trận tuyến bên kia, xa rời con đường cách mạng thì Người kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng. Đảng bộ quận Xenơ nơi Nguyễn Ái Quốc sinh hoạt, có 21.200 đảng viên, đứng đầu cả nước về số lượng

đảng viên trong một quận, có công nhân công nghiệp tập trung, biểu thị tinh thần đấu tranh giai cấp rất mạnh, và xu thế tán thành Quốc tế cộng sản chiếm ưu thế²¹. Với tinh thần đó, Nguyễn Ái Quốc vững tin đến Đại hội Tua, Đại hội quyết định bước chuyển căn bản theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Đại hội có 370 người dự, trong đó có 285 đại biểu đại diện cho 89 đảng bộ mang 4.575 phiếu uỷ nhiệm (còn 6 đảng bộ với 92 phiếu uỷ nhiệm không có đại biểu). Vào lúc Đại hội Tua, Đảng Xã hội Pháp có 6 đảng bộ thuộc địa với số đảng viên, đại biểu và phiếu uỷ nhiệm như sau:

Đảng bộ	Số đảng viên	Số đại biểu	Tên đại biểu	Số phiếu uỷ nhiệm
Angiêri	700	2	Ribô, Blum	15
Côngxtangtin	400	1	Phrôtxa	19
Orăng	400	2	Rây nô Xuverin	7
Tuynidi	300	2	Kinice, Phrôtxa	9
Máctiních	200			
Bắc Kỳ	20	1	Nguyễn Ái Quốc	1

Như vậy, các đảng bộ thuộc địa có tám đại biểu, trong đó Nguyễn Ái Quốc là người dân thuộc địa, người bản xứ duy nhất tại Đại hội. Tại Đại hội này, sau những lời phát biểu có tính chất hiệu triệu của mình, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ một lá phiếu trong 3.252 phiếu tán thành Quốc tế thứ III. Một phiếu trong hơn 3.000 phiếu, số

lượng tuy ít nhưng có một ý nghĩa cực kỳ to lớn: lần đầu tiên một người bản xứ tham gia đại hội góp phần quyết định sự chuyển hướng chiến lược cơ bản của một đảng vô sản lớn ở châu Âu.

Từ sự chuyển biến tư tưởng chính trị khởi đầu với việc nghiên cứu *Luận cương* của V.I Lenin, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến một quyết định sáng suốt về tổ chức tại Đại hội Quốc tế cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Việc Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp tháng 12-1920 là sự kiện có ý nghĩa to lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới hiện đại, một đại diện của giai cấp công nhân và dân tộc thuộc địa tham gia sáng lập Đảng tiên phong của giai cấp công nhân ở một nước đế quốc lớn đang áp bức dân tộc mình. Điều đó có nghĩa là thông qua Nguyễn Ái Quốc, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam bắt tay với giai cấp công nhân Pháp hợp thành một mặt trận đánh đổ kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản Pháp. Sự kiện đó còn mang một ý nghĩa tượng trưng cho xu thế cách mạng thế giới - tình đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới theo khẩu hiệu chiến lược của Quốc tế Cộng sản.

Lịch sử cho thấy, có nhiều con đường đến với chủ nghĩa cộng sản, trở thành người cộng sản. Có người xuất thân từ giai cấp vô sản, giác ngộ quyền lợi và sứ mệnh giai cấp mà trở thành người cộng sản. Có người trí thức tiến bộ giác ngộ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tham gia phong trào công nhân rồi trở thành người cộng sản... Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản theo con đường riêng của Người. Từ một người dân thuộc địa trong hoàn cảnh phong trào công nhân chưa phát triển, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin chưa rọi tới, nhưng xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước chân chính, Người đã vượt qua muôn vàn khó khăn, trở ngại để tìm hiểu, khảo nghiệm cuộc sống của các dân tộc trên thế giới và trực tiếp tham

gia phong trào công nhân của chính quốc là một nước công nghiệp phát triển, rồi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản. Tiêu chuẩn cao nhất cho sự lựa chọn và định hướng của Người là kiên quyết đứng về phía học thuyết và tổ chức cách mạng nào thực sự quan tâm đến cuộc sống và quyền lợi của các dân tộc bị áp bức, bênh vực, ủng hộ và chỉ ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc. Tiêu chuẩn hết sức thiết thực đó của một thanh niên yêu nước một nước thuộc địa lại phù hợp với chân lý của thời đại khi mà cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Đây chính là điểm gặp gỡ có ý nghĩa then chốt giữa con người Nguyễn Ái Quốc, dân tộc Việt Nam với thời đại Lênin.

Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, con đường mà Nguyễn Ái Quốc đã đi cũng chính là con đường Người đưa dân tộc chúng ta đi theo. Và trong điều kiện mới của thời đại mở ra từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, đó cũng là con đường mang tính phổ biến ở một khu vực rộng lớn của thế giới - phương Đông thuộc địa đang thức tỉnh - mà Nguyễn Ái Quốc là người khai phá và mở đường.

Việc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc và cũng là sự khởi đầu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử và sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Thực hiện bước ngoặt đó, Người đã hoàn tất chặng đường đầu của hành trình cứu nước, đã tìm ra chân lý của thời đại và bắt đầu cuộc đấu tranh đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta vào quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới bằng việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị dần dần, từng bước về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời một Đảng mácxít ở Việt Nam, nhân tố cơ bản, đầu tiên bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng nước ta.

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.16
2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1994, tr.12.
3. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1994, tr.13.
4. Báo *Nhân dân*, ngày 18-5-1965
5. Kôôtôki và Tôsihicô đã dịch và cho xuất bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen năm 1904; *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học* của Ph.Ăngghen năm 1906.
6. Phan Văn Trường (1876-1933) là người Việt Nam đầu tiên đỗ bằng Tiến sĩ luật tại Pari. Trong luận án tiến sĩ, ông đã vận dụng học thuyết của C.Mác để lên án xã hội tư bản đương thời.
7. Nguyễn Tất Thành đã đặt chân tới nhiều nước, vùng lãnh thổ như: Xingapo, Xri Lanca, Ai Cập, Pháp, Angiêri, Tuynidi, Xênegan, Ghinê, Đahômây, Cônggô, Mỹ, Braxin, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Bỉ, Italia, Thụy Sĩ, Thái Lan, Trung Quốc, Hồng Kông, Máctiních, Urugoay. (Xem *Hồ Chí Minh - Những sự kiện*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1988, tr.14-15).
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr. 266.
9. Theo báo cáo của mật thám Pháp năm 1917 cho biết: “Người mang tên Nguyễn Ái Quốc, 27 tuổi, quê ở Đông Dương. Anh từ Luân Đôn đến Pari tháng 6 vừa rồi và ở một mình từ ngày 7 đến ngày 11-6 tại số nhà 10, phố Xtôckhôm (Stokholm), sau đó ở số nhà 56, phố Moxiơ Lơ Pranhxơ (Monsieur le Prince). Hiện nay anh ở nhà 6, Vila đề Gôbơlanh (Villa des Gobalins) là nhà một đồng bào của anh tên là Phan Văn Trường” (Nguyễn Phan Quang: *Thêm một số tư liệu về hoạt động của*

Nguyễn Ái Quốc thời gian ở Pháp 1917 - 1923, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr.26). Nhưng cũng có những tác giả khác cho rằng Nguyễn Ái Quốc có mặt ở Pari năm 1918. Chẳng hạn như Christiane Pascal Rageau trong một công trình của mình đã dẫn ra làm cứ liệu cho kết luận đó là những mẫu tin trên tờ *La Vie ouvrière* năm 1918. "Bạn muốn có một chân dung đẹp của người thân hãy đưa ảnh đến Nguyễn Ái Quốc rửa. Chân dung đẹp và khung đẹp, 45 fr" (Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc: *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 30) .

10. Trong một bản báo cáo tổng hợp *Về phong trào đòi độc lập cho Đông Dương ở Pari* gửi Bộ Thuộc địa đề ngày 30-1-1930 có viết: "Từ cuộc điều tra được tiến hành về hoạt động tuyên truyền trong các giới người An Nam ở Pari và về việc ủng hộ những yêu sách của giới Đông Dương, thì thấy rõ linh hồn của phong trào này không phải là ai khác mà là người An Nam Nguyễn Ái Quốc tự xưng là Tổng thư ký *Hội những người An Nam yêu nước*".

11. Có nhiều ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp năm 1918. Không đúng như vậy. Theo báo cáo của Ban Bí thư Đảng Xã hội Pháp ngày 31-12-1918 thì năm 1918 không có đảng viên xã hội là người Việt Nam.

12. Thu Trang cho rằng: theo ý kiến của một số chuyên viên nghiên cứu Trung Quốc học ở trường Pari 7 thì nét chữ Hán trong bản dịch yêu sách ra tiếng Hán là nét chữ của Nguyễn Ái Quốc.

13. Truyền đơn được in hai lần với 6.000 bản tại Nhà in Sác-păng-điê (Charpendier), số nhà 70 phố Gô-bô-lanh.

14. Điện của Toàn quyền Đông Dương M.Lông gửi Bộ Thuộc địa cho biết: "Tôi báo để ông rõ một người Bắc Kỳ hồi hương bị bắt trong người có mang theo truyền đơn "Quyền các dân tộc" của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo *Nhân đạo*. Người đó

khai rằng tờ truyền đơn này được phân phát ở cảng Mácxây cho từng người trong số 50 người bản xứ hồi hương lúc tàu sắp khởi hành.

15. *Bác Hồ* (Hồi ký), Nxb. Văn học, Hà Nội. 1960, tr.72.

16. *Tờ Tin thuộc địa* (Courrier Colonial) số ra ngày 27-6-1919 xuất hiện bài *Giờ phút nghiêm trọng* có đoạn: "Làm sao một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản yêu sách của nhân dân để công kích Chính phủ Pháp. Thật là quá quắt. Cứ theo đà này thì bọn dân thuộc địa sẽ lên ngang hàng với người Pháp chúng ta và sớm trở thành ông chủ của chúng ta. Không được, phải kìm giữ chúng mãi mãi trong vòng nô lệ".

17. Với sự xuất hiện của *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* của Nguyễn Ái Quốc, bọn cầm đầu ở thuộc địa tới tấp điện về Bộ Thuộc địa yêu cầu cho biết tung tích người viết bản yêu sách. Theo yêu cầu khẩn cấp đó, Bộ Thuộc địa cho tiến hành điều tra ở Pari cũng như bên Việt Nam về lai lịch người viết bản yêu sách. Chúng phải mất tám tháng tìm kiếm (từ ngày 18-6-1919 đến ngày 8-2-1920), Toàn quyền Đông Dương mới khẳng định được với Bộ Thuộc địa Pháp: "Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Tất Thành chỉ là một người".

18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.127.

19. Một số cuốn sách viết về Cách mạng Tháng Mười và Nhà nước Xôviết: Raymond Lefebvres: *L'Internationale des Soviets*, Édition de la Vie ouvrière, Paris, 1919; Jacques Sadoul: *Notes sur la Révolution bolchevique*, Édition de la Sirène, Paris, 1919; Boris Souvarine: *Eloge des Bolchévicks*, Édition Clarté, Paris, 1919; *Introduction des Manifestes et Révolution de L'Internationale*, Édition Clarté, Paris, 1919.

20. Đại hội I các dân tộc phương Đông gồm 1.891 đại biểu, đại diện cho 37 dân tộc.

21. Trong số 21.200 đảng viên, có 14.188 đảng viên tán thành nhóm Casanh - Phrôtxa, 2.114 người tán thành nhóm Lôngghê, 1.065 tán thành nhóm Lêông Blum (L'Blum).

Chương II

QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀO VIỆT NAM

Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã xúc tiến hoạt động lý luận và thực tiễn nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin về nước. Việc truyền bá của Người diễn ra liên tục từ năm 1921 đến năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu sự chiến thắng bước đầu của tư tưởng cộng sản chủ nghĩa trong lịch sử tư tưởng nước ta. Sự truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản của Người *không phải là một hiện tượng nhất thời tự phát, mà là một quá trình không đứt đoạn, đi từ thấp đến cao, có chủ đích*. Có thể phân chia quá trình đó thành *ba chặng*, tương ứng với *ba thời kỳ hoạt động* của Nguyễn Ái Quốc trên *bốn địa bàn khác nhau*: chặng (thời kỳ) Pari, chặng (thời kỳ) Mátxcova và chặng (thời kỳ) Quảng Châu - Đông Bắc Xiêm. Ở mỗi chặng, tùy vào điều kiện lịch sử cụ thể mà Nguyễn Ái Quốc sử dụng các phương tiện truyền bá khác nhau, đề ra những nội dung truyền bá chủ yếu khác nhau và do đó mục đích đạt tới cũng khác nhau. Các chặng đó được đặt trong một quá trình kế tiếp nhau về mặt thời gian nên có liên quan mật thiết với nhau, chặng trước là tiền đề của chặng sau và chặng sau là kết quả của chặng trước đó. Chúng tôi lần lượt trình bày nội dung chính trong hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin về nước của Nguyễn Ái Quốc ở mỗi thời kỳ.

I. Thời kỳ Pari - Sự khởi đầu của quá trình

Thời gian hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp bao gồm *thời kỳ tìm đường* và *thời kỳ hoạt động truyền bá tư tưởng cứu nước*. Như vậy, hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc chỉ là một giai đoạn trong toàn bộ thời gian Người sống và hoạt động trên đất Pháp. Nghiên cứu những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp, chúng tôi coi bài *Đông Dương* đăng trên *La Revue Communiste* (Tập chí *Cộng sản*) số 14 (4-1921) và số 15 (5-

1921)¹, là mốc mở đầu cho quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam của Người. Trong bài viết đó, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đã trình bày những điều kiện thuận lợi của châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng cho việc truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Về điều kiện chính trị - xã hội, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "châu Á đau thương", trừ Nhật Bản là nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, đang bị chủ nghĩa đế quốc xâu xé; nước Trung Hoa rộng lớn luôn luôn là "con bò sữa" đối với tư bản châu Âu và châu Mỹ; nước Triều Tiên nằm trong tay chủ nghĩa tư bản Nhật, Ấn Độ một nước nông dân và giàu có bị đế quốc Anh cai trị và Đông Dương với 745.000km² đất đai, 20 triệu dân bị phó mặc cho sự bóc lột thậm tệ của một nhóm kẻ cướp thực dân. Chính sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc thực dân về mặt khách quan đã chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa xã hội nảy nở và phát triển. Đó là giai cấp công nhân - cơ sở xã hội của chủ nghĩa Mác và là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản - ra đời và lớn mạnh cùng với quá trình khai thác của bọn thực dân ở các thuộc địa, trái với ý muốn chủ quan của chúng. Đó là sự xuất hiện của các phong trào giải phóng dân tộc mà những người lãnh đạo các phong trào đó sẽ dần dần hướng tới học thuyết cách mạng nhất, khoa học nhất của thời đại. Trong bài viết của mình, Nguyễn Ái Quốc đã nói đến nước Trung Hoa thức tỉnh: "Việc nắm chính quyền của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên ở miền Nam đã hứa hẹn một nước Trung Hoa được tổ chức lại và có tính chất vô sản. Thật không phải quá đáng khi nghĩ rằng trong một tương lai rất gần, hai chị em - nước Trung Hoa và nước Nga công nhân - tay nắm tay cùng nhau tiến lên vì nền dân chủ và vì nhân loại"². Hay khi nói tới phong trào yêu nước của nhân dân Ấn Độ và Triều Tiên, Người viết "Tất cả các dân tộc bị trị ấy đều nung nấu tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc, một khí thế cách mạng sôi nổi đang lay động tất cả tâm hồn người Ấn Độ, người Triều Tiên. Tất cả đang chuẩn bị âm ỉ nhưng khôn ngoan cho cuộc đấu tranh

cuối cùng và giải phóng"³. Trên ý nghĩa đó, Nguyễn Ái Quốc đi tới kết luận: "Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến..."

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất ròi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"⁴.

Về điều kiện lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã nói đến chế độ tĩn điền thời hoàng đế, chế độ làm việc bắt buộc thời nhà Hạ, những cái tốt, cái hay trong học thuyết Khổng - Mạnh như: "người ta không sợ ít, chỉ sợ không công bằng, tính công bằng sẽ xoá bỏ sự nghèo đói", hay "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Một điều đáng lưu ý trong phần phân tích những điều kiện lịch sử "cho phép chủ nghĩa cộng sản thích nghi dễ dàng ở châu Á". Người có đề cập đến *chế độ công điền* tồn tại trong làng xã Việt Nam với những luật lệ riêng của nó. Người viết: "Về quyền sở hữu cá nhân - luật lệ của người Việt Nam cấm mua bán chung về đất đai. Hơn nữa một phần tư đất cày cấy buộc phải để làm của công. Cứ ba năm một lần người ta chia lại khoảng đất đó. Mỗi một người dân trong xã được nhận một phần đất công. Điều này tuy không ngăn cản một số người trở nên giàu có vì còn ba phần tư đất vẫn mua bán được, nhưng như thế vẫn có thể còn nhiều người không bị rơi vào cảnh nghèo đói".⁵ Cách nhìn nhận đó gần với luận điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về ruộng đất công trong công xã nông thôn Nga⁶.

Dựa vào những bằng chứng rút tĩa từ trong lịch sử châu Á và Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra lời giải đáp chắc chắn cho câu hỏi: "Chế độ cộng sản có thể áp dụng ở châu Á nói chung và ở Đông Dương được không?" là "Chúng tôi khẳng định là có". Như vậy, nếu như trong lời phát biểu tại Đại hội Tua, Nguyễn Ái Quốc mới kêu gọi "Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các

nước thuộc địa"⁷ thì đến những bài đăng trên *La Revue Communiste* năm 1921 Người đã chỉ ra một cách cụ thể và minh xác những điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở châu Á và Đông Dương. Đó chính là sự khởi đầu cho quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc tiến hành một cách kiên trì, có phương pháp trong nhiều năm sau đó.

Trên nền tảng đó, Nguyễn Ái Quốc tiến hành những cuộc vận động trong đội ngũ những người cộng sản Pháp và những nhà yêu nước của các dân tộc thuộc địa sống ở Pari ủng hộ phương hướng hoạt động của mình. M.Casanh, Vayăng Cutuyriê (những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp), Sarôt (người cộng sản quê ở Máctiních) đã tạo mọi điều kiện cho Nguyễn Ái Quốc triển khai hoạt động theo hướng đó. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc được triển khai theo hai hướng chính: sử dụng các phương tiện sẵn có của các tổ chức chính trị cánh tả Pháp và tạo ra những phương tiện, những tổ chức chính trị mới của chính các dân tộc bị nô dịch.

Ở hướng đầu, Nguyễn Ái Quốc đã chính thức đặt vấn đề đó một cách công khai tại Đại hội I Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây. Trong *Dự thảo báo cáo* của Tiểu ban Đông Dương trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã viết: "Công tác tuyên truyền cách mạng và chống quân phiệt cần được tiến hành dưới sự lãnh đạo và đôn đốc của Đảng, trong tất cả các thuộc địa của Pháp và xứ gọi là bảo hộ.

Công tác tuyên truyền này thực hiện:

- a) bằng các báo chí xuất bản ở Pháp.
- b) bằng diễn đàn các Đại hội của chúng ta và khi cần, bằng diễn đàn của nghị viện.
- c) bằng các hội nghị.
- d) bằng mọi phương thức thích hợp với đối tượng, với trình độ giáo dục và văn minh của quần chúng bản xứ ở các thuộc địa"⁸.

Dự thảo đó chỉ ra một cách rõ ràng những phương thức được sử dụng để tuyên truyền cách mạng và hơn thế nữa chỉ ra, xác định một cách dứt khoát việc tuyên truyền đó phải *thích ứng với đối tượng, với trình độ học vấn và văn minh của quần chúng thuộc địa.*

Theo tinh thần đó, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục duy trì mối quan hệ đã có từ trước với báo chí cánh tả Pháp, đặc biệt những tờ báo, những tạp chí có lập trường dứt khoát theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Cũng từ thời kỳ này, Người hầu như hoàn toàn đoạn tuyệt với những tờ báo đã chuyển sang lập trường chính trị khác, chẳng hạn như tờ *Le Populaire de Paris* của Lôngghê. Người tập trung những bài viết của mình cho hai tờ báo có ảnh hưởng rộng lớn nhất trong công nhân và những người lao động Pháp và hải ngoại là tờ *L'Humanité* và *La Vie ouvrière*. Từ năm 1921 đến hết tháng 2-1923 có ít nhất trên 20 bài của Nguyễn Ái Quốc đăng trên hai tờ báo trên và một bài cho tờ báo *Journal du Peuple* số ra ngày 9-8-1922. Nguyễn Ái Quốc không dừng lại ở việc sử dụng báo chí cánh tả Pháp bởi Người ý thức rõ đối tượng phục vụ của các báo chí đó. Trong khi đó, đối tượng tuyên truyền cách mạng của mình là nhân dân bị áp bức, các dân tộc thuộc địa của Pháp. Ý thức đó đã dẫn Người đi tìm cho mình *một phương tiện của riêng mình, lấy những người bị áp bức bóc lột ở các thuộc địa làm đối tượng chủ yếu.* Nhưng để có một phương tiện riêng thì trước hết cần phải xây dựng được một tổ chức chính trị làm nền tảng cho nó. Sau nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các chiến sĩ chống thực dân thuộc nhiều nước khác nhau đang sống ở Pari, ngày 26-6-1921, Nguyễn Ái Quốc tổ chức cuộc họp bàn việc thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa.* Tại cuộc họp đầu tiên ấy, những người tham dự đã xây dựng chương trình, điều lệ và cử một ban chấp hành. Tối ngày 20-7-1921, Ban Chấp hành tổ chức cuộc họp tại tiệm cà phê số 5, đường Gay Luytsác, trước nhà ga Luychxămbua, thông qua lần cuối của các văn kiện chính

thức của Hội. Trong *Tuyên ngôn* của Hội do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và thông qua tại Hội nghị trên, có đoạn:

“Anh em phải làm thế nào để được giải phóng.

Vận dụng công thức của C.Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể được thực hiện bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

Hội Liên hiệp thuộc địa được thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

Với sự giúp đỡ của các bạn ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người gốc ở các thuộc địa hiện đang sống trên đất Pháp.

Biện pháp hoạt động: để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng *báo chí và ngôn luận* và cuối cùng bằng *tất cả mọi biện pháp* mà chúng ta có thể làm...”.

Trong *Điều lệ* của Hội có ghi:

“*Điều 2*: - Mục đích của *Hội Liên hiệp thuộc địa* là tập hợp và hướng dẫn cho mọi người dân thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

- Soi sáng tình hình nước Pháp đã thực hiện ở các thuộc địa nhằm mục đích *đoàn kết* họ.

- Thảo luận và nghiên cứu tất cả các vấn đề chính trị và kinh tế thuộc địa...

Điều 14: Tùy theo khả năng tài chính của mình hội sẽ gửi cho tất cả các hội viên những tạp chí, báo, tài liệu có liên quan đến đời sống thuộc địa, nhằm mục đích bênh vực nhân dân các thuộc địa...

... Hội kêu gọi mọi người dân thuộc địa sống trong đất Pháp đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau: “Đoàn kết tạo nên sức mạnh” và gia nhập Hội để bênh vực quyền lợi của nhân dân mình. Ai muốn gia nhập Hội xin gửi đơn cho ông Giôdép Môngnécvin,

Tổng Thư ký Hội, số 9, phố Valê, quận V, Pari, hoặc ông Nguyễn Ái Quốc, số 9, ngõ Côngpoăng, quận XVII, Pari”.

Xét theo chương trình và Điều lệ của nó, *Hội liên hiệp thuộc địa* là hình thức liên minh của các dân tộc bị áp bức lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và là một hình thức có một không hai ra đời tại trung tâm của chính nước đế quốc đang thống trị họ. Hình thức đó chỉ ra đời sau năm 1920, tức là sau khi Quốc tế Cộng sản có những văn kiện về các vấn đề dân tộc và thuộc địa theo khẩu hiệu chiến lược của V.I.Lênin. Sự ra đời của tổ chức mang tính chất mặt trận sơ khai này là kết quả của những cuộc vận động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, của sự đồng tình ủng hộ của những người mácxít chân chính Pháp và cũng là sản phẩm của thời đại Lênin.

Trong hai năm đầu Hội mới tập hợp 120 hội viên, sau tăng lên 300 hội viên là những người dân thuộc địa đang sinh sống trên đất Pháp, từ Bắc Phi, Đông Dương đến Máctinich, Guyan. Mặc dù số hội viên chưa nhiều nhưng cũng đủ đại diện cho hầu hết các dân tộc, các màu da bị thực dân Pháp thống trị trên ba đại lục lớn - châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Một trong những hoạt động tiêu biểu nhất của *Hội Liên hiệp thuộc địa* là xuất bản tờ báo *Le Paria* làm cơ quan ngôn luận của mình. Thoạt tiên, những người sáng lập Hội trong đó có Nguyễn Ái Quốc, dự định thành lập tổ hợp xuất bản báo *Le Paria*. Ngày 29-1-1922, tại quán cà phê *Hợp tác* số 28, phố Aragô, Nguyễn Ái Quốc và Ban Chấp hành *Hội Liên hiệp thuộc địa* họp quyết định lập *Hội Hợp tác người cùng khổ* nhằm mục đích xuất bản tờ báo *Le Paria*. Cuộc họp đã thông qua *Điều lệ* của Hội Hợp tác người cùng khổ do Nguyễn Ái Quốc trình bày. *Điều lệ* gồm 25 điều khoản xác định Hội Hợp tác là một hội kinh doanh sản xuất, mỗi cổ phần đóng 100 phrăng làm vốn, 15.000 phrăng để ra tờ báo *Le Paria*, cơ quan bảo vệ các dân tộc thuộc địa Pháp, đóng trụ sở tại Pari. *Điều lệ* còn định rõ cơ cấu tổ

chức, quyền hạn và việc phân phối tiền lãi. Nguyễn Ái Quốc góp phần mình viết *Lời kêu gọi* cổ động những người hùn vốn xuất bản báo *Le Paria*:

“*Pari* ngày 1-2-1922

Đồng chí thân mến,

Đồng chí đã hoặc sẽ nhận được một bản *Điều lệ* của Hội Hợp tác người cùng khổ, Hội này đang được thành lập và sẽ xuất bản một tờ báo cùng tên.

...Các bạn ở chính quốc! Các đồng chí ở thuộc địa!

Vì lợi ích của công lý, sự thật và tiến bộ cần xóa bỏ khoảng cách giả tạo chia rẽ các bạn. *Người cùng khổ* là tờ báo đầu tiên có mục đích thực hiện nhiệm vụ không dễ dàng đó. Để có thể thành công trong việc này, chúng tôi kêu gọi sự tận tình của các đồng chí mà chúng tôi biết là luôn luôn vượt lên trên mọi thử thách.

Hãy gia nhập Hội Hợp tác người cùng khổ của chúng tôi hoặc ngay từ hôm nay gửi mua dài hạn báo *Người cùng khổ* của chúng tôi, hoặc tốt hơn, nếu có thể, đồng chí làm cả hai việc một lúc.

Thành công của chúng tôi tùy thuộc ở sự tận tình của đồng chí và tương lai các thuộc địa tùy thuộc ở sự thành công đó, chúng tôi không ngần ngại mà khẳng định như thế.

Cố gắng lên một chút để giúp đỡ chúng tôi, các bạn và các đồng chí sẽ đi theo sự nghiệp của hoà bình và nhân loại”⁹.

Dự định là như vậy, nhưng vì người đóng cổ phần không đủ nên tổ hợp xuất bản không thành lập được. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của Ban Chấp hành, đặc biệt là của Nguyễn Ái Quốc, tờ báo của Hội vẫn ra mắt bạn đọc. Ngày 1-4-1922, *Le Paria* ra số đầu tiên. Trên mẫngséc của nó ghi tên báo bằng ba thứ tiếng: tiếng Pháp (ở chính giữa và đậm nhất), tiếng Ả-rập (bên trái), tiếng Trung Quốc (bên

phải); dưới tên báo là tiêu đề báo: *Diễn đàn của các dân tộc thuộc địa* (Tribune des Population des Colonies)¹⁰. Trên trang nhất số 1 đăng *Lời kêu gọi* như một tuyên ngôn xác định sứ mệnh và mục đích chiến đấu của tờ báo:

“... Trong lịch sử phong trào quần chúng bản xứ ở các thuộc địa Pháp, chưa bao giờ có một tờ báo độc lập được lập ra để kêu to lên nỗi thống khổ và sự khốn cùng chung của họ, không phân biệt họ thuộc xứ sở nào và chủng tộc nào. Báo *Le Paria* ra đời chính là do sự đồng cảm sâu sắc của các đồng chí Bắc Phi, Tây Phi thuộc Pháp, ở Mađagátxca, ở Đông Dương, ở Angti và ở Guyan.

Tờ báo ra đời cũng chính vì những lời hứa hẹn dối trá về tự do và công bằng được đưa ra trong cuộc chém giết khủng khiếp vào những năm 1914-1918 vừa qua, nhưng không được thực hiện một chút nào khi con giông tố đã dịu xuống. Tờ báo cũng chính là sự biểu thị ý thức tập thể của những người vô sản bản xứ đã nhận thức rõ ràng rằng bọn bóc lột lợi nhuận và bọn đặc quyền đặc lợi không muốn mất, dù là chút xíu, quyền lực và sự kiêu hãnh của chúng; bọn cầm quyền vừa mù vừa điếc ấy không muốn biết một chút nào những biến cố đang thai nghén trên thế giới.

Báo *Le Paria* tố cáo sự lạm quyền về chính trị, sự độc đoán về hành chính, sự bóc lột về kinh tế mà nhân dân trên các lãnh thổ rộng lớn ở hải ngoại đang là nạn nhân. Báo kêu gọi họ đoàn kết lại để đấu tranh cho sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của chính họ. Báo hô hào tổ chức lại nhằm mục đích đòi giải phóng những người bị áp bức thoát khỏi các thế lực chính trị, thực hiện tình thương yêu và tình hữu ái. Và giờ đây đội ngũ đã sẵn sàng, các bạn da vàng, da trắng và da đen hãy đặt mua báo của chúng tôi, hãy sát cánh cùng chúng tôi, hãy ra sức ủng hộ chúng tôi dù cho chúng tôi có gặp phải phong ba, bão táp thế nào chăng nữa.

Báo *Le Paria* đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của nó chắc chắn sẽ đạt được: giải phóng con người”.

Le Paria ra được tất cả 38 số, trong đó có 16 số phát hành khi Nguyễn Ái Quốc đang ở Pari. Mỗi số phát hành khoảng từ 1.000 đến 5.000 bản¹¹. 50% số lượng báo in ra được gửi tới các thuộc địa, số còn lại gửi cho những người đặt mua báo dài hạn và bán lẻ ở các đại lý sách báo. Toà soạn có hai đại lý bán *Le Paria*: Ở Pari là hiệu sách thực chứng số nhà 16, phố Xanh Sêvorin (Librairie positiviste rue Saint Séverine, 16), ở nhà số 3, phố Marché des Patriarcher và một đại lý ở Máctiních (Pho đơ Phorăngxơ, số 50, phố Cộng Hoà).

Sau một năm hoạt động *Le Paria* số 14 (4-1923) đăng bài *Kỷ niệm báo Le Paria* tổng kết một năm đấu tranh trên mặt trận báo chí, vạch hướng đi tới của tờ báo:

"Một năm đã trôi qua kể từ khi báo *Le Paria* ra đời. Các bạn quan tâm đến số phận của tờ báo ngay từ buổi đầu, nhân dịp kỷ niệm này, cảm ơn tất cả những ai đã can đảm với diễn đàn nhỏ bé này, bảo vệ nhân dân các thuộc địa.

Các bạn mua dài hạn, các bạn quyên góp cho báo đến số gần đây được 645 phăng, hãy nhận lấy sự biết ơn chân thành của chúng tôi.

Chúng tôi đã không quá lạc quan đối với những điều dự đoán trước. Chúng tôi hiểu rõ sự nghiệp mà chúng tôi theo đuổi, đặt ra vô vàn khó khăn. Một mặt, đông đảo dư luận châu Âu chưa được chuẩn bị để theo dõi đầy đủ quan điểm của chúng ta. Mặt khác, những người dân thuộc địa ở Pháp thường chưa quan tâm đến tình hình có quan hệ tới số phận đồng bào họ ở các thuộc địa đang phải đương đầu với mọi sự phiền nhiễu, với bạo lực của nhà cầm quyền ở địa phương, với sự bóc lột tư bản chủ nghĩa của những kẻ đi khai hóa. Cuối cùng, khoảng cách giữa Pari với châu Phi, châu Á, châu Mỹ rất xa. Những cuộc tiếp xúc giữa chúng tôi với nhân dân các thuộc địa mà *Le Paria* có trách nhiệm bảo vệ lại luôn luôn bị cản trở bởi những kẻ thống trị thuộc địa gây ra.

...

Sang năm thứ hai, chúng tôi muốn thực hiện những việc làm tốt đẹp hơn. Phải làm cho *Le Paria* xuất hiện trong một thời kỳ với những kết quả rực rỡ, có nhiều người tìm đến báo với số lượng bản in tăng hơn và số trang nhiều hơn trước. Tất cả những điều đó chỉ có thể thành sự thật nếu có được những nguồn dự trữ thích đáng...

Đối với tất cả những ai đọc báo, muốn báo sống lâu và lớn mạnh, hiểu nhiệm vụ của nó, nên mua dài hạn cho mình và vận động nhiều người mua dài hạn báo *Le Paria*..."¹².

Nếu tính đến số 16¹³ ra tháng 7-1923, tức là những số có sự chuẩn bị trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, Người đã viết 21 bài và vẽ 5 tranh châm biếm cho *Le Paria*. Bình quân mỗi số báo có 1,7 bài của Nguyễn Ái Quốc. Người là cây bút viết rất khoẻ. Chỉ tính những số báo xuất bản khi Nguyễn Ái Quốc còn ở Pari thì có 3 số đăng 2 bài, 2 số đăng 3 bài, và đặc biệt số 5 ra ngày 1-8-1922 đăng 4 bài và 1 tranh vẽ chiếm gần hết trang nhất. Là người sáng lập, chủ nhiệm kiêm chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã đóng vai trò chủ chốt cho tờ báo. Vai trò đó được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau từ tổ chức, biên tập đến cả việc phát hành tờ báo. Trong hội ỨC của mình, luật sư Mác Clanhvìn Blôngcua, người Goadơlúp - Ủy viên Ban Chấp hành *Hội Liên hiệp thuộc địa* đã xác nhận:

"Báo *Le Paria* xuất bản từ năm 1922 đến năm 1926, tất cả được 38 số. Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Anh viết khoẻ, có số viết tới hai, ba bài. Toàn bộ những bài báo của Anh là bản án chủ nghĩa thực dân Pháp và là nguyện vọng giành độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa. Lời văn Anh sắc bén, tư tưởng Anh rõ ràng và mạnh mẽ: đấu tranh đến cùng chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở nhiều số không những Anh viết bài mà Anh còn vẽ tranh châm biếm nữa để đả kích chế độ thực dân. Tất cả những bài và

tranh ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo *Le Paria* mang một màu sắc đặc biệt: đó là tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để và quyết tâm chống chủ nghĩa thực dân. Xem, đọc bài và tranh đó người ta thấy rõ tác giả có một tinh thần tiến công rất chủ động và rất thông minh"¹⁴.

Ý thức được mức độ ảnh hưởng không lớn của tờ *Le Paria* (vì bằng tiếng Pháp) nên Nguyễn Ái Quốc vận động *Hội những người yêu nước Việt Nam* ra báo *Việt Nam hôn*. Để cổ động cho tờ báo tiếng Việt sắp ra, Nguyễn Ái Quốc có viết:

“Ở trong thế giới ông nói, tàu bay,
Việc lạ tin hay ngày ngày thường có.
Nào ai muốn rõ, phải có nhật trình.
Mình ở gia đình, mắt soi vạn lý.
Á, Âu, Úc, Mỹ, rút lại một tờ.
Con trẻ đàn bà, ai ai cũng biết.
Mình người nước Việt, khách địa làm ăn.
Chẳng đọc Hán văn, không xem Pháp tự.
Việc đời hay dở, lành dữ mặc ai.
Tuy có mắt tai, cũng không nghe thấy.
Phận mình đã vậy, phận nước thế nào.
Anh chị, đồng bào, có hay chẳng nhẽ!
Cũng vì nghĩ thế, tôi muốn làm ra.
Một báo tiếng ta, cho đồng bào đọc...
Báo này sẽ đặt tên *Việt Nam hôn*.

Mỗi tháng hai lần, mỗi lần trăm bản.

Xin anh em bạn, ai có muốn coi,

Cắt gửi cho tôi, cái toa mãi chỉ.

Mấy lời chung thủy, như bất tận ngôn.

Chúc *Việt Nam hôn*

Vạn tuế, vạn vạn tuế.

Cắt gửi toa này cho ông Nguyễn Ái Quốc, số nhà 3, phố Mácsê đờ Patriácơ, quận V, Pari.

Tên tôi là:.....

Ở số nhà:.....

Tỉnh:.....

Gửi lại 12 quan để mua báo *Việt Nam hôn* 6 tháng

Mùa xuân 1923”

Nhưng rồi do yêu cầu công tác, Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô nên dự định đó không thực hiện được.¹⁵ Ngoài báo chí, Nguyễn Ái Quốc còn sử dụng những hình thức khác như *diễn thuyết*, *viết kịch* để truyền bá tư tưởng cách mạng của mình. Những hoạt động này của Người thường tập trung ở Câu lạc bộ ngoại ô Phôbua do Lêô Pôndét, một trí thức tiến bộ tổ chức và lãnh đạo. Tiếp tục truyền thống dân chủ từ cách mạng 1789, câu lạc bộ này thường sinh hoạt vào thứ năm và thứ bảy hằng tuần. Đề tài khá rộng bao gồm khoa học tự nhiên lẫn chính trị - xã hội, văn học - nghệ thuật. Trên trang nhất báo *Le Paria*, số 1 ngày 1-4-1922 có thông báo:

Nguyễn Ái Quốc trình bày đề tài: “Sân khấu Việt Nam” có biểu diễn tiết mục minh họa. Cũng tại Câu lạc bộ này vào chiều chủ nhật ngày 11-6-1922 vở kịch *Con rồng tre*, hài kịch ba màn của Nguyễn Ái Quốc, được công diễn lần đầu tiên. Những hình thức truyền bá này tuy không đến được với đồng bào bên Tổ quốc nhưng cũng góp phần tác động mạnh đến một bộ phận Việt kiều sống tại Pháp, hướng họ nghĩ về đất nước và thôi thúc hành động cách mạng.

Có thể nói, với sự xuất hiện của tờ báo *Le Paria*, một phương tiện truyền bá chủ yếu thời kỳ này, *tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc theo quan điểm mácxít đến với nhân dân ta thường xuyên và có hệ thống.*

Nghiên cứu những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ ở Pháp (đến tháng 6-1923) chúng ta thấy rằng Nguyễn Ái Quốc hướng các đòn đả kích mạnh mẽ và sắc bén nhất vào hai kẻ thù chủ yếu của cách mạng là bọn thực dân Pháp và bọn tay sai các loại, qua đó mà *thức tỉnh dân tộc. Nói chính xác hơn, cụ thể hơn, thức tỉnh dân tộc là một nội dung chủ yếu, quán xuyên trong những tác phẩm thời kỳ này của Nguyễn Ái Quốc.*

Trước hết, Người tập trung sức lực, trí tuệ của mình vào việc vạch trần bản chất xấu xa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương. Bằng những nét chấm phá, dưới ngòi bút của Người hiện ra một bức tranh toàn cảnh về chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương:

"Chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm... Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và đôi khi bị giết mà không cần xét xử... Người An Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng

tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền cư trú và du lịch ra nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách để đầu độc chúng tôi bằng thuốc phiện và làm cho chúng tôi đàn độn bằng rượu"¹⁶.

Ấy thế mà nhiều chính khách, nhiều tên bồi bút vì quyền lợi sống còn của chúng, đã ra sức biện hộ cho chủ nghĩa thực dân. A.Xarô là một ví dụ điển hình. Y đã viết nhiều cuốn sách¹⁷ ca tụng đến tởm trên chế độ vô nhân đạo ở các thuộc địa là "sự nghiệp cao cả", "công cuộc khai hoá văn minh", "làm rạng danh nước Pháp trên thế giới", "một sự nghiệp tiến bộ, chính nghĩa, sự nghiệp dẫn dắt các chủng tộc". Dưới ngòi bút của Nguyễn Ái Quốc, sự thật, sự việc đó được phơi bày ra như thế này: "Đó là thị trường, là cạnh tranh, là lợi tức, là đặc quyền. Buôn bán, tài chính, đó là những cái tượng trưng cho lòng nhân đạo của các ông. Suru thuế, lao dịch, bóc lột nặng nề - công cuộc khai hoá của các ông, tóm lại là thế đó"¹⁸; hoặc "Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc"¹⁹. Thuộc địa trở thành cái nuôi sống, làm giàu cho chính quốc và do đó bọn tư bản thực dân "tìm cách dùng các thuộc địa để củng cố nền thống trị đang lâm nguy của nó. Nó bòn rút ở đó cả nguyên liệu cho các nhà máy của nó, lẫn nhân lực để chống lại cách mạng"²⁰.

Qua những đoạn trích dẫn trên ta thấy Nguyễn Ái Quốc đã tập trung bóc trần bản chất thực sự của thực dân Pháp với hệ thống chính sách, thủ đoạn tàn bạo của chúng trên mọi lĩnh vực đối với một xã hội ở thuộc địa. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc vạch mặt chỉ tên những kẻ đại diện cho nước Pháp, cho nền "công lý" cai trị xứ Đông Dương. Trên những trang viết của Người hiện lên sống động hình ảnh những tên cai trị từ Bộ trưởng như A.Xarô, các quan Toàn quyền như M.Méclanh,

M.Lông, P.Bôđoanh²¹, những quan Thống đốc như Utorây, những viên Công sứ như ĐácLơ đến những viên quan và viên chức hạng bét như Puốcxinhông, Béc, Brét, Đepphi, Angti, Têa, Budinô, v.v.. Tất cả bọn chúng đều "nhờ độ lượng mẫu tử của nước Pháp bảo hộ Đông Dương thật sự trở thành một chỗ náu chân cho bọn làm bậy đó" và đã gây ra nhiều nợ máu đối với nhân dân Đông Dương. Với A.Xarô - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo: "Danh vọng của Ngài càng cao bao nhiêu thì sự quan tâm đặc biệt của Ngài đối với những người Đông Dương càng tăng lên bấy nhiêu. Ngài đã cho thiết lập ngay ở Pari một cơ quan đặc trách để theo dõi những người bản xứ cư trú trên đất Pháp, đặc biệt là theo dõi những người Đông Dương, như một tờ báo thuộc địa đã nói rõ"²².

Khi Méclanh được Tổng thống Pháp bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương thì Nguyễn Ái Quốc đã cung cấp cho độc giả lý lịch bất hảo của y: "Anh sẽ hỏi tôi: cái ông Méclanh ấy là ai ư? Chả gì thì đây cũng là một ông đã là quan cai trị các đảo Gămliã, rồi Phó Toàn quyền Tây Phi, rồi Toàn quyền thuộc địa này. Đó là một vị đã bỏ ra 36 năm cuộc đời mình để nhồi các cái sọ bản xứ về tất cả cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp"²³.

Một đòn đả kích khác mà Nguyễn Ái Quốc chĩa vào là bọn tay sai các loại từ vua quan bù nhìn đến những kẻ vì miếng bơ thừa sữa cặn của thực dân Pháp sống ươn hèn hoặc ra sức tâng bốc "công ơn khai hoá" của nước đại Pháp. Tháng 6-1922, vua bù nhìn Khải Định, đại biểu cho chế độ phong kiến suy tàn, thối nát làm tay sai cho đế quốc, sang Pháp dự khai mạc triển lãm thuộc địa ở Mácxây. Nhà yêu nước Phan Chu Trinh viết *Thất điều trần* ngày 15-7-1922 đã liệt kê bảy tội đáng chém của Khải Định và ghi thêm "bảy tội đó đều là kẻ những điều quan hệ với quốc kế dân sinh mà thôi, chớ còn tội lật vặt khác thì không kể xiết". Về mặt nào đó *Thất điều trần* của Phan Chu Trinh là sự tuyên chiến cao nhất của ông đối với chế độ phong kiến thối nát mà Khải Định là kẻ đại diện. Qua *Thất trần* của Phan Chu

Trinh vua Khải Định bị hạ bệ trước công luận; cũng qua *Thất trăm* đã lộ rõ lập trường tư sản của Phan Chu Trinh khi ông chủ trương "đem chính quyền giao lại cho quốc dân được trực tiếp ngang với Chính phủ Pháp mà làm công việc mưu sự lợi ích sau này". Còn Nguyễn Ái Quốc lên án Khải Định trên lập trường vô sản với bút pháp trào lộng hóm hỉnh, châm biếm sâu cay. Nên nhớ rằng, vở kịch *Con rồng tre* và một loạt bài của Nguyễn Ái Quốc đả kích Khải Định xuất hiện ở Pari trước khi Phan Chu Trinh công bố *Thất trăm* gần một tháng, đã chuẩn bị dư luận trước cho công chúng Pari, khi Khải Định xuất hiện ở đây²⁴. Đề tài đó được Nguyễn Ái Quốc theo đuổi trong suốt thời gian Khải Định lưu lại ở Pháp và tiếp sau đó nữa. Nếu như trong vở kịch *Con rồng tre*²⁵ Nguyễn Ái Quốc đưa lại cho người xem hình tượng tên vua bù nhìn Khải Định, thì trong những bài viết trên các báo Pari, Người tập trung vào chuyện đi Pháp với đầy đủ sự lố bịch, ngu dốt và muôn vàn thói xấu của y. Nguyễn Ái Quốc viết: "Ngài đã đến - hay nói cho đúng hơn là người ta đã đưa ngài đến, coi như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở hội chợ. Người ta định đem ngài bày ít nhất là vài ba tháng trong tủ kính xinh xắn, nhưng mỏng manh và có thể bị hủy hoại"²⁶. Và một Khải Định ươn hèn bị tổ tiên ruồng bỏ qua lời của bà Trưng Trắc, một người phụ nữ đã đứng dậy khởi nghĩa giành độc lập cho đất nước những năm đầu sau Công nguyên: "Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kẻ tục ngại vàng của các vị nay sống trong ươn hèn"²⁷. Đến những tên tay sai, những tên đầy tớ trung thành của bọn thực dân như Nguyễn Khắc Vệ và Cao Văn Sen thì Nguyễn Ái Quốc đã không ngần ngại hạ bút: "Nếu quả thực tất cả những người An Nam đều cũng luôn cúi như hai đứa con này của guồng máy cai trị thì quả thực là dân này xứng đáng với cái số phận được cho"²⁸.

Rõ ràng là nội dung chủ yếu nhất trong những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc ở thời kỳ này nhằm chuẩn bị bước đầu về mặt tư tưởng cho sự vùng dậy của dân tộc ta trong tương lai, hướng đúng vào hai kẻ thù chính của dân tộc, đối tượng của cuộc cách mạng. Phải thừa nhận là vào đầu những năm 20 thế kỷ XX, những tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về kẻ thù mà cách mạng phải quật đổ một lúc là những tư tưởng rất mới mẻ và duy nhất đúng trong lịch sử chính trị - tư tưởng nước ta. Chúng ta đều biết, cũng vào thời kỳ ấy hai nhà cách mạng có ảnh hưởng lớn trong các giới đồng bào ta là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, mỗi người đều dồn sự căm ghét của mình vào một đối tượng. Người trước hô hào quốc dân đồng bào đứng lên đánh đổ thực dân Pháp, người sau dồn mọi uất hận vào bọn vua quan hủ lậu, hai nhà ái quốc đầy nhiệt huyết ấy vẫn chưa nhìn ra bản chất thực sự của chế độ thuộc địa, không nhận ra được kẻ thù của dân tộc cần phải đánh đổ một lúc. Chỉ có Nguyễn Ái Quốc được vũ trang bằng lý luận cách mạng tiên tiến, được trang bị thực tiễn phong phú trong những năm lăn lộn trong phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc mới có thể nhìn thấu suốt bản chất đó, mới có thể phát hiện ra đặc trưng của chế độ tàn bạo đó, mới đem lại cho dân ta cách nhìn đúng đắn về kẻ thù chủ yếu của công cuộc giải phóng.

Với nội dung mang tính chiến đấu cao, *Le Paria*, phương tiện tuyên truyền chủ yếu tư tưởng cách mạng cho các dân tộc bị áp bức, chiếm được sự mến mộ của nhân dân lao động ở các thuộc địa. Điều đó được thể hiện qua hai chỉ số tiêu biểu: số người đặt mua báo dài hạn tăng lên và người ủng hộ tiền cho báo. Trong một bản báo cáo gửi Bộ trưởng Bộ Nội Vụ, tháng 3-1921, có đề cập đến số lượng người đặt mua báo dài hạn từ *Le Paria* “Số lượng người đặt mua báo năm hiện nay ước khoảng 500 người, chủ yếu từ các thuộc địa và phần lớn là công chức bản xứ”²⁹. Trong số 500 người đặt mua báo năm, đáng chú ý là có 150 người Việt Nam (đa số là những người đang sinh sống lên đất Pháp, chỉ có 13 người từ trong nước). Theo

hồ sơ mật thám lập vào tháng 5, tháng 6-1923, tức là hai tháng trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Pháp, có 20 người gửi đơn đặt mua báo *Le Paria* cho Nguyễn Ái Quốc tại số 3, phố Marché des Patriarcher, từ những địa chỉ khác nhau và mang quốc tịch khác nhau: Việt Nam, Ma Rốc, Tuynidi, Máctiních, Haiti, Trung Quốc. Một điều đáng chú ý là trong số 12 người Việt Nam gửi đơn xin mua báo năm có hai người từ trong nước (một người ở làng Yên Thái, Hà Nội và một người ở thành phố Nha Trang). Như vậy, không chỉ có những người hiện đang sống trên đất Pháp, mà có cả những người từ trong nước đặt mua báo dài hạn.

Để báo chí và thư từ trao đổi đến được với những độc giả đặt báo, toà soạn đã sử dụng đường dây bưu điện thông thường. Chính đây là con đường *công khai* đưa báo chí từ Pháp về nước ta. Mức độ đó gia tăng theo thời gian. Và ảnh hưởng của báo chí cánh tả, đặc biệt là tờ *Le Paria* cũng được mở rộng theo đó. Bởi thế mà bọn thực dân bí mật kiểm duyệt thư tín, bưu phẩm từ Pháp gửi về nước, tịch thu các ấn phẩm không có lợi cho nền thống trị của chúng. Trong bài *Phòng kiểm duyệt ở Đông Dương* đăng trên *L'Humanité* số ra ngày 28-9-1922, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chế độ kiểm duyệt của thực dân Pháp ở Đông Dương và cả ở Mađagátxca: "Đông Dương được quyền cai trị của viên Toàn quyền Lông cũng chẳng khác gì Mađagátxca dưới sự thống trị của viên Toàn quyền Gácbi: cũng những bất công, những việc lộng quyền, những vụ tai tiếng, những điều ô nhục như thế."

Chúng tôi được biết ở Sở Bưu chính và Sở Mật thám Đông Dương được lệnh giữ những gói và thư gửi cho báo *Le Paria* xuất bản ở Pari, cũng như những thư tín do báo này gửi về Đông Dương"³⁰.

Ý thức được điều đó từ trước, nên đồng thời với việc sử dụng đường dây liên lạc công khai, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động xây dựng một *đường dây bí mật* thông qua những thủy thủ yêu nước, có tâm huyết làm việc trên tuyến đường vận tải biển

Pháp – Đông Dương. Khởi đầu của đường dây bí mật ấy là việc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* dưới dạng truyền đơn về nước vào quý IV năm 1919 cho hành khách hồi hương tại cảng Mácxây. Từ đó về sau, con đường đó được xây dựng hoàn chỉnh và bí mật với một hệ thống các trạm tiếp nhận như Le Havre, Mácxây, Sài Gòn, Hải Phòng. Với những thủy thủ làm giao thông bí mật như Bùi Lâm, Nguyễn Viết Ty, Hoàng Đình Lộc, v.v.. Những thủy thủ Việt Nam ấy thực hiện "Chủ nghĩa cộng sản Đông Dương trên biển" như tờ báo *L'Ami du peuple* số ra ngày 20-1-1931 đã gọi. Thực dân Pháp biết rõ con đường này qua mật báo của bọn mật thám. Chẳng hạn, trong mật báo ngày 24-3-1922 bọn chỉ điểm đã báo với cấp trên của chúng: "Báo chí và tài liệu sẽ gửi về Đông Dương qua đường Anvers trên các chuyến tàu của hãng vận tải *Chageurs Réunes* có những hành khách hoặc những người làm việc trên tàu đem về"³¹. Chúng đã ý thức được tầm quan trọng của con đường này trong việc nối Việt Nam với thế giới bên ngoài, gắn phong trào cách mạng nước Pháp với phong trào cách mạng trong nước. Đoạn hồi ký của Nguyễn Viết Ty cho biết công lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc kiến tạo con đường liên lạc bí mật đó: "Anh Nguyễn dặn dò có một việc quan trọng: anh em nếu có tàu sắp sang châu Phi và Mỹ Latinh thì sửa soạn lấy thêm tài liệu mà mang đi. Nếu tàu anh không chạy thì anh kiếm tàu khác, nhưng phải chọn người cẩn thận, nếu không thì chết cả. Báo *Việt Nam hờn* sắp ra rồi đấy, chuẩn bị cách nào đưa được ngay về Sài Gòn rồi đưa ra Bắc. Tìm mọi cách để phát huy trót lọt .

Chúng tôi tiếp tục công việc chuyển tài liệu bí mật. Tất cả các tài liệu chúng tôi giấu trong các sọt đựng trứng đưa xuống tàu để giữa lần rom lót và lượt trứng xếp ở trên. Lúc tàu sắp sửa kéo cầu lên để chạy thì mới đưa xuống. Tàu về tới Nhà Bè, có người xuống hỏi theo ám hiệu "có ai gửi thư cho tôi không?" thì mới giao. Khi tàu tới Ô Cấp, chúng tôi chuẩn bị lấy tài liệu ra. Chúng tôi lấy bột mỳ nhào nước

nhét tài liệu vào giữa ổ bánh mỳ, cho vào lò nướng qua vừa vặn không cháy, xong đặt những ổ bánh mỳ đó vào làn bỏ xuống thuyền đem đi"³².

Như vậy, những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc theo những đường dây đó đến với nhân dân ta. Một số báo chí tiên bộ xuất bản ở Sài Gòn thường xuyên nhận được báo chí từ Pháp gửi sang và đã đăng lại nhiều bài trên *Le Paria*, *L'Humanité*. Chẳng hạn, tờ *La cloche fêlée* do Nguyễn An Ninh chủ trương, số 1 ra ngày 10-12-1923, thường nhận được báo *Le Paria* và *L'Humanité* và đăng lại một số bài. Hoặc báo *Le Jeune Annam* của Lâm Hiệp Châu, số 1, ngày 23-3-1926 tại Sài Gòn, đã đăng lại bài *Chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Viễn Đông - Varen và Đông Dương* của Nguyễn Ái Quốc đã đăng trên *Le Paria* số 35, tháng 8-1925. Nhiều hồi ký của các chiến sĩ cách mạng lão thành cho ta biết ảnh hưởng rộng lớn của báo *Le Paria* trong nhân dân ta, đặc biệt trong tầng lớp học sinh, trí thức. Đồng chí Tôn Đức Thắng kể: "Anh em công nhân Nam Bộ đã đón tờ báo ấy một cách tha thiết và chuyên tay nhau đọc đến nỗi mòn cả giấy, cả chữ. Vì bọn lính kín Pháp theo dõi rất ngặt nên anh em công nhân đã tổ chức thành từng nhóm 5, 6 người hẹn nhau đi mượn thuyền chèo ra giữa sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Cửu Long để đọc *Le Paria*"³³. Thông qua hoạt động của những trí thức tiên bộ, ảnh hưởng của báo *Le Paria* và tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc càng lớn và càng nổi tiếng. Chẳng hạn như Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh. Trò chuyện với thành niên Sài Gòn, Phan Văn Trường đã nói: "Tương lai của nước ta có được các gì chỉ là nhờ Nguyễn Ái Quốc"³⁴. Hay Nguyễn An Ninh đã tuyên bố: "Thực ra, tôi là một nhà triết lý nhiều hơn là một nhà hoạt động có phương pháp, có tổ chức. Chính anh Nguyễn Ái Quốc đã làm tôi hăng hái cách mạng. Tôi hoàn toàn tán thành đường lối của Quốc tế đệ tam và tôi luôn luôn coi anh Nguyễn Ái Quốc là một người dẫn đường cho tôi"³⁵. Do đó mà trong ý thức của nhân dân ta, đặc biệt lớp trí thức thức thời, Nguyễn Ái Quốc được thừa nhận như một lãnh tụ tương lai của đất nước. Từ

đó mà dẫn đến những hành động thực tiễn - xuất dương sang Pháp tìm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tìm con đường cách mạng chân chính. Một trong những người đi theo tiếng gọi đó là Nguyễn Văn Tạo. Ông đã kể lại: "Chúng tôi tìm đến anh em công nhân Ba Son. Gặp những công nhân làm tàu. Thế là chúng tôi gặp *Lên án chủ nghĩa thực dân*³⁶, *Le Paria*, *Việt Nam hôm nay*. Thế là gặp Nguyễn Ái Quốc. Chúng tôi biết là có Đệ tam Quốc tế, có chủ nghĩa cộng sản, có Liên Xô thành trì của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi cũng trốn sang Pháp đi tìm Nguyễn Ái Quốc, đi tìm cách mạng kiểu mới"³⁷.

Như vậy, thời gian hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp tuy không dài lắm nhưng là thời kỳ rất quan trọng đối với cách mạng nước ta. Đó là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc đặt nền móng cho toàn bộ sự nghiệp của mình, cũng là toàn bộ tương lai của đất nước. Không có thời kỳ mở đầu có hiệu quả này thì không thể có thời kỳ sau đó - thời kỳ Mátxcova. Nếu như ở thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc đã dồn toàn bộ sức lực, trí tuệ khai mở con đường đưa tư tưởng cách mạng theo quan điểm Mác-Lênin về nước mà trọng tâm là thức tỉnh tinh thần cách mạng của nhân dân thì ở thời kỳ tiếp theo là định hướng cho cuộc vùng dậy đó tới Cách mạng Tháng Mười Nga, thời kỳ phác thảo những nét lớn về chiến lược cho cách mạng nước ta.

II- Thời kỳ Mátxcova - Phác thảo những nét lớn về chiến lược của cách mạng Việt Nam

Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã xuất hiện một khuynh hướng mới, đó là chú ý đến các thuộc địa mà thời đó đang được hợp lại trong một khái niệm chung có tính chất địa lý là *phương Đông*. V.I.Lênin, người đầu tiên khai mở khuynh hướng đó, trong một loạt bài viết từ năm 1912 đến tác phẩm trứ danh *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tội cùng của chủ nghĩa tư bản* (1916), đã đề cập tới vai trò quan trọng của phương Đông trong tiến trình cách mạng thế giới. Cũng trong tác phẩm đó, Người xác định

mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh chống đế quốc nhằm giải phóng dân tộc ở các thuộc địa với cuộc cách mạng vô sản của giai cấp công nhân ở chính quốc. Sau Cách mạng Tháng Mười, V.I. Lênin đã đi đến kết luận rằng vận mệnh của cách mạng thế giới phụ thuộc vào sự phát triển cách mạng ở phương Đông. Những tư tưởng của V.I. Lênin được những người mácxít chân chính thế giới thừa nhận và góp phần hình thành hướng hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế. Cùng với việc nghiên cứu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành hàng loạt hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào yêu nước ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Một trong những nỗ lực theo hướng đó là việc Quốc tế Cộng sản thành lập những trung tâm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin cho các nước phương Đông như Mátxcova, Tasken - Bacu, Ircut - Quảng Châu. Với sự hoạt động tích cực của các trung tâm đó, một đội ngũ những chiến sĩ cộng sản của các nước thuộc địa và phụ thuộc được đào tạo, các Đảng Cộng sản ở một số nước phương Đông được thành lập. Rõ ràng, khuynh hướng mới trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã tạo nên một yếu tố cực kỳ quan trọng để thúc đẩy việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở khu vực này: Đông Dương được đặt trong bối cảnh đó thì công việc của Nguyễn Ái Quốc đang theo đuổi sẽ có thêm bước phát triển mới về chất.

Đối với Đông Dương, một địa bàn xung yếu ở Đông Nam Á, Quốc tế Cộng sản đã có sự quan tâm khá sớm, trung tâm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Viễn Đông sau khi thành lập đã vạch kế hoạch tuyên truyền ở Thượng Hải, Sài Gòn, Xingapo. Một bức điện đề ngày 26-4-1920 của Lãnh sự Pháp tại Vladivôxtôc cho thấy rõ điều ấy. Trong bức điện đó, Lãnh sự Pháp đã báo cho các nhà đương cục Đông Dương biết là một cơ quan lãnh đạo việc tuyên truyền cộng sản đã được thành lập tại Hải Sâm Uy, cơ quan này dự định sẽ tổ chức các trung tâm tuyên

truyền tại Thượng Hải, Sài Gòn và Tân Gia Ba. Tiếp đó, một bức điện mật đề ngày 8-9-1920 của các nhà chức trách Nam Kỳ báo với cấp trên của họ là hiện họ đang theo dõi một số người Nga vừa đến Sài Gòn, trong đó có một người tên là Ăngtônícốpxki. Những người này, theo sự điều tra của Sở liên phóng, đều là những đảng viên cộng sản có nhiệm vụ đến đây để tiến hành tuyên truyền cộng sản và gây cơ sở cộng sản.

Đúng hai tháng sau, ngày 8-11-1920 các nhà chức trách Nam Kỳ đã gửi một bản thông tri báo cho các địa phương biết rằng hai người Nga, đảng viên cộng sản, đến Sài Gòn hoạt động đã bị trục xuất. Qua những tài liệu vừa dẫn ở trên, có thể rút ra những kết luận quan trọng:

1. Sài Gòn được Quốc tế Cộng sản chọn làm một điểm tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương.
2. Cho đến cuối năm 1920, những nỗ lực của Quốc tế Cộng sản nhằm thiết lập ở Đông Dương một trung tâm tuyên truyền chưa đạt được do sự ngăn cấm của thực dân Pháp.

Có lẽ vì thế mà năm 1921, Đông Dương đã được V.I.Lênin đặt ra gay gắt hơn: "Cần nghiên cứu kỹ hơn vấn đề Đông Dương và Angiêri, nhưng đây là một nhiệm vụ mà những người bônxêvích không nên uỷ thác cho ai khác là uỷ thác cho chính mình"³⁸.

Một điều thú vị là trong một bức công văn mật của Nha liên phóng Trung ương gửi các Sở liên phóng ba kỳ có trích lời của V.I.Lênin đã dẫn trên và nhắc nhở các nhà đương cục Đông Dương phải hết sức đề phòng không cho chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa bônxêvích thâm nhập vào Đông Dương vì đó là nguy cơ lớn nhất cho chúng.

Qua những tài liệu đã dẫn ở trên, chúng ta thấy rõ *thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách chống cộng khi ở đây chưa có cộng sản*. Và Đông Dương, với những chính sách đó của bọn cầm quyền, đến đầu những năm 20 vẫn là "khu vực an toàn" trước sự hoạt động của Quốc tế Cộng sản, trong khi ở một số nước trong vùng Quốc tế Cộng sản đã có những chỗ đứng vững chắc. Công việc tuyên truyền của Quốc tế Cộng sản ở Đông Dương chưa có kết quả và sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc, một người cộng sản Đông Dương, tại Đại hội I Quốc tế Nông dân ở Mátxcova ngày 13-10-1923 tự thân đã là sự khởi đầu cho một ý định công tác mới của Quốc tế Cộng sản và của chính Nguyễn Ái Quốc. *Đó chính là cuộc gặp gỡ kỳ thú giữa Quốc tế Cộng sản, một tổ chức đang cần gây ảnh hưởng, gây cơ sở ở Đông Dương, một vị trí chiến lược ở Đông Nam Á và Nguyễn Ái Quốc, người đang muốn mở đường đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến với xứ sở mình*. Cuộc gặp gỡ đó dẫn tới ba tháng sau xuất hiện một văn kiện lịch sử quan trọng bằng tiếng Việt của Quốc tế Cộng sản gửi nhân dân ta. Vì tầm quan trọng của văn kiện này, chúng tôi xin chép toàn văn:

“Quốc tế lao nông hội kính cáo.

Nhời hô của hội "Quốc tế Cộng sản".

Mạc Tư Khoa, 27-1-1924.

Vừa năm năm qua, ở kinh đô nước Nga là một nước thật là dân chủ (ở trần gian chưa bao giờ có nước thế) có lập một hội để họp tất cả bao nhiêu người làm ăn. Hội ấy gọi là “Internationale Communistel”. Nhờ mấy người cầm đầu anh hùng mới dựng lên thì Hội ấy bây giờ mạnh lắm, để giúp hàng triệu, hàng muôn mấy người làm ăn ngũ phương, nhất là nông dân khốn khổ thuộc về thuộc địa như An Nam ta vậy. Hội mới mất ông Lênin làm chủ can đảm, khôn ngoan và rất tử tế. Nhưng mà Hội vẫn cứ chắc thế nào cũng cứ đỡ đầu cho đến nơi. Khắp cả trần gian, đâu đâu nghe thấy tiếng Hội, trông thấy cờ đỏ hồng của Hội thì run, thì giật mình

giật mảy. Thờì mình thắng trận gần đến! Anh em ơi! Anh em ơi! Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại!"³⁹.

Văn kiện này do Nguyễn Ái Quốc viết, gửi về in ở Toà soạn báo *L'Humanité* với 3.500 bản. Nó được bí mật gửi về Đông Dương. Theo báo cáo của Nha mật thám Đông Dương, chúng đã tịch thu được 1.500 bản vào tháng 7 và 315 bản vào tháng 8. Tờ *Courrier d' Hải Phòng* (Tin tức Hải Phòng) nhận được một bản liền dịch và cho đăng trên số báo ra ngày 9-8- 1924 với lời ghi chú như sau: "Tờ truyền đơn này do một nhóm cộng sản An Nam gửi tới đây và được một công chức An Nam nộp cho chúng tôi. Nhiều nhà chức trách bản xứ cũng đã biết rằng họ cũng vừa nhận được nhiều tờ truyền đơn như thế để trong những tờ quảng cáo".

Như vậy, văn kiện đầu tiên của Quốc tế Cộng sản gửi nhân dân ta đã đến được địa chỉ cần thiết. *Sự kiện đó minh chứng rõ ràng con đường đưa chủ nghĩa Mác - Lênin từ Mátxcova, từ Quốc tế Cộng sản đã được khai thông. Người khai mở con đường đó chính là Nguyễn Ái Quốc.*

Tiếp đó, vào dịp kỷ niệm ngày chống chiến tranh đế quốc 1-8-1924, với sự giúp sức của Nguyễn Ái Quốc, Quốc tế Cộng sản công bố một lời kêu gọi bằng tiếng Việt, có đoạn:

"Tháng Tám năm nay nhớ đến tháng Tám 10 năm trước, bên Tây bắt đầu đánh nhau. Mọi rợ quá anh em ơi. Quân dã man. Chúng nó cắn nhau hàng triệu, hàng muôn chỉ vì giành nhau miếng đất đồng tiền, nhất là giành lấy thuộc địa để đi ăn cướp dân ta...

Ông Lênin là một người Nga - Latur, đang đánh nhau mà ông ấy đi cắt nghĩa cho dân biết đừng dại mà đi đánh nhau cho mấy thằng dã man nó được lời mà mình chết, xong rồi nó lại xoay mặt, nó lại cứ ăn hiếp người, thế thì mình dại quá.

Thà bằng mình cầm lại súng bắn lại nó còn hơn. Tại ông Lênin cho nên Nga - Latur nó đuổi vua chúa nước nó, ví dụ như dân ta đuổi mấy quân dã man thuộc địa vậy"⁴⁰. Thông qua Nguyễn Ái Quốc đó là văn kiện thứ hai gửi nhân dân ta của Quốc tế Cộng sản.

Sự thay đổi môi trường sống đã tạo cho hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc có thêm nhiều điều kiện thuận lợi. Ngoài những điều kiện tối ưu cho con người của một đất nước tự do thật sự, Mátxcova lúc này còn là trung tâm của phong trào cách mạng thế giới, nơi đóng trụ sở của Quốc tế Cộng sản, Bộ Tổng tham mưu của những người cộng sản thế giới, và có khối lượng thông tin đồ sộ. Trong môi trường mới mà lúc đó trên thế giới không nơi nào có được, hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc như được tăng thêm sức, được chấp thêm cánh. Các mối quan hệ giao tiếp của Nguyễn Ái Quốc được mở rộng thêm ra. Nếu như ở Pháp, Người quan hệ với những người mácxít Pháp, với những chiến sĩ chống thực dân đế quốc thuộc các thuộc địa Pháp không thôi, thì ở Mátxcova mối giao tiếp của Người chẳng những gia tăng về số lượng mà cả chất lượng nữa. Tại đây Người có thể trò chuyện, trao đổi kinh nghiệm với những lãnh tụ nổi tiếng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với các chiến sĩ chống đế quốc thực dân trên mọi miền của thế giới và được học tập, nghiên ngẫm, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Trong môi trường mới đó, Người hoàn thiện thế giới quan mácxít của mình. Tất cả những cái đó tạo thành nền tảng để trên đó Nguyễn Ái Quốc triển khai hoạt động tuyên truyền của mình với nhiều hình thức phong phú hơn và có chất lượng hơn, sâu sắc hơn.

Trong hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc sử dụng nhiều phương tiện thông tin khác nhau. Trước hết phải kể đến phương tiện *báo chí*. Ở Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục duy trì quan hệ với báo chí

cánh tả Pháp. Bắt đầu tháng 9-1923 đã xuất hiện bài viết của Người trên các tờ báo *L'Humanité* và *La Vie ouvrière*. Với tờ *Le Paria* khi còn ở Pháp, Người là chủ nhiệm, chủ bút, thì khi tới địa điểm mới Người như là phóng viên thường trú của bản báo ở Mátxcova. Trên cương vị đó, Người đã viết cho tờ báo những bài viết chứa đựng những thông tin mới mẻ diễn ra ở nước Nga, một xứ sở có sức cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa. Bắt đầu từ số 18, tháng 9-1923, *Le Paria* đăng những bài của Nguyễn Ái Quốc về Quốc tế Cộng sản, về Đại hội lần thứ I Quốc tế Nông dân, về trường Đại học Phương Đông, về nước Nga Xôviết.

Đồng thời với việc hoàn thành nhiệm vụ của một phóng viên thường trú ở Mátxcova cho các tờ báo cánh tả của Pháp, Nguyễn Ái Quốc đặt quan hệ với những ấn phẩm định kỳ của Quốc tế Cộng sản như Tạp chí *Correspondance Internationale* (Thông tin quốc tế) bằng các thứ tiếng như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức; của Quốc tế Nông dân như Tạp chí *Quốc tế Nông dân*, với báo chí của Đảng Cộng sản Liên Xô như tờ *Sự thật*, *Người nông dân Bacu*. Ở mức độ nào đó, bài vở của Nguyễn Ái Quốc trên các ấn phẩm định kỳ thời kỳ này phong phú hơn về mặt số lượng, và trên những ấn phẩm có tính phổ biến rộng rãi hơn.

Ngoài báo chí, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu sử dụng các phương tiện thông tin mới chưa có trước đó như *truyền đơn*, *sách báo*, *diễn đàn*.

Hai văn kiện của Quốc tế Cộng sản gửi nhân dân ta đã nhắc tới ở trên được in dưới dạng truyền đơn với những khối lượng lớn theo đường dây bí mật từ Pháp đến được địa chỉ cần thiết. Ở Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc dành một phần thời gian cho những công trình dài hơn. Đó là những cuốn sách mang tầm vóc tư tưởng lớn. Từ những tài liệu sưu tầm, tập hợp từ nhiều năm, Người đã hoàn thành công việc biên soạn cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* bằng tiếng Pháp.

Tác phẩm được gửi về in tại Pháp vào năm 1925. Trong lần xuất bản đầu, tác phẩm gồm 12 chương, phụ lục và bài mở đầu của Nguyễn Thế Truyền, lúc đó là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, đang công tác trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng ở Pari. Trong thời gian học ở trường Đại học Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số sinh viên Trung Quốc viết cuốn *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*. Tác phẩm này được Nhà xuất bản Mátxcova mới xuất bản năm 1924. Cũng vào khoảng thời gian này, Nhà xuất bản *Tiếng còi* ấn hành cuốn *Chủng tộc da đen* của Nguyễn Ái Quốc. Nội dung hai cuốn sách đó tập trung lên án chế độ xấu xa, tàn ác của chủ nghĩa đế quốc và tình trạng đau khổ của các nước thuộc địa. Điều đáng tiếc là cuốn *Chủng tộc da đen* đến nay chúng ta chưa tìm thấy.

Thời gian hoạt động ở Mátxcova cũng là thời gian Nguyễn Ái Quốc tham dự nhiều hội nghị quốc tế lớn. Người tham gia Đại hội lần thứ I Quốc tế Nông dân họp từ ngày 12 đến ngày 15-10-1923. Tại phiên họp chiều 13-10-1923, Người đọc tham luận xác định vai trò cách mạng của nông dân ở các thuộc địa trong công cuộc giải phóng ách áp bức thực dân. Tiếp đó, Người tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924. Người đã tham luận nhiều lần về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Sau đó, Người tham dự Đại hội III Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội IV Quốc tế Thanh niên, v.v.. Tại diễn đàn các đại hội đó, Người đã nói lên tiếng nói của nhân dân thuộc địa, bảo vệ những luận điểm đúng đắn của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, và tuyên truyền những tư tưởng cách mạng của mình trên lập trường mácxít. Những lời phát biểu của Người đã để lại những ấn tượng đẹp đẽ trong lòng các đại biểu, đặc biệt là những đại biểu từ các nước thuộc địa và phụ thuộc Á, Phi, Mỹ Latinh.

Nghiên cứu những tác phẩm, những bài viết và những lời phát biểu của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này, ta bắt gặp một đề tài quen thuộc: đó là *tiếp tục tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp nói riêng đối với nhân*

dân các nước thuộc địa, đối với nhân dân Việt Nam. Sự khác nhau trong chủ đề này ở hai thời kỳ là ở chỗ, nếu như ở Pari vấn đề được đặt ra trong từng bài rải rác thì ở Mátxcova vấn đề được tập trung lại trong những tác phẩm lớn. Như vậy, mức độ tố cáo tập trung hơn, toàn diện hơn. Về đối tượng tố cáo, Nguyễn Ái Quốc dồn đôn mạnh nhất vào chế độ thực dân Pháp trên lãnh thổ hải ngoại rộng lớn. Ngoài ra, ngòi bút của Người cũng đã hướng tới đế quốc Anh, một cường quốc tư bản có nhiều thuộc địa nhất thời đó, cả đế quốc Đức, Nhật Bản trong âm mưu thôn tính và nô dịch Trung Quốc, Triều Tiên và tẽ phân biệt chủng tộc của đế quốc Mỹ. Rõ ràng, diện tố cáo của Nguyễn Ái Quốc rộng hơn, không chỉ đối với các dân tộc bị buộc làm thuộc địa mà cả đối với những người da đen sống trên đất Mỹ, một khía cạnh chưa mấy ai biết tới của nền văn minh Mỹ, có thể nói, ách áp bức của đế quốc thực dân "không từ một chủng tộc nào". Bằng những con số thống kê xác thực về các nước đế quốc và thuộc địa của nó, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến kết luận: "Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km². Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người"⁴¹.

Với chính sách kẻ cướp của đế quốc Anh, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ:

"Chủ nghĩa tư bản Anh, tuy thềm muôn của cải vô tận của Trung Quốc, nhưng vì từ trước đến giờ, vẫn đành chỉ chiếm Hương Cảng làm thuộc địa và thực hiện trên

nội địa Trung Quốc chính sách mở cửa, một chính sách giúp cho họ có thể bóc lột đất nước này mà không làm cho nhân dân nổi dậy. Ngày nay, đối với họ như thế không đủ nữa. Họ muốn làm hơn thế nữa kia: họ muốn chiếm cả Trung Quốc làm thuộc địa"⁴².

Với chế độ phân biệt chủng tộc của đế quốc Mỹ, Người vạch rõ: "Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ, trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai họa thật sự đối với người da đen và là một bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là *tục hành hình kiểu Linsơ*"⁴³.

Ngoài đề tài quen thuộc đó ra, ở thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc cũng bắt đầu nêu ra những vấn đề mới mẻ trước đó chưa từng có. Với chủ đích rõ ràng là hướng cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc ta tới Quốc tế Cộng sản, tới Cách mạng Tháng Mười Nga.

Trước hết, Nguyễn Ái Quốc cung cấp cho nhân dân ta những hiểu biết, những thông tin về một tổ chức chính trị quốc tế kiên quyết bênh vực quyền lợi của các dân tộc thuộc địa, đó là *Quốc tế Cộng sản*, đứng đầu là V.I.Lênin. Ngoài hai văn kiện bằng tiếng Việt của Quốc tế Cộng sản đã giới thiệu ở trên, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục giới thiệu những văn kiện quan trọng khác của Quốc tế Cộng sản và các tổ chức quần chúng của nó. Trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, ở chương *Nô lệ thức tỉnh*, Người đưa vào những văn kiện quan trọng đối với các thuộc địa như *Tuyên ngôn* của Ban Chấp hành Đệ tam Quốc tế, phân liên quan tới nhân dân các thuộc địa. *Hiệu triệu* của Quốc tế Nông dân gửi nông dân lao động các thuộc

địa; *Tổ chức Công đoàn ở thuộc địa*. Mục đích của tác giả là làm cho độc giả hiểu rằng trên thế giới này có những tổ chức đang quan tâm đến vận mệnh của nhân dân thuộc địa, thông cảm với cuộc sống cực khổ của họ và kêu gọi họ tổ chức lại theo những tổ chức thích hợp để hoàn thành sự nghiệp giải phóng của mình. Muốn cho cuộc đấu tranh đầy gian khổ, khó khăn đó đi đến thắng lợi cuối cùng thì không còn con đường nào khác ngoài con đường "đoàn kết nhau lại. Xiết chặt hàng ngũ chúng ta quanh lá cờ Quốc tế Cộng sản, lá cờ này là lá cờ duy nhất để giải phóng người bị áp bức...Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta mới tìm được sự giải phóng của chúng ta"⁴⁴.

Với V.I.Lênin, người sáng lập và là lãnh tụ của Quốc tế Cộng sản, người đứng đầu Nhà nước Công nông đầu tiên trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã dành những tình cảm tôn kính:

“Tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Dahômmây, cũng đã thăm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, *mà người dũng cảm nhất là Lenin*. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

...Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội"⁴⁵.

Với nước Nga Xôviết, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã dành nhiều trang viết thắm đượm tình cảm yêu mến, biết ơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vich, một Đảng thực sự cách mạng, đứng đầu là lãnh tụ V.I.Lênin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga tiến hành cuộc cách mạng

vô sản thắng lợi và đang xây dựng một xã hội mới, một xã hội không có áp bức bóc lột, một xã hội mà nhân loại mơ ước từ lâu. "Nước Nga là một nước thật là dân chủ (ở trần gian chưa bao giờ có nước như thế)" - Nước Nga thực sự là một thiên đường trên trần gian này. Trong một loạt bài viết về nước Nga, Người đã đề cập đến tính ưu việt của xã hội mới. Và đây là một nét ưu việt của xã hội đó:

“a) Giáo dục không mất tiền và bắt buộc; giáo dục phổ thông và bách khoa đối với trẻ em nam nữ cho đến 17 tuổi; từ 17 tuổi trở lên thì giáo dục chuyên môn và chuyên nghiệp,

b) Nhà nước chịu phí tổn cho tất cả học sinh về ăn uống, quần áo, giày dép và những thứ cần dùng cho học sinh.

c) Thiết lập một hệ thống các trường mẫu giáo và vỡ lòng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, nhà nuôi trẻ, v.v. nhằm mục đích cải thiện việc giáo dục của xã hội, giải phóng người phụ nữ.

d) Nhân dân lao động tích cực tham gia việc giáo dục quốc dân; phát triển các "Hội đồng giáo dục quốc dân"; tất cả những công dân có trình độ giáo dục phổ thông, đều thuộc quyền sử dụng của Nhà nước, v.v..

e) Trong ngành đại học, các sinh viên nghèo và nhất là công nhân và nông dân được cấp học bổng và những ưu tiên khác để họ có phương tiện vật chất theo học ngay cả các trường đại học"⁴⁶. Bằng tấm gương đó, nước Nga Xôviết khích lệ tinh thần cách mạng của nhân dân thế giới, cách mạng hoá phong trào yêu nước ở khu vực thuộc địa. Nước Nga cách mạng không dừng lại ở sự cổ vũ tinh thần đó, mà đã vươn tới những việc làm cao cả, thiết thực, thấm đượm tinh thần quốc tế vô sản. Nước Nga cách mạng đã "không vừa lòng đối với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những nghị quyết "nhân đạo" đối với các dân tộc bị áp bức mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh, giúp đỡ họ bằng tinh thần và vật chất như

Lênin đã tuyên bố trong *Luận cương* của Người về vấn đề thuộc địa". Theo Nguyễn Ái Quốc, việc thành lập trường Đại học Phương Đông là một trong những việc làm như vậy. Chính vì thế mà Người đã dành nhiều bài viết của mình trên *Le Paria*, *La Vie Ouvrière*, *L'Unità*, giới thiệu về những thành tựu của loại trường kiểu mới này:

"Việc thành lập trường Đại học Phương Đông, tập hợp những người lãnh đạo trẻ tuổi tích cực, thông minh của các nước thuộc địa đã làm được một công việc to lớn là:

a) Trường đã huấn luyện cho các chiến sĩ tiên phong tương lai ấy nguyên lý đấu tranh giai cấp, nguyên lý mà một mặt các cuộc đấu tranh chủng tộc và mặt khác các tập tục của chế độ gia trưởng đã làm lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Trường đã làm cho đội tiên phong của giai cấp vô sản các nước thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này, chỉ có sự hợp tác đó mới có thể bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Trường đã làm cho các dân tộc thuộc địa - từ trước đến nay rời rạc với nhau - hiểu biết nhau, và đoàn kết với nhau, do đó đặt cơ sở cho một khối liên hợp tương lai giữa các nước phương Đông, khối liên hợp đó là một trong những cái cánh cửa cách mạng vô sản.

d) Trường đã nêu lên cho giai cấp vô sản các nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm cho những anh em của họ đang bị áp bức"⁴⁷.

Và Người lớn tiếng kêu gọi các Đảng Cộng sản, các nước thuộc địa gửi con em của mình đến Mátxcova để học tập.

“Chúng ta xúc động biết bao... Chính phủ Xôviết đã xây dựng trường Đại học Phương Đông bên cạnh trường Đại học Phương Tây. Trường Đại học Phương Đông dành cho đồng bào chúng ta (những người lao động phương đông). Nhà trường bảo đảm cho học viên ăn, ở, đối xử với họ như những người anh em, những người tự do. Chính tại đây, họ được học tập mà dù ở đâu họ cũng không được phép. Vậy thì đồng bào thân mến! Tội thực dân kìm hãm các bạn trong vòng tăm tối? Hãy đọc bài này! Hãy xem! Hãy so sánh! Hãy phán xét! Hãy hành động! Hãy đến Mátxcova!”⁴⁸.

Trên diễn đàn Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị với các đảng trên thế giới: "Gửi những người bản xứ vào Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcova"⁴⁹.

Theo đề nghị của Người, Đảng Cộng sản Pháp bắt đầu từ năm 1925 đã cử những thanh niên yêu nước Việt Nam sang học tại trường quốc tế đó. Mở đầu là Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Thế Vinh nhập trường vào năm 1925. Từ đó khai thông con đường cho thanh niên yêu nước Việt Nam từ nước Pháp sang Mátxcova theo học trường Đại học Phương Đông. Con số đó về sau tăng lên hàng chục. Sau này khi về Quảng Châu, Người lại tiếp tục giới thiệu thanh niên yêu nước Việt Nam từ Trung Quốc đến nhập trường. Như vậy, trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản trở thành một lò đào tạo những chiến sĩ tuyên truyền, những cổ động viên cho phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản ở nước ta.

Như vậy, chủ đích của những bài viết đó đã rõ ràng: hướng cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa tới nước Nga Xôviết, theo gương Cách mạng Tháng Mười. Hơn thế nữa, Người còn đặt cuộc giải phóng các dân tộc thuộc địa trong quỹ đạo cách mạng vô sản, coi đó là một bộ phận không thể tách khỏi của quá trình cách mạng vô sản thế giới:

“Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại mọc ra”⁵⁰.

Rõ ràng, người đào huyết chôn chủ nghĩa tư bản không chỉ là giai cấp vô sản ở chính quốc, mà cả giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Luận điểm nổi tiếng của Nguyễn Ái Quốc là lời nói có hình ảnh của khẩu hiệu chiến lược của Quốc tế Cộng sản: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!".

Để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi phải có một giai cấp công nhân giác ngộ, có tổ chức, được vũ trang bằng học thuyết cách mạng nhất-chủ nghĩa Mác- Lênin. Có lẽ, thời gian sống ở Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc mới có ý thức rõ ràng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp cách mạng này - giai cấp công nhân. Điều đó được thể hiện rõ trong một loạt bài viết của Người như *Phong trào công nhân, Nhật Bản (11-1923)*, *Phong trào công nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ (1-1924)*, *Phong trào công nhân ở Viễn Đông (1-1924)* và trong chương *Nô lệ thực tiễn* của cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Trong các tác phẩm đó, Người đề cập đến phong trào cách mạng của công nhân, các tổ chức cách mạng của giai cấp công nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Đông Dương, v.v.. Với công nhân Trung Quốc, Người đã nhận định: “Chỉ sau chiến tranh thế giới kết thúc, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu được tổ chức một cách chặt chẽ, song họ đã thu được một số thắng lợi to lớn trong các cuộc đình công. Mặc dù bị bọn quân phiệt đàn áp và bọn thống trị ngoại lai cản trở, các tổ chức của họ vẫn phát triển bình thường và có thể nói là nhanh nữa. Hiện nay những người thủy thủ, công nhân luyện kim, công nhân đường sắt là những lực lượng thật sự mà bọn tư bản buộc

phải coi trọng"⁵¹. Với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân nước ta, Người đã biểu dương:

"Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

...Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại"⁵².

Từ đó Người đi tới khẳng định: "Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng"⁵³.

Giai cấp công nhân thực sự có một sứ mệnh lịch sử to lớn vì nó đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến. Nhưng ở các nước thuộc địa có một thực tế lịch sử không thể chối cãi được là: số lượng của giai cấp công nhân chiếm một tỷ lệ thấp trong nhân dân, trong khi đó nông dân chiếm tới 95% dân số. Ở Việt Nam, tình hình cũng tương tự, người nông dân chúng ta "bị người ta ăn cướp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản. Chính họ là những người phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch. Chính họ làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người đi khai hoá và những bọn khác hưởng mà chính họ thì lại phải sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi; hễ mất mùa thì họ chết đói"⁵⁴. Phải sống trong hoàn cảnh cùng cực đó nên người nông dân nói chung và người nông dân Việt Nam nói riêng chẳng những sớm có ý thức giai cấp, mà hình thành ở họ ý thức dân tộc mạnh mẽ. Vì thế, ở thuộc địa thực chất vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân. Nguyễn Ái Quốc, từ thực tế lịch sử của đất nước và những nước cùng cảnh ngộ, đã nhận ra vai trò cách mạng của nông dân trong công cuộc giải

phóng dân tộc: "Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phần uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị chìm trong máu"⁵⁵. Mặt khác, Người cũng đã nhận thấy tính chất vô vọng của các cuộc nổi dậy đó: "Chỉ với lực lượng riêng của chính mình, nông dân không bao giờ có thể trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ... Không thể chiếm được bộ máy nhà nước và giữ được bộ máy đó"⁵⁶. Từ đó, Người đi đến kết luận là: để thực hiện được khẩu hiệu "Tất cả ruộng đất về tay nông dân", một ước mơ ngàn đời của họ, nông dân nhất thiết phải tự nguyện đi với giai cấp công nhân và kết thành một khối. Chỉ bằng cách đó nông dân mới phát huy đầy đủ sức mạnh về số lượng của mình. Và trong cuộc cách mạng ấy công nhân và nông dân là động lực của cách mạng.

Đồng thời với việc xác định, đánh giá đúng đắn vai trò cách mạng của nông dân, Nguyễn Ái Quốc đã nghiêm khắc phê phán những huynh hướng đề cao quá đáng vai trò của nông dân: "Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, nịnh nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lênin mà thôi"⁵⁷.

Như vậy, thời kỳ Mátxcova những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc thuộc những vấn đề chiến lược quan trọng trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Những tư tưởng đó chỉ có thể có được ở Mátxcova, nó là kết quả của những năm tháng miệt mài học tập, nghiên cứu trong sách báo mácxít, đối chiếu, so sánh những kiến thức thu nhận được với thực tế mà Người đã trải qua, đã thu lượm được từ các thuộc địa.

Những tài liệu mácxít, trong đó có những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc theo những đường dây bí mật đến được với nhân dân ta. Người đã sử dụng đường dây liên lạc của Quốc tế Cộng sản với Đảng Cộng sản Pháp để gửi tài liệu về Pháp, rồi

từ đó theo chân các thủy thủ về Việt Nam. Như trên đã nói, các văn kiện của Quốc tế Cộng sản gửi nhân dân ta đã được phổ biến ở Việt Nam vào tháng 7-1924. Nhiều hồi ký của các chiến sĩ cách mạng lão thành cho biết tác dụng của cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* đối với phong trào cách mạng nước ta. Đồng chí Phạm Hùng kể: "Hồi ấy, quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp* có một tác dụng rất lớn đối với thanh niên, học sinh. Hầu hết các trường trung học đều có tủ sách riêng của học sinh tự tổ chức gồm hàng nghìn cuốn sách và tủ sách nào cũng có quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Phong trào thanh niên học sinh lúc bấy giờ lan rộng và khá mạnh mẽ. Lập trường giai cấp tuy chưa rõ rệt lắm nhưng ý thức chống đế quốc rất cao, rất sôi nổi nên tập *Bản án chế độ thực dân Pháp* trả lời đúng vào ý nghĩ, nguyện vọng và tâm tình thế hệ thanh niên lúc bấy giờ"⁵⁸.

Trong một cuốn hồi ký của mình, tướng Pháp Xalăng cho biết là khi còn làm đồn trưởng một đồn lính Pháp ở biên giới Lào, Xalăng đã tịch thu được cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* từ Thái Lan thâm nhập vào Đông Dương. Cuốn sách này đã gây cho Xalăng một ấn tượng hết sức mạnh mẽ. Như vậy, nếu như điều mà Xalăng cho biết là đáng tin cậy thì sách vỡ mác xít vào nước ta không chỉ qua đường biển mà còn qua con đường từ Thái Lan và Lào vào nước ta.

Cũng bắt đầu từ giữa năm 1924, khi truyền đơn cộng sản từ Mátxcova gửi tới xuất hiện ở Đông Dương thì bọn thực dân thuộc địa lo lắng thực sự về nguy cơ "đe dọa của việc truyền bá tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin ở Đông Dương". E.Utorây, đại biểu Nam Kỳ trong Hạ nghị viện Pháp đã viết bài trên tờ *Impartial* nói rõ sự lo lắng đó: "Sự đe dọa của chủ nghĩa bôn-sê-vích ở các thuộc địa chúng ta không còn là huyền thoại nữa. Bây giờ chính phủ phải để ý đến nó và chỉ có những biện pháp đã được áp dụng ở Tuynidi mới là bằng chứng rõ ràng. Khi đang thảo luận luật ân xá tại Hạ nghị viện tôi đã chỉ ra nguy cơ tuyên truyền cộng sản ở Đông Dương bằng việc đưa ra trên diễn đàn những tờ truyền đơn bằng tiếng quốc ngữ và chữ Hán bắt

được", và Utorây đã nhấn mạnh rằng những tờ truyền đơn như vậy là "bằng chứng rõ ràng nhất về việc tuyên truyền cộng sản đang được đẩy mạnh ở Việt Nam...Việc tuyên truyền cộng sản ở thuộc địa đang lan rộng và nếu chúng ta không phản ứng thì có thể rồi đây nó sẽ lan rộng trên khắp lãnh thổ hải ngoại rộng lớn của chúng ta... Chúng ta không thể và không được để như vậy. Phải thực sự lo lắng trước khi đám cháy xảy ra"⁵⁹.

Những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ Mátxcova đến được với nhân dân ta đã tạo ra một xung lực mới, một chất men mới kích thích phong trào yêu nước đang khởi sắc trên cả nước, chuẩn bị những điều kiện thuận lợi cho thời kỳ tiếp sau đó - *thời kỳ Quảng Châu - vùng Đông Bắc Xiêm*.

III- THỜI KỲ QUẢNG CHÂU – VÙNG ĐÔNG BẮC XIÊM - BẮT TAY XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÁCH MẠNG

1. Xây dựng tổ chức

Trong một buổi tiếp thân mật Nguyễn Ái Quốc, đồng chí D.Z. Manuinxki⁶⁰, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản đã thông báo quyết định của Quốc tế Cộng sản cử Người tới Quảng Châu công tác nhằm xúc tiến mọi điều kiện để xây dựng một tổ chức cộng sản ở Đông Dương và giúp đỡ các đại biểu cách mạng ở các nước Đông Nam Á. Từ đó, Người tích cực chuẩn bị cho chuyến đi công tác xa - xịch gặt lại quê hương. Hồi đó, Quảng Châu là trung tâm cách mạng của đất nước Trung Hoa rộng lớn. Người dân ở đây đang sống trong bầu không khí của ngày hội cách mạng: "Thật khó mà miêu tả Quảng Châu trong những ngày đó. Ở đây có cái gì tựa như năm 1917 không bao giờ quên ở nước Nga vậy. Tôi luôn luôn có cảm giác rằng ngôn ngữ loài người còn quá nghèo nàn để có thể diễn đạt hết sức mạnh của tình cảm: phẫn nộ và sung sướng, yêu thương và căm giận của quần chúng nhân dân tràn ra trên các đường phố và quảng trường"⁶¹. Quảng Châu còn là nơi hội tụ của nhiều thế hệ những người yêu nước Việt Nam từ lớp cách mạng đàn anh

như Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, với các đồng chí của ông và lớp thanh niên trí thức yêu nước mới xuất dương sang sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tập hợp lại trong một tổ chức yêu nước - *Tâm tâm xã*.

Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu trong một bầu không khí chính trị thuận lợi và thực sự tồn tại một tổ chức cách mạng của thanh niên yêu nước Việt Nam đang sẵn sàng tiếp nhận những gì mới mẻ cho chương trình hành động của mình. Ngay hôm sau, từ Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho người phụ trách Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản:

“Quảng Châu, ngày 12-11-1924.

Đồng chí thân mến!

Tôi viết vắn tắt để đồng chí biết hôm qua tôi đã tới Quảng Châu và đang ở tại cơ quan của đồng chí Bôrôđin với 2, 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai. Mọi người ở đây rất bận rộn với cuộc Bắc phạt của bác sĩ Tôn Dật Tiên.

Tôi sẽ viết cho đồng chí sớm.

Cho tôi gửi lời chào anh em tới đồng chí và tất cả các đồng chí ở Quốc tế Cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc

Địa chỉ của tôi:

L.U.

Hãng thông tấn Rôxta

Quảng Châu, Trung Quốc"⁶².

Cũng bắt đầu từ đó, Nguyễn Ái Quốc đã dành một phần thời gian cho công việc trong văn phòng những người phiên dịch ở gác 1 của toà nhà mà tầng trên là nơi ở của gia đình M.M.Bôrôđin. Người lãnh đạo văn phòng này không phải ai xa lạ mà

chính là Trương Thái Lôì - người quen biết hồi còn ở Mátxcova, nay là người đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc trực tiếp quan hệ với M.M.Bôrôđin. Có lẽ ngoài vợ chồng M.M.Bôrôđin và Trương Thái Lôì ra không còn một ai biết tới những việc làm chủ yếu, thực sự của Nguyễn Ái Quốc, kể cả những nhân viên làm việc với Người trong văn phòng phiên dịch, bởi lẽ người ta thường thấy chàng trai ngoài 30 tuổi ấy lục lọi hàng giờ những chồng sách báo bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Anh để lấy tin cho Hãng thông tấn Nga Rôxta. Ký ức của bà V.V.Visoniacôva Akimôva, hồi đó là cán bộ phiên dịch trong văn phòng đã chứng minh điều đó:

"Trong ngôi nhà của M.M.Bôrôđin số phận đã đùn đẩy tôi làm việc gần gũi với một trong những người kiệt xuất hồi đó đã sống ở Quảng Châu. Đó là một người Việt Nam họ Lý. Chúng tôi gọi đùa anh là Lý An Nam.

Tôi vẫn nhớ như in anh có thân hình gầy gầy, không cao lắm, mặc bộ quần áo chúc bầu màu trắng, rộng thùng thình. Anh nói thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng Đông và biết tiếng Nga. Anh đã dạy tôi những bài học vỡ lòng tiếng Việt. Anh thích thú với công việc đó nên anh sẵn sàng dạy tôi bất kỳ lúc nào. Anh sống với chúng tôi rất thân mật nhưng rất kín đáo và chưa bao giờ anh nói với chúng tôi về những việc mà anh làm trước kia. Chúng tôi chẳng biết gì về anh ngoài một điều là bọn thực dân Pháp đã trao một món tiền cho kẻ nào bắt được anh và Chính phủ Quốc dân Đảng cho anh quyền cư trú chính trị. Trong ngôi nhà của Bôrôđin anh là người nhà". Hoạt động chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu là hướng tới chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết nhất để xây dựng một Đảng mácxít ở Đông Dương và giúp đỡ các nhà cách mạng các nước khác trong vùng. Như trên đã trình bày, trước khi Nguyễn Ái Quốc tới, tại Quảng Châu đã có những hoạt động cách mạng của những người yêu nước lưu vong Việt Nam, đặc biệt là tổ chức *Tâm tâm xã* đang tiếp cận những tư tưởng tiên bộ của thời đại. Có lần khi đến

Quảng Châu công tác, Phan Bội Châu đã đến trường Hoàng Phố bày tỏ ý định đưa học sinh Việt Nam đến học⁶³. Có lần *Tâm tâm xã* đã cử người đến liên lạc với phái bộ Bôrôđin. Như vậy qua cơ quan của đoàn cố vấn Xôviết, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện để tìm hiểu và tiếp xúc với những nhà yêu nước Việt Nam đang hoạt động tại đây. Có lẽ, thoát đầu Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với những thanh niên hăng hái nhất trong *Tâm tâm xã* tại Huệ quần y xã⁶⁴ hay tại nhà riêng của Nguyễn Giản Khanh ở Quảng Châu. Qua những đại biểu thanh niên này mà Nguyễn Ái Quốc biết được chỗ ở của Phan Bội Châu. Vì thế mà có cuộc gặp gỡ giữa Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu tại nhà Hồ Học Lãm⁶⁵ và đã cùng nhau bàn công việc cứu nước. Qua đàm đạo, Phan Bội Châu rất cảm phục Nguyễn Ái Quốc, không phải ai xa lạ mà là con trai của bạn học mình là Nguyễn Sinh Sắc, đã bộc lộ trí thông minh và chí khí từ nhỏ, qua nhiều năm lăn lộn hoạt động ở nước ngoài đã trở thành một người cách mạng trưởng thành. Phan sẵn sàng chấp nhận những kế hoạch mà Nguyễn Ái Quốc đề ra. Ký ức của Phan Bội Châu xác nhận sự thực đó:

“Sau khi đảng cương và chương trình tuyên bố chưa được ba tháng thì ông Nguyễn Ái Quốc ở thủ đô Nga là Mạc Tư Khoa về Quảng Đông thường thường bàn với tôi nên sửa đổi lại. Tháng 9 năm ấy, tôi rời Quảng Đông về Hàng Châu định đến tháng 5 năm Ất Sửu (1925) sẽ trở lại Quảng Đông để cùng các đồng chí trú ngụ ở đây quyết nghị việc này, nhưng chẳng may tôi bị bắt”⁶⁶.

Trong thư gửi Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản đề ngày 18-12-1924, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo về cuộc gặp gỡ đó:

“Tôi đến Quảng Châu vào giữa tháng 12. Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia An Nam, trong số này có một người đã xa rời xứ sở từ ba mươi năm nay. Trong thời gian đó ông ta đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy ấy đều đã đưa tới cái chết của mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp, sự

chiếm đoạt mấy khẩu súng và... là việc người của chúng ta chạy thoát, do không được giúp đỡ và viện trợ.

Mục đích duy nhất của ông này là trả thù cho nước, cho nhà đã bị bọn Pháp tàn sát. Ông không hiểu chính trị, và lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng. Trong cuộc thảo luận, tôi đã giải thích cho ông hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở. Ông đã đồng ý. Và đây là những việc mà chúng tôi bắt đầu cùng nhau tiến hành:

a) Tôi đã vạch một kế hoạch tổ chức và xin gửi kèm bản sao theo đây.

b) Sau khi đã tán thành kế hoạch này, ông đã đưa cho tôi một bản danh sách 10 người An Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu"⁶⁷.

Vậy là, vào tháng 12-1924, tại Quảng Châu, trung tâm cách mạng dân tộc của nhân dân Trung Quốc đã diễn ra cuộc *hội nghị lịch sử* giữa Nguyễn Ái Quốc, người đang khao khát đi tìm lực lượng để “gieo mầm cộng sản” và một tổ chức của những thanh niên yêu nước Việt Nam đang sẵn sàng tiếp nhận những điều mới mẻ nhất, tích cực nhất, cách mạng nhất vào chương trình hành động của mình. Cuộc hội nghị lịch sử đó đã sản sinh ra *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội), một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, nói một cách khác, sự ra đời của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là kết quả của sự hội tụ hai luồng tư tưởng lớn: tư tưởng giải phóng đất nước khỏi ách đế quốc thực dân và tư tưởng cần phải "có một Đảng mácxít kiểu mới để lãnh đạo phong trào đó"*.

Ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc xây dựng tổ chức cách mạng tuần tự theo từng bước - từ tiếp xúc tìm hiểu những người yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc đến việc thành lập một nhóm bí mật là *Cộng sản đoàn* làm hạt nhân, cuối cùng là thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* và đặt nó

trong mối liên hệ với cách mạng Đông Nam Á, tức là thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*. Sau đây là mấy nét đại cương về các bước đi đó:

Sau khi tiếp xúc với Phan Bội Châu và nắm trong tay bản danh sách gồm 14 đồng chí thân cận của Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc đi tới một quyết định thích hợp nhất lúc đó là mở ngay một lớp huấn luyện về phương pháp tổ chức để tìm hiểu một cách tích cực những người được giới thiệu: Sau lớp huấn luyện đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên tích cực, được thử thách qua huấn luyện và công tác lập ra một nhóm bí mật, tức là *Cộng sản đoàn* làm hạt nhân cho một tổ chức rộng lớn hơn sau đó. Nhóm bí mật, tức *Cộng sản đoàn*, được thành lập vào tháng 2-1925. Lần theo những báo cáo của Người với Quốc tế Cộng sản, ta thấy khá rõ tháng bước đi đó. Trong bức thư ngắn gửi Bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản đề ngày 22-12-1924, Nguyễn Ái Quốc đã thông báo:

"Tôi đã tổ chức được ở đây vài ba người Đông Dương mà tôi hy vọng có thể làm được một số việc. Đồng chí có thể chỉ thị cho các đồng chí Nga ở đây cũng phải chịu trách nhiệm các công việc về Đông Dương được không?"⁶⁸.

Tiếp đó, trong báo cáo gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản đề ngày 19-2-1925, Nguyễn Ái Quốc đã viết trong phần *Công tác đã làm được* như sau: "Chúng tôi đã lập một nhóm bí mật gồm chín hội viên, trong đó có:

2 người đã được phái về nước.

3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đã đi công cán quân sự (cho Quốc dân Đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản"⁶⁹.

Nhóm bí mật gồm 9 hội viên đó chính là *Cộng sản đoàn* trong đó có các đồng chí:

-Lê Hồng Sơn

-Hồ Tùng Mậu

-Lê Hồng Phong

-Luu Quốc Long (Quý)

-Trương Văn Lĩnh

-Lê Quảng Đạt⁷⁰

-Lâm Đức Thụ⁷¹

Nhóm *Cộng sản đoàn* đóng vai trò hạt nhân của một tổ chức rộng hơn sẽ được lập mấy tháng sau đó. Nhóm này được phát triển trong suốt thời gian mà Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo, tức là tháng 4-1927. Trong lớp huấn luyện thanh niên từ trong nước sang, sau khi học xong đã kết nạp tất cả vào *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, nhưng chỉ chọn 5 người vững vàng nhất kết nạp vào *Cộng sản đoàn* là các đồng chí: Trần Phú, Nguyễn Văn Lợi, Phan Trọng Bình, Phan Trọng Quảng, Nguyễn Ngọc Ba⁷².

Bước tiếp theo, Nguyễn Ái Quốc thành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng lớn hơn nhằm tập hợp các phân tử thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Tháng 6-1925, *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* ra đời. Tổ chức này đã công bố *Chương trình* và *Điều lệ*. Sau đây là đoạn đầu của bản *Điều lệ* thứ nhất của tổ chức cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc sáng lập và là lãnh tụ:

“I- *Tên hội*

Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hội.

II- *Mục đích*

Hy sinh tư tưởng, quyền lợi, tính mệnh để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản).

III. Chương trình

- a) Lựa chọn người giác ngộ, huấn luyện họ, tổ chức họ vào Hội.
- b) Cử những hội viên đã được đào tạo vào trong nhân dân để tuyên truyền điều phải và tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ, v.v..
- c) Cơ hội đầu tiên là tập hợp lực lượng của những đoàn thể quốc gia để đập tan bọn Pháp và lấy lại chính quyền.
- d) Thành lập chính phủ nhân dân gồm đại biểu của các đoàn thể công nhân, nông dân và binh sĩ.
- e) Áp dụng những nguyên tắc tân kinh tế chính sách để thúc đẩy sự phát triển các cơ quan sản xuất trong nước, bãi bỏ tư sản tư nhân và sự giao lưu những tài nguyên quốc gia.
- g) Đoàn kết với những giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản..."⁷³.

Về điều kiện vào Hội, bản *Điều lệ* năm 1926 ghi rõ: người Việt Nam nào từ 17 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, tán thành mục đích, chương trình và kỷ luật của Hội và được hai hội viên giới thiệu thì được gia nhập Hội sau khi đã được chi bộ đồng ý; chỉ trừ 5 đối tượng không được gia nhập Hội, được tách thành mục sau cùng⁷⁴.

Về tổ chức, trong bản *Điều lệ* năm 1926 không ghi rõ nhưng trên thực tế được tổ chức theo nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Cấu trúc tổ chức của Hội là một hệ thống gồm năm cấp: tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ.

Sơ đồ 1. Hệ thống tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Tổng bộ

Kỳ bộ

Tỉnh (thành) bộ

Huyện bộ

Chi bộ

Ghi chú: Mũi tên chỉ xuống biểu hiện sự lãnh đạo; mũi tên chỉ lên biểu hiện chế độ báo cáo và việc bầu ra các cấp lãnh đạo.

Nếu đem so sánh tôn chỉ, mục đích và chương trình của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* với những chính đảng cùng thời với nó như *Tân Việt Đảng* và *Việt Nam Quốc dân Đảng* chúng ta thấy có những quan điểm cách mạng rõ ràng, đúng đắn biểu hiện trên những vấn đề sau:

- Cuộc cách mạng Việt Nam bao gồm hai giai đoạn kế tiếp nhau liên tục: cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới.
- *Về đối nội:* Hội chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập *chính phủ công - nông - binh* và chính phủ đó sẽ áp dụng *chính sách kinh tế mới* để phát triển đất nước và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.
- *Về đối ngoại:* Hội chủ trương *đoàn kết với tất cả giai cấp vô sản các nước và xây dựng xã hội cộng sản*. Phải thừa nhận là vào giữa những năm 20 của thế kỷ XX mà nêu ra được những vấn đề trên là điều hết sức quan trọng về mặt tư tưởng và chính trị. Chính ở điểm này đã thu hút các lực lượng chính trị và tổ chức cách mạng của mình và có ảnh hưởng tốt, tích cực đến chương trình của các tổ chức chính trị cùng thời khác.

Bước cuối cùng gắn với quá trình thành lập tổ chức chính trị nói trên là việc Nguyễn Ái Quốc đặt nó trong mối liên hệ với phong trào cách mạng thế giới, mà trước hết là phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam Á. Ngày 9-7-1925, dưới sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* ra

đời, do Liêu Trọng Khải, lãnh tụ phái tả Quốc dân Đảng Trung Quốc làm Hội trưởng. Đoàn thể này có sự tham gia của các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Indônêxia, Việt Nam, Ấn Độ. Mỗi nước có một phân bộ. Phân bộ Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo và Lê Hồng Sơn giữ con dấu của phân bộ Việt Nam. Bức điện của Toàn quyền Môngghilô (Montghillot) gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pari cho ta biết thêm điều đó:

"Bộ Thuộc địa Pari.

1195. Cá nhân và tối mật. Chỉ một mình cá nhân Ngài được đọc.

Trong tổ chức "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu" mà tôi đã báo cho Ngài biết trong bức điện của tôi số 1016 ngày 26-7, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành một cuộc vận động vô cùng khôn khéo phù hợp với điều kiện của người An Nam nhằm giáo dục cách mạng cho nông dân và công nhân An Nam và đoàn kết họ chống lại sự thống trị của người Pháp"⁷⁵.

Đó chính là mối liên hệ rất biện chứng của các bước đi trong việc thành lập tổ chức cách mạng Việt Nam và ý định to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào cách mạng Đông Nam Á.

Một vấn đề đặt ra ở đây là tại sao Nguyễn Ái Quốc không thành lập ngay một Đảng Cộng sản mà chỉ thành lập một tổ chức cách mạng quần chúng mang tính chất quá độ? Để lý giải được vấn đề này cần phải trở lại với những hoàn cảnh lịch sử của các nước trong vùng và của Việt Nam lúc đó.

Xem xét sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước trong vùng ta thấy rằng sự xuất hiện của các Đảng Cộng sản gắn chặt với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

Ở Trung Quốc, sau phong trào Ngũ Tứ (4-5-1919) với sự hoạt động tích cực của các đại diện Quốc tế Cộng sản, đặc biệt của G.N.Vôitinxki, xuất hiện các nhóm

cộng sản tại Thượng Hải và Hoa Bắc mà trên cơ sở đó Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời vào tháng 7-1921.

Ở Indônêxia, trong hoàn cảnh phong trào công nhân và phong trào chống đế quốc phát triển mạnh mẽ, ngày 23-5-1920, Đại hội của Đảng xã hội hội dân chủ ở Xêmarang đã quyết định đổi tên tổ chức này thành Đảng Cộng sản Indônêxia.

Ở Philíppin, Đảng Cộng sản ra đời ở Manila ngày 7-11-1930 trên cơ sở Đảng Công nhân được thành lập từ cuối năm 1924 và dưới sự hoạt động tích cực của những đại biểu Đảng Cộng sản Mỹ.

Còn ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã xuất phát từ thực trạng của đất nước, nơi mà 95% dân số là nông dân, tuyệt đại bộ phận còn mù chữ, ít học, không một ai biết chủ nghĩa cộng sản là gì, đã vận dụng một cách sáng tạo về lý luận xây dựng Đảng Cộng sản vào hoàn cảnh đó bằng việc thành lập một tổ chức tiên thân để qua đó đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và khi chủ nghĩa Mác - Lênin được kết hợp với phong trào công nhân thì mới xây dựng Đảng Cộng sản. Trùm mật thám Pháp ở Đông Dương L.Mácxy cho ta biết thêm điều đó: chính Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Quốc tế Cộng sản vào mùa hè năm 1927 đã chỉ rõ rằng sự xích dần là cần thiết cho sự hình thành một phong trào cộng sản ở Việt Nam, và trừ một số rất ít người Việt Nam sang du học bên châu Âu ra thì “không một ai biết chủ nghĩa cộng sản là gì cả và không thể thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương khi không một ai hiểu được ý nghĩa của từ "cộng sản". Chỉ có thể thành lập được một Đảng Xã hội - quốc gia Việt Nam mà các lãnh tụ của nó có nhiệm vụ dần dần đưa các hội viên của mình tới chủ nghĩa Mác"⁷⁶. Rõ ràng, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* - một tổ chức cách mạng thích hợp, vừa tầm với điều kiện lịch sử cụ thể nước ta lúc đó - là một chủ đích, một hướng sáng tạo, khác với những mô hình thành lập Đảng Cộng sản ở các nước trong vùng. *Thực chất toàn bộ công việc mà Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành là tổ chức lực lượng truyền bá*

tư tưởng cách mạng mới trong một tổ chức cách mạng thích hợp là sự chuẩn bị về mặt tổ chức cho Đảng mácxít trong tương lai. Nguyễn Ái Quốc đã thành công theo hướng đó. Toàn bộ sự vận động của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* từ tháng 6-1925 đến tháng 5-1929 đã minh chứng về sự đúng đắn đó.

2. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin thông qua tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Sau khi *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* ra đời, với tư cách là người sáng lập và lãnh tụ, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra cho Hội một kế hoạch hoạt động cụ thể. L.Mácxy gọi đó là “kế hoạch Nguyễn Ái Quốc”. Theo Mácxy, kế hoạch đó đòi hỏi:

Ở ngoài nước:

- a) Đào tạo những người xuất dương trẻ tuổi.
- b) Chuẩn bị tài liệu tuyên truyền và bảo đảm một cách đáng kể việc xuất bản đều đặn tờ báo của Hội.
- c) Lập ra và duy trì hệ thống liên lạc, một mặt với Đông Dương, mặt khác với các tổ chức cộng sản và các tổ chức cách mạng nước ngoài có thiện cảm.
- d) Giữ cho tất cả hội viên trung thành với chủ nghĩa và đảm bảo kỷ luật mà Tổng bộ đã đề ra.
- e) Tung về nước những thanh niên đã được huấn luyện ở Quảng Châu.

Ở trong nước:

- a) Tổ chức nhiều chi bộ: Phải hiểu rằng mỗi một hội viên mới được kết nạp vào Hội phải theo đúng nguyên tắc là phải trở thành một phần tử mới của một chi bộ mới.
- b) Lập những tổ chức đã nêu ra trong bản Điều lệ và xây dựng một đảng thống nhất có kỷ luật nghiêm minh.

Vậy là, thực chất của kế hoạch đó là vừa sử dụng những phương tiện có thể truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin trong quần chúng, vừa tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng trên khắp đất nước.

Có thể quy những công tác mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra thành những mặt hoạt động chủ yếu như tổ chức những đường dây liên lạc với trong nước và với Quốc tế Cộng sản, tạo ra những phương tiện truyền bá và nội dung cơ bản của việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin. Những công việc đó được tiến hành đồng thời hoặc đan xen nhau. Để tiện cho việc trình bày, chúng tôi xin tách thành những vấn đề riêng theo trình tự hợp lý nhất.

Tổ chức những đường dây liên lạc với trong nước và với Quốc tế Cộng sản.

Đến Quảng Châu ngày 11-11-1924, sau khi đã hợp thức hoá công việc của mình trong cơ quan của M.M.Bôrôđin, ngày hôm sau, Nguyễn Ái Quốc đã viết thư liên lạc với đồng chí phụ trách Bộ Phương Đông Quốc tế Cộng sản với một địa chỉ mới:

"Địa chỉ của tôi:

L.U

Hãng thông tấn Rôxta

Quảng Châu, Trung Quốc.

Hoặc địa chỉ: Nilôpxki

Nhờ Đại sứ quán Liên Xô tại Quảng Châu chuyển".

Rõ ràng, đối với Nguyễn Ái Quốc, Quảng Châu lúc đó là một địa điểm thuận lợi nhất để đặt trung tâm liên lạc với quốc tế và trong nước. Từ Quảng Châu có thể trực tiếp hoặc qua Hồng Kông, nhượng địa của nước Anh, là nơi sự kiểm soát ít chặt chẽ hơn, có thể liên lạc bằng đường thủy, đường bộ, đường không từng chặng

ngắn với Mátxcova; bằng đường thủy với Xiêm, với Pháp; bằng đường thủy, đường bộ với trong nước. Nhờ hệ thống liên lạc của Quốc tế Cộng sản đã được thành lập từ trước, Nguyễn Ái Quốc liên lạc chặt chẽ với Mátxcova. Đường liên lạc thủy - bộ Quảng Châu - Mátxcova thông thường đi qua các trạm: Thượng Hải - Vladivôxtốc - Iécút - Mátxcova.

Nhưng đến giữa năm 1921, cuộc đảo chính phản cách mạng của Méckulốp đã cắt miền duyên hải ra khỏi nước cộng hoà Viễn Đông và nước Nga Xôviết nên không thể đi tàu đến Vladivôxtốc được, chỉ còn một con đường bộ qua Mãn Châu, từ đó đi Trita rồi đến Iécút. Lúc đó ở Mãn Châu nhan nhản bọn bạch vệ, lính Nhật và cảnh sát nên Quốc tế Cộng sản đã tổ chức các điểm liên lạc ở Thượng Hải, Bắc Kinh và Khácbin. Bà Vaxiliêva - Trưởng phòng liên lạc quốc tế trong Ban Bí thư Viễn Đông, một cán bộ dày dạn kinh nghiệm đã đóng vai trò rất lớn trong công việc này. Sau khi dẹp được bọn bạch vệ và bọn Méckulốp, con đường thứ nhất mới được lập lại - Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu thường sử dụng đường dây liên lạc đó của Quốc tế Cộng sản. Thư từ chuyển theo đường dây này trung bình phải mất 37 ngày. Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đề ngày 3-6-1926, đến Mátxcova ngày 10-7-1926. Như vậy, để nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản phải đợi ít nhất là 74 ngày. Hơn nữa, thư từ, tài liệu đi theo đường dây này không được quy định thời gian cụ thể, mà được tổ chức khi có giao thông quốc tế đến nhận. Nghiên cứu thư từ trao đổi của Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản ta thấy rằng có những lá thư Nguyễn Ái Quốc viết khá vội trước khi chuyển thư khởi hành. Chẳng hạn như Thư gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản đề ngày 10-1-1925 được viết trong tình trạng: "Chuyển thư sắp khởi hành rồi. Tôi xin kết thúc bản báo cáo của tôi. Chuyển thư sau, tôi sẽ gửi các đồng chí một bản báo cáo chi tiết hơn"⁷⁷. Và chuyển thư sau, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành bản báo cáo chi tiết đó cho Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản đề ngày 19-2-1925. Như

vậy với sự hoạt động tích cực của đường dây liên lạc này trung bình mỗi tháng một lần Nguyễn Ái Quốc liên lạc với Quốc tế Cộng sản. Ngoài đường dây trên, thư từ cũng có thể chuyển bằng máy bay theo từng chặng ngắn. Sau cùng, Nguyễn Ái Quốc có thể liên lạc với Quốc tế Cộng sản qua điện tín. Trong một bản báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản, Người yêu cầu các đồng chí trong Quốc tế Cộng sản rằng: "Tôi sẽ cảm ơn các đồng chí rất nhiều nếu các đồng chí trả lời những yêu cầu của tôi bằng điện báo"⁷⁸. Chắc chắn là trong những trường hợp thật khẩn thiết Nguyễn Ái Quốc mới sử dụng đến phương tiện liên lạc này. Theo đúng lời dặn của D.Z.Manuinxki, Nguyễn Ái Quốc qua M.M.Bôrôđin, đại diện của Quốc tế Cộng sản ở miền Nam Trung Quốc đã liên lạc chặt chẽ, thường xuyên với Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova, với đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản. Từ đó mà liên lạc được với Đảng Cộng sản Pháp ở Pari. Việc xác lập được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên đó tạo cho Nguyễn Ái Quốc khả năng nhận được chỉ thị, tài liệu tuyên truyền từ Quốc tế Cộng sản cho những hoạt động của mình tại Quảng Châu.

Ngay từ hồi hoạt động ở Mátxcova Nguyễn Ái Quốc đã ý thức được là "các nhà hoạt động bản xứ đều bị giám sát và truy nã rất ráo riết tại chính nước họ. Nhưng ở nước láng giềng họ có thể hoạt động dễ dàng hơn vì có ít người biết họ"⁷⁹. Cho nên khi đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã biến nó thành một trung tâm đầu cầu, từ đó đưa cán bộ thâm nhập về nước hoạt động, chuyển các phương tiện tuyên truyền về nước. Trong thư gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản ngày 10-2-1925, sau khi báo cáo những công việc đã làm, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày những việc dự định sẽ phải làm trong năm, có kèm theo bản đồ:

"... b) Thiết lập những cơ sở giao thông:

1. Ở Quảng Tây.
2. Ở phía cực nam Quảng Đông.

3. Ở Băng Cốc.

4. Ở Tích Kho (điểm kết thúc của đường xe lửa Băng Cốc và cách Lạc Phách 20 ngày đường).

5. Ở Lạc Phách, trên tả ngạn sông Mê Kông và cách Trung Kỳ 15 ngày đường.

c) Phái một đồng chí về ở trong nước để thu thập và chuyển tin tức.

d) Phái một hoặc nhiều đồng chí làm việc trên các tàu thủy đi lại giữa Trung Quốc và Đông Dương"⁸⁰.

Xin lưu ý là, đoạn trích dẫn trên được Nguyễn Ái Quốc viết cùng trong bản báo cáo gửi Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản thông báo những việc đã làm được là "chúng tôi đã lập được một nhóm bí mật gồm 9 hội viên", tức là nhóm *Cộng sản đoàn* - điều đó có nghĩa là danh mục những công việc sẽ phải làm đã được nhóm bí mật đó thảo luận và quyết định. Vì thế trong mục b, thiết lập những cơ sở giao thông, phần nhiều là thừa hưởng các cơ sở giao thông liên lạc của *Tâm tâm xã*, của các tổ chức cách mạng chịu ảnh hưởng của Phan Bội Châu. Nếu như các cơ sở giao thông như Tích Kho, Lạc Phách tương ứng với địa danh U Đon và Na Khon thì hầu như các cơ sở giao thông đó hoàn toàn đã có sẵn từ trước. Chúng ta biết là năm 1923 Lê Hồng Sơn đã theo con đường Quảng Đông về Hà Nội. Sau khi hoàn thành công việc anh được Đinh Chương Dương đưa đi Móng Cái, đến Đông Hưng rồi trở lại Quảng Châu vào mùa đông năm 1923. Như vậy, trạm giao thông ở cực nam Trung Quốc là từ Đông Hưng đến Nà Sáo Tụ. Tiếp đó, năm 1924 Hồ Tùng Mậu về nước theo đường thủy Quảng Châu - Hồng Kông - Băng Cốc - Phi Chịt. Tại đây, Hồ Tùng Mậu gặp Vương Thúc Oánh dẫn đường về nước theo các trạm giao thông Phi Chịt - U Đon - Na Khon - Pạc Hin Bun - băng qua đất Lào - Nghệ Tĩnh. Khi hoàn thành công việc, Hồ Tùng Mậu được Vương Thúc Oánh dẫn đường qua Vinh - Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái - Đông Hưng - Quảng Châu. Vậy là tổ chức cách

mạng mà Nguyễn Ái Quốc lập ra đã kế thừa những trạm giao thông, những đầu mối liên lạc của các tổ chức cách mạng trước đó. Có khác chăng là ở việc tổ chức thực hiện, tức là chất lượng của công việc đó. Chỉ có công việc ở mục *c* và *d* trong bản báo cáo là mới. Đó là công việc mà Nguyễn Ái Quốc đã trao cho Nguyễn Lương Bằng, công nhân làm việc trên tàu Căngtông (Quảng Châu), được cử về nước hoạt động với trọng trách là tổ chức đường dây liên lạc trên các tàu chạy tuyến đường Trung Quốc - Đông Dương. Với việc xin được chân trên tàu Sông Bô của một hãng tư nhân Pháp chạy đường Hải Phòng - Hồng Kông - Quảng Châu, Nguyễn Lương Bằng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong những năm 1925-1927, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn tất một hệ thống giao thông liên lạc với trong nước. Hệ thống đó đã bảo đảm đưa đón cán bộ, vận chuyển tài liệu, báo chí, sách vở về nước với quy mô và mức độ ngày một tăng cùng với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở trong nước.

Các phương tiện tuyên truyền.

Thời kỳ Quảng Châu khác với những thời kỳ trước không chỉ ở khoảng cách không gian (địa lý), mà chính ở những điều kiện mới về chất mà kết quả hoạt động của hai thời kỳ trước và điều kiện lịch sử Trung Quốc lúc đó tạo ra. Và cũng chính hoàn cảnh mới ấy đã quy định những phương tiện hoạt động ở thời kỳ này. Do vậy, Nguyễn Ái Quốc không dừng lại ở những phương tiện đã dùng như sách báo mà đã dùng nhiều phương tiện tuyên truyền phong phú và có hiệu quả như thành lập *tổ chức cách mạng*, và mở các lớp huấn luyện mà thực chất là tạo ra những phương tiện tuyên truyền sống. Ở phần này, chúng tôi chủ yếu khảo sát các phương tiện tuyên truyền về mặt hình thức, còn về mặt nội dung tuyên truyền được dành một phần riêng tiếp theo phần này.

+*Xuất bản sách báo*

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã xuất bản ngay báo *Thanh niên* làm phương tiện tuyên truyền mục đích, tôn chỉ và chủ trương của Hội, hướng dẫn hoạt động cách mạng cho mỗi hội viên. Đây là điểm khác biệt hẳn với các tổ chức chính trị cùng thời như *Tân Việt* và *Việt Nam Quốc dân Đảng*. *Tân Việt* không hề có báo, còn tờ báo *Hồn nước của Việt Nam Quốc dân Đảng* chỉ ra được số đầu tiên rồi chết hẳn. Không có báo thì không thể chuyển tải các chủ trương, quan điểm đến tận các tổ chức cơ sở, các hội viên, đặc biệt là trong điều kiện hoạt động bí mật, trong sự cấm đoán gắt gao của chủ nghĩa thực dân Pháp. Trong suốt quá trình tồn tại, tổ chức cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc lập ra đã sử dụng thành công, có hiệu quả vũ khí tư tưởng sắc bén này. Sự thành công này không chỉ có lợi cho bản thân Hội mà còn để lại dấu ấn trong *Cương lĩnh chính trị* của các tổ chức cách mạng cùng thời.

Báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra số đầu tiên vào ngày 21-6-1925 tại Quảng Châu. Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản đề ngày 3-6-1926, Nguyễn Ái Quốc viết: "Ở đây, chúng tôi đã xuất bản tờ báo hằng tuần "*Thanh niên*""⁸¹. Đây là tờ tuần báo tiếng Việt do Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Trong lịch sử báo chí vô sản ở nước ta, tờ báo này là tờ báo mở đầu.

Báo *Thanh niên* in trên khổ giấy học sinh ngày trước (khoảng 18 x 24 cm) viết bằng bút sắt nhọn trên giấy sếp. Ở trang 1 phía trên cùng, chỗ trung tâm là tên báo *Thanh niên* bằng chữ Hán và chữ Việt; ở góc trái là ngôi sao năm cánh, trong đó ghi số báo. Tất cả đóng khung chạy dài suốt trang báo. Là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhưng từ số 1, ra ngày 21-6-1925 đến số 107 không thấy có tiêu đề của tờ báo, cho đến mãi số 108 ra ngày 28-7-1929 mới thấy có tiêu đề của tờ báo là "*Cơ quan của Đảng Việt Nam Cách mạng Thanh niên*". Ở vị trí ngôi sao năm cánh được thay bằng một ngôi sao và hình búa liềm.

Báo *Thanh niên* có khi 4 trang, khi 2 trang. Mỗi trang chia làm hai cột như tạp chí, mỗi cột từ 23 đến 26 dòng chữ. Như vậy số mục, số bài ít. Điều đó quy định trước bài viết thường gọn. Thỉnh thoảng mới thấy có bài viết dài được ngắt ra đăng liên tiếp trên mấy số báo liền nhau. Thỉnh thoảng báo có một hình vẽ. Một số người nghiên cứu cho rằng những bức vẽ đó có thể là của Nguyễn Ái Quốc vì các nét vẽ tương tự như những nét vẽ trên tờ *Le Paria* và một số tờ báo khác sau này. Báo có những mục lớn: Xã luận, Tân văn (Tin tức), Diễn đàn phụ nữ, Thanh niên, Vấn đáp, Nghiên cứu lý luận, Thư tín, v.v.. Mỗi số báo *Thanh niên* được in khoảng 100 bản, hầu hết được bí mật gửi về Việt Nam, một số gửi cho các cơ sở ở Xiêm.

Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và là cây bút chủ chốt của tờ báo. Theo Huỳnh Kim Khánh, những bài ký tên là Z.A.C. là của Nguyễn Ái Quốc. Đó là những bài quan trọng về mặt chính trị - tư tưởng, về mặt lý luận, thực tiễn. Ngoài Nguyễn Ái Quốc, trong ban biên tập gồm các uỷ viên Tổng bộ Thanh niên như Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Duy Điếm, v.v.. Bài của Z.A.C. trên số 1 ra ngày 21-6-1925 kêu gọi đoàn kết có đoạn:

"Để dẫn dắt nhân dân làm một sự nghiệp vĩ đại cần phải có một sức lãnh đạo, sức lãnh đạo đó không phải có một vài người thôi, mà phát sinh ra từ sự hiệp lực của hàng ngàn, hàng vạn người.

Muốn cho hàng ngàn hàng vạn người ấy đoàn kết chặt chẽ với nhau thì họ phải cùng một ý chí như nhau, họ phải nuôi một kỳ vọng giống nhau, có vậy mới có đoàn kết.

Khi nào cùng ý chí, cùng kỳ vọng thì khi ấy mới có thể đoàn kết bằng không thì dầu có hô hào đoàn kết mấy đi nữa cũng không thể nào đoàn kết được.

Sự nghiệp cách mạng lớn lắm. Những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó. Người mình đã làm việc cách mạng đã nhiều năm rồi mà chưa thành công trước hết bởi vì thiếu đoàn kết với nhau"⁸².

Theo Tầm Vu, *Thanh niên* tập trung tuyên truyền những vấn đề chính sau đây:

1. Đế quốc và thuộc địa,
2. Cách mạng và cải lương.
3. Vì lẽ gì người Việt Nam chưa làm cách mạng được? Những trở ngại tư tưởng và tổ chức cần vượt qua.
4. Đảng cách mạng, Đảng Cộng sản.
5. Cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới.
6. Đảng cách mạng và Mặt trận dân tộc thống nhất.
7. Hướng đến phát động một phong trào đấu tranh của quần chúng.
8. Học tập các cuộc cách mạng thế giới.
9. Học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ ngày 21-6-1925 đến tháng 4-1927, tức là thời kỳ có sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, *Thanh niên* ra được 88 số và suốt cả thời kỳ tồn tại của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, báo ra được trên 200 số ⁸³. Nhờ báo *Thanh niên* mà tổ chức Hội thống nhất về phương pháp và nội dung tuyên truyền, giáo dục trong và ngoài Hội. Báo *Thanh niên* được bí mật đưa về phổ biến khắp cả ba kỳ và được tổ chức in lại ở trong nước. Chẳng hạn, tại Hà Nội, Nguyễn Danh Đới- Bí thư tỉnh bộ đã phân công cho Nguyễn Đức Cảnh và một số đồng chí khác tổ chức cơ quan ấn loát ở số nhà 92, phố Chợ Đuôi in lại tài liệu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi về, in lại báo *Thanh niên* và báo *Công nông* để có tài liệu tuyên truyền và giáo dục quần chúng.

“Vì là học sinh, lại có chữ đẹp, tôi được phân công chép và in lại bằng thạch cuốn *Đường cách mệnh*, một tác phẩm lý luận cách mạng đầu tiên ở nước Việt Nam do Bác Hồ soạn và báo *Thanh niên* một tờ báo cách mạng đầu tiên viết bằng tiếng Việt, xuất bản bằng tiếng Việt do Bác Hồ sáng lập”⁸⁴.

Báo *Thanh niên* góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân vào đầu năm 1930. Ngoài tờ *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của Hội, Tổng bộ còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là tuần báo *Công nông*, bán nguyệt san *Lính cách mệnh* và nguyệt san *Việt Nam tiên phong* cho những đối tượng hẹp hơn. Chẳng hạn, tuần báo *Công nông* xuất bản từ tháng 12-1926 đến đầu năm 1928, nhằm vào đối tượng công nhân và nông dân là chủ yếu, hay bán nguyệt san *Lính cách mệnh* xuất bản từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928 lấy binh sĩ người Việt Nam trong quân đội Pháp ở Đông Dương làm đối tượng tuyên truyền của mình. Huỳnh Kim Khánh trong một công trình nghiên cứu về phong trào cộng sản Việt Nam đã đưa ra một nhận xét như sau: "Những nhà nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam gồm cả những người ở Hà Nội, nói chung quên thừa nhận sự tồn tại chương trình xuất bản của *Thanh niên*. Các tác giả Việt Nam như Vũ Thọ và Trung Chính đã góp phần chắc chắn hiểu biết thời kỳ đầu của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, nhưng do một vài lý do cũng đã quên ghi nhận có những tờ báo định kỳ cùng thời với tờ *Thanh niên* như *Lính cách mệnh*, báo *Công nông* và *Việt Nam tiên phong*. Những nhà nghiên cứu phong trào cộng sản Việt Nam của phương Tây lại khăng khăng lặp lại và giải thích báo cáo của Lui Mácty trong *Góp phần vào lịch sử các phong trào chính trị ở Đông Pháp*, tập IV, về *Thanh niên*, Mácty báo cáo là 88 số *Thanh niên* được xuất bản giữa tháng 6-1925 và tháng 4-1927 (tr.17). Điều này đã làm cho một vài cây bút phương Tây đi đến kết luận rằng: thật ra chỉ có 88 số (xem ví dụ: Duiker: *Sự vùng*

dậy của chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam (Rise of Nationalism in Vietnam), tr.205). Ngoài trừ một số ít, AOM (Section d'Outre mer des Archives Nationales) có cả một sưu tập *Thanh niên* (SLOTFOM, vol 5, Carton 16) và số báo có thực của tờ *Lính cách mệnh* và báo *Công nông*⁸⁵. Rõ ràng Nguyễn Ái Quốc và những học trò của Người đã xuất bản nhiều loại báo cho nhiều đối tượng khác nhau nhằm mục đích cao nhất là tuyên truyền tư tưởng cách mạng trong toàn thể nhân dân Việt Nam từ công nông là "gốc cách mạng" đến những người đang làm đường hoặc buộc phải cầm súng trong quân đội Pháp.

Ngoài báo chí, Tổng bộ còn cho xuất bản sách giới thiệu về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên, v.v.. Đáng kể nhất trong loạt sách nhỏ xuất bản tại Quảng Châu là cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, *Đường cách mệnh* do Bộ Tuyên truyền của *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản đầu năm 1927. Bìa cuốn sách được trình bày: dòng chữ trên cùng phía góc trái: "Không phải sách bán", dưới đó là tên cuốn sách viết chữ to: "Đường cách mệnh", bên dưới là một đoạn trích trong cuốn *Làm gì* của V.I.Lênin: "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong". Trong vòng tròn là hình người hai tay bị xiềng, một dấu hình bầu dục và một phần của nó đóng đẽ lên hình vẽ, giữa hình con dấu là hai dòng chữ Hán, vòng ngoài có dòng chữ Việt: "Bị áp bức dân tộc Liên hiệp hội tuyên truyền Bộ ấn hành". Nội dung cuốn sách được phân chia theo từng vấn đề và số trang cũng đánh theo từng vấn đề, chứ không có số trang cho toàn cuốn sách. Trong phần mở đầu cuốn sách, Nguyễn Ái Quốc đã viết: "Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho

đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?"⁸⁶. Và để rồi đạt tới đích cao hơn là "Đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh."⁸⁷.

Cuốn *Đường cách mệnh* tiếp tục phát triển cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc. Nếu như trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc bóc trần và lên án những hành động xấu xa, bỉ ổi của thực dân Pháp ở những thuộc địa của chúng, thì trong tác phẩm thứ hai này, Người chỉ ra con đường cụ thể để giải phóng Tổ quốc mình, đồng bào mình khỏi kiếp nô lệ. Nói một cách khác, ở cuốn sách đầu là thức tỉnh, ở cuốn sách sau là định hướng cho hành động. Vì thế mà E.V.Côbêlêp, một nhà nghiên cứu Xôviết am hiểu lịch sử Việt Nam giai đoạn này đã có lý khi nhận định: "Tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc đã đóng vai trò tựa như cuốn *Làm gì?* của Lênin trong phong trào cách mạng nước Nga"⁸⁸.

Hay như I.A.Ognhetốp xác định: *Đường cách mệnh* mà trong đó người cộng sản Việt Nam đầu tiên trình bày dưới dạng dễ hiểu bản chất của học thuyết Mác - Lênin và phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam đã đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam những năm 20 và trong việc kết hợp phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác"⁸⁹.

Cuốn sách đã theo Nguyễn Công Thu về Hà Nội qua đường Lạng Sơn, theo Nguyễn Lương Bằng về Hải Phòng, Hải Dương. Một điều lý thú là trong cuốn *Đường cách mệnh* - hiện vật gốc của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, có một tờ giấy rời viết chữ Nôm bằng mực son nói về lai lịch bắt được cuốn sách đó. Nội dung văn bản đó như sau:

Tên con là Phó lý Nguyễn Văn Tôn, xã Hạ Trường, xin nộp quan huyện Thanh Hà quyển sách này. Con xin làm đơn trình sau. Bảo Đại năm thứ 5, ngày 29 tháng Hai".

Phó lý Nguyễn Văn Tôn (ký), có chữ "Nhật" và chữ "Phụ đệ" cùng với dấu của tri huyện Thanh Hà.

Tờ trình của Phó lý xã Hạ Trường xác nhận một điều quan trọng là ngày 29-2, Bảo Đại năm thứ 5, tức là ngày 28-3-1930 hấn đã bắt được cuốn sách "cấm" tại nơi cư trú của hấn, sau trên dưới ba năm phát hành, đã nộp "tang vật" cùng tờ trình lên quan huyện Thanh Hà và được viên quan cấp trên xác nhận (có dấu của huyện Thanh Hà). Huyện Thanh Hà, Hải Dương là quê hương của Nguyễn Lương Bằng. Vậy là những cuốn sách cấm như vậy đã theo tàu biển từ Quảng Châu về Hải Phòng, đưa lên cất giấu tại ngôi nhà 157C (trên gác 2), phố Lê Lợi (trước đây là phố Bengích) là một trạm giao thông liên lạc mà Nguyễn Ái Quốc đã cử Lý Hồng Nhật về tổ chức và giao lại cho Lê Văn Hiến phụ trách, từ đó mà phân phát đi các ngả. Một trong những cuốn sách đó đã có mặt ở xã Hạ Trường như ta đã thấy. Nguyễn Lương Bằng đã trao *Đường cách mệnh* cho Nguyễn Văn Hoan tại số nhà 191 phố Hàng Cáp, thành phố Nam Định. Năm 1927, *Đường cách mệnh* theo đường biển về Sài Gòn rồi từ đó đi khắp nơi ở Nam Kỳ. Có thể nói *Đường cách mệnh* được phổ biến khắp cả nước dưới nhiều hình thức: những bản in ở Quảng Châu, những bản in lại ở trong nước, có địa phương như ở An Giang, *Đường cách mệnh* được ngụy trang "dưới hình thức kinh phật (có tựa là Đạo Nam kinh) bên trong là nội dung tác phẩm".

Hội hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã từng tố cáo chế độ kiểm duyệt gắt gao của thực dân Pháp về thư tín và bưu kiện nên khi về Quảng Châu các phương tiện tuyên truyền đều được chuyển về nước theo những đường dây bí mật đã được tổ chức từ trước. Dầu sao cũng không thể lọt qua được mạng lưới mật thám dày đặc của Pháp. Theo tài liệu của Pháp, Sở mật thám Pháp ở Đông Dương có đủ bộ báo *Thanh niên* và đã cho dịch ra tiếng Pháp để theo dõi và tìm cách đối phó với tổ chức cách mạng này.

+ *Huấn luyện những người tuyên truyền, những người tổ chức*. Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành công việc này ngay sau khi tiếp xúc với Phan Bội Châu và các hội viên của *Tâm tâm xã*. Trong bản báo cáo đầu tiên cho Chủ tịch đoàn Quốc tế cộng sản ngày 18-12-1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết:

"...b) Sau khi đã tán thành kế hoạch này, ông đã đưa cho tôi một bản danh sách 10 người An Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu.

c) Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người An Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Chúng tôi sẽ gửi họ trở về Đông Dương hoạt động sau 3 tháng học tập; và chúng tôi sẽ lấy ra một đoàn khác. Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất"⁹⁰.

Như vậy, những lớp huấn luyện đầu tiên đó được tổ chức thực hiện trước khi tổ chức cách mạng được thành lập (6-1925). Đương nhiên, học viên của những lớp huấn luyện đầu tiên đó là những thanh niên Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, đặc biệt là những người có chân trong tổ chức *Tâm tâm xã*. Và Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn từ những lớp huấn luyện đầu tiên những thanh niên có đủ tiêu chuẩn để thành lập *Cộng sản Đoàn* (2-1925) và tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, sau đó cử về nước tuyên truyền và tổ chức những đoàn xuất dương sang học tập tại Quảng Châu. Một trong những đặc điểm của những lớp huấn luyện đầu tiên này là chưa có trường sở riêng mà nhờ trụ sở Công hội ở các khu phố. Nguyễn Lương Bằng sau khi được huấn luyện đã được kết nạp vào *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã nhớ lại: "Mỗi lần tôi ra khỏi được tổ giới Pháp, các đồng chí Vương (Nguyễn Ái Quốc) và Xích Ích (Hồ Tùng Mậu) kéo chúng tôi vào trụ sở Công hội ở bất cứ khu phố nào, mượn ngay các trụ sở của bạn mở lớp huấn luyện chúng tôi ở đấy"⁹¹. Có thể là cuối năm 1925 hoặc đầu năm 1926 mới chính thức thành lập Trường huấn luyện chính trị. Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản đề ngày 3-6-1926, Nguyễn Ái Quốc viết:

"Tổ chức một trường tuyên truyền. Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu. Sau một tháng rưỡi học tập họ trở về nước. Khoá thứ nhất được 10 học viên. Khoá thứ hai sẽ mở vào tháng 7 tới, sẽ có khoảng 30 người.

Vì đi đường thì lâu ngày (khoảng 2 tuần lễ), nguy hiểm và tốn kém nhiều và khả năng tài chính của chúng tôi thì eo hẹp (với tiền lương của tôi, tiền lương của một trong số các đồng chí của tôi và một ít trợ cấp của các đồng chí Nga), nên công việc không được nhanh chóng như chúng tôi mong muốn"⁹².

Đoạn trích trên cho ta những hiểu biết quan trọng sau đây: a) Tổ chức một Trường tuyên truyền, b) Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu, sau một tháng rưỡi sẽ trở về nước; c) Lớp đầu tiên mở cho 10 học viên; d) Lớp thứ hai sẽ mở vào tháng 7-1926 cho 30 học viên.

"Trường tuyên truyền" đặt tại ngôi nhà số 13⁹³ đường Văn Minh (sau đổi là phố 422, đường Diên An 1, Quảng Châu), một ngôi nhà 3 tầng kiến trúc theo lối Á Đông. Ở lối vào toà nhà có gắn tấm biển đề "*Ban huấn luyện chính trị đặc biệt*". Lớp học ở tầng 3. Trên tường phòng học treo chân dung C.Mác, V.I.Lênin, I.V.Xtalin, Tôn Dật Tiên, Phạm Hồng Thái. Trường huấn luyện chính trị đặc biệt được Chính phủ Tôn Dật Tiên coi như một phân hiệu của Trường Quân chính Hoàng Phố và đã hoạt động dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Quảng Châu và Đoàn cố vấn Liên Xô. Được như thế là do tài khéo thu xếp của Nguyễn Ái Quốc. Điều đó đưa lại hai điều lợi: 1) Tránh được những cặp mắt soi mói của bọn mật vụ quốc tế và cả bọn phái hữu trong Quốc dân Đảng là bọn chống cộng điên cuồng trong Chính phủ Quảng Châu; 2) Tranh thủ được đội ngũ giáo viên - cố vấn quân sự - chính trị Liên Xô bên trường Hoàng Phố.

Nguyễn Ái Quốc là giáo viên chính. Ngay từ khi chưa mở lớp, Nguyễn Ái Quốc đã dự đoán: "Khi các học viên đến Quảng Châu, rất có thể rồi sẽ phải đem tất cả hoặc gần tất cả thì giờ của tôi vào việc huấn luyện họ"⁹⁴. Mọi việc đã diễn ra đúng như

vậy. Nguyễn Ái Quốc đã dành hầu hết thì giờ cho lớp huấn luyện từ khâu giảng bài cho đến việc dự nghe học viên thảo luận, thực hiện chương trình ngoại khoá như tham quan, thâm nhập thực tế của Quảng Châu cách mạng lúc đó. Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn tham gia công việc này với tư cách là giáo viên phụ giảng. Trường được sự quan tâm đặc biệt của M.M.Bôrôđin. Bôrôđin đã đến giảng bài *Lịch sử Đảng Cộng sản Nga* (b). Các giáo viên Liên Xô ở trường Quân chính Hoàng Phố như V.K.Bluike, B.A.Páplóp, M.V.Quybusép, V.M. Primacóp cũng đến giảng bài cho các lớp huấn luyện. Học viên được thu hút và thích thú không chỉ bởi nội dung của những bài giảng mới chưa từng nghe bao giờ, mà còn bởi phương pháp sư phạm của các giáo viên, đặc biệt của giáo viên chính là Nguyễn Ái Quốc. Bằng giọng nói âm áp, bằng lối dùng từ chính xác, đơn giản, sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp so sánh với tình hình thực tế, Nguyễn Ái Quốc đã làm cho học viên tiếp thu nhanh, dễ hiểu và nhớ lâu.

Trong bài giảng của mình, Nguyễn Ái Quốc thường lấy những ví dụ cụ thể thiết thực để chứng minh và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận phức tạp. Chẳng hạn, khi đề cập đến nguồn gốc chủ nghĩa tư bản, Nguyễn Ái Quốc đã hỏi học viên một câu: "Một tên tư bản chủ của những nhà máy đúc súng đạn ở Đức có liên quan với bà bán nước chè ở Việt Nam ta không?"⁹⁵.

Những câu hỏi mở của thầy giáo như vậy làm cho học viên phải suy nghĩ và từ đó mà hiểu và nhớ lâu. Ngoài giờ lên lớp, thầy giáo còn đến dự những buổi thảo luận, những buổi diễn đàn của học viên để qua đó nắm được những vấn đề học viên chưa hiểu hoặc hiểu chưa thấu đáo để có kế hoạch cụ thể khắc phục. Để tạo cho những buổi sinh hoạt sinh động, vui vẻ, thấm tình quốc tế vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã dịch và phổ biến bài *Quốc tế ca* theo thể thơ lục bát:

“Hỡi ai nô lệ trên đời,

Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên.

Bất bình này chịu sao nên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi.
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha.
Cuộc đời nay đã đổi ra,
Ta xưa con ở, nay là chủ ông.

Diệp khúc:

Trận này là trận cuối cùng,
Ầm ầm đoàn lực, ùng ùng đàng cơ
Lanh - tét - na - xiô - na - lơ,
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do”⁹⁶.

Chương trình học tập của các lớp huấn luyện khá rộng, bao gồm cả học lý thuyết lẫn học thực hành, học sinh được trang bị cả về lý luận cách mạng vô sản và phương pháp (kỹ thuật) cách mạng. Trong các khoá học, học viên được nghiên cứu tình hình quốc tế, lịch sử tiến hoá nhân loại có nhấn mạnh thời kỳ chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, phong trào giải phóng dân tộc ở Triều Tiên, Trung Quốc và Việt Nam; nghiên cứu có phương pháp chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên, và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin có liên hệ với cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga. Học viên cũng được nghe giảng về lịch sử và tổ chức Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III và các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản như Thanh niên Cộng sản quốc tế, Quốc tế Nông dân, Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Cứu tế đỏ. Phần cuối cùng của chương trình huấn luyện gắn chặt với thực tiễn hoạt động cách mạng. Đó là những vấn đề về vận động và tổ chức quần chúng như công hội, nông hội v.v.. Học viên không những chỉ được trang bị về lý luận mà còn được trang bị về kỹ

năng thực hành các công việc cách mạng như làm báo, diễn thuyết, v.v.. Khi tiến hành diễn thuyết tuyên truyền học viên phải tuân theo sáu yêu cầu:

1. Người diễn thuyết phải dùng ngôn ngữ thích hợp với người nghe.
2. Phải lựa chọn cách thức để thu hút người nghe, do đó, diễn giả cần phải có giọng nói ấm và truyền cảm, biết đặt ra những vấn đề đơn giản trước khi đi tới những vấn đề phức tạp, tức là biết dẫn dắt người nghe.
3. Bài diễn thuyết phải dễ hiểu. Muốn được thế người diễn thuyết cần phải nói rõ ràng, khúc chiết, đơn giản, có trước có sau và phải tránh nói lấp và rườm rà.
4. Bài diễn thuyết phải thích hợp với từng hoàn cảnh.
5. Cần phải dẫn ra những ví dụ, những chứng cứ rõ ràng. Chẳng hạn, ví bọn Pháp như con dao, cái thớt, còn dân ta như con cá hay miếng thịt thì hết thảy người nghe sẽ hiểu rõ bọn Pháp là kẻ thù không đội trời chung của nhân dân Việt Nam.
6. Trong mọi trường hợp diễn giả phải luôn luôn trung thực và không bao giờ xuyên tạc sự thật.

Trong hồi ức của mình, Lê Mạnh Trinh⁹⁷ đã viết rằng: "Mỗi học viên chúng tôi phải đóng vai người tuyên truyền, những người khác ngồi nghe và hỏi lại. Sau đó chúng tôi góp ý kiến bài diễn thuyết và những câu hỏi"⁹⁸. Như vậy xét theo chương trình học tập, học viên được trang bị những vấn đề rất cơ bản về học thuyết Mác – Lênin, về những nguyên tắc hoạt động cách mạng, về những kỹ năng thực hành của người cách mạng.

Theo bản báo cáo đề ngày 3-6-1926 của Nguyễn Ái Quốc, lớp thứ nhất tại Trường Huấn luyện chính trị cho 10 học viên đã được tổ chức, có lẽ vào đầu năm đó. Trong số những học viên dự lớp huấn luyện đầu tiên tại trường Quảng Châu có hai học viên từ trong nước sang là Lê Duy Điếm, hội viên của Hội Hưng Nam và Lê Hữu Lập (tức Hoàng Lùn) thuộc *nhóm Đinh Chương Dương* ở nhà số 7 phố Bến

Ngự, Nam Định là cơ sở mà Lê Hồng Sơn đã bắt mối hồi năm 1923. Sau khi học xong, cả hai được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Lê Duy Điểm được Nguyễn Ái Quốc cử về Vinh, Lê Hữu Lập được cử trở lại Nam Định, tuyên truyền và tổ chức những đoàn xuất dương sang Quảng Châu dự huấn luyện. Sử dụng thành công mối quan hệ bạn bè, họ hàng Lê Duy Điểm và Lê Hữu Lập đã tuyên truyền và tổ chức được ba đoàn gồm 30 người theo đường Hải Phòng - Móng Cái - Đông Hưng sang Quảng Châu, nhưng chỉ thoát được 10 người⁹⁹. Việc tổ chức được những đoàn thanh niên từ trong nước sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị mở ra triển vọng lớn trong việc đào tạo đội ngũ những người tuyên truyền và những người tổ chức, và bước đầu thực hiện có kết quả kế hoạch mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra. Nguyễn Ái Quốc đã chọn 7 người trong số học viên dự lớp thứ hai tung về ba miền đất nước hoạt động và lấy ra những đoàn khác. Theo sự phân công của Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Công Thu và Nguyễn Danh Thọ về Bắc hoạt động; Trần Phú, Phan Trọng Quảng và Nguyễn Ngọc Ba về Trung; Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về Nam. Với sự hoạt động của các chiến sĩ tiên phong này, nhịp độ và quy mô thanh niên trong nước bí mật sang Quảng Châu học ngày một tăng. Từ đó mới có đoàn của Lê Mạnh Trinh, Ngô Thiêm, Lê Văn Phát ra đi từ Sài Gòn và thanh niên các tỉnh miền Trung và miền Bắc theo đường dây liên lạc của Nguyễn Công Thu (Hà Nội - Lạng Sơn - Công Chạp - Quảng Châu) đến dự các lớp huấn luyện tiếp theo. Riêng ở Bắc và Trung trong năm 1926 và đầu năm 1927 đã có khoảng 180 người sang được Quảng Châu¹⁰⁰. Từ Sài Gòn nhiều đoàn thanh niên Nam Bộ theo đường thủy sang Quảng Châu¹⁰¹. Đồng thời với việc tuyên truyền, tổ chức thanh niên trong nước bí mật sang Quảng Châu dự các lớp huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc còn triển khai kế hoạch đó trong Việt kiều ở Xiêm. Tháng 6-1926, Hồ Tùng Mậu được Nguyễn Ái Quốc cử sang Xiêm công tác với mục đích đó. Anh đã cùng với Đặng Thúc Hứa, một nhà cách mạng lão thành nổi tiếng trong Việt kiều ở Xiêm lựa chọn thanh thiếu niên có năng lực đi học ở

Quảng Châu. Đặng Thái Thuyến và những thiếu niên trong đó có Lý Tự Trọng đã đến Quảng Châu theo con đường: Bản Đông - Phì Chịt - Băng Cốc - Hồng Kông - Quảng Châu.

Như vậy, từ năm 1925 đến năm 1927, nhiều thanh niên yêu nước từ khắp các miền đất nước, cả Việt kiều ở Xiêm đã đến Quảng Châu dự các lớp huấn luyện chính trị. Cho đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được 10 lớp cho khoảng 250-300 người¹⁰². Đó là vốn quý báu mà Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam. Tuyệt đại đa số học viên sau khi học xong được tung về nước và về Xiêm hoạt động. Họ trở thành người tuyên truyền và tổ chức các tổ chức cách mạng trong nước và trong Việt kiều ở Xiêm. Trong điều kiện vô vàn khó khăn dưới sự thống trị của thực dân Pháp, những người được huấn luyện tại Quảng Châu là một *phương tiện tuyên truyền sống* rất cơ bản đối với việc phổ biến, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng lao động ở Việt Nam.

Cùng với việc tích cực, chủ động mở lớp đào tạo những người tổ chức, những người tuyên truyền, Nguyễn Ái Quốc còn sử dụng một phương thức đào tạo khác: Lựa chọn và cử học sinh đi học tại *Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông* và *Trường Quân chính Hoàng Phố*. Đây là một phương thức đào tạo mà Nguyễn Ái Quốc triệt để khai thác để trong một thời gian ngắn nhất đào tạo cho đảng mácxít tương lai một đội ngũ cán bộ đa dạng, đáp ứng nhiều mặt cho phong trào. Phương thức đào tạo này có những điểm mạnh sau đây: 1) Đó là trường mà nội dung đào tạo của nó không thể có được ở một trường chính trị ngắn hạn như trường Quảng Châu. Do đó, học viên sẽ được đào tạo có hệ thống; 2) Sẽ giảm được một số kinh phí đáng kể; 3) Tạo được mối liên hệ chặt chẽ giữa tổ chức cách mạng nước ta với Quốc tế Cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.

Việc Nguyễn Ái Quốc cử học viên sang học tại Trường đại học Phương Đông chỉ là việc tiếp tục công việc mà Người đã khởi xướng và thực hiện, khi còn ở

Mátxcova. Đến Quảng Châu, trong thư gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản ngày 10-1-1925, Người đã viết: “Một trong số những đảng viên đó, xế trưa nay, đã đi Trung Kỳ và Lào, với nhiệm vụ là tổ chức những cơ sở ở các xứ đó và tìm thanh niên để đi học Trường đại học cộng sản chủ nghĩa ở Mátxcova.

Các đồng chí cho tôi biết các đồng chí muốn nhận bao nhiêu sinh viên An Nam vào học Trường đại học ấy”¹⁰³. Có lẽ chưa nhận được thư trả lời của Quốc tế Cộng sản, một tháng sau Người lại nhắc lại yêu cầu đó trong một lá thư khác đề ngày 19-2-1925 trong phần *Những việc chúng tôi phải làm trong năm nay*, là: "... Gửi sinh viên An Nam sang học Trường đại học cộng sản ở Mátxcova", và trong phần *Những điều tôi yêu cầu các đồng chí*, Người viết: "Cho tôi biết là có thể gửi bao nhiêu sinh viên An Nam sang Mátxcova". Từ năm 1926, Người đã cùng với M.M.Bôrôđin đại diện của Quốc tế Cộng sản tại miền Nam Trung Quốc lựa chọn và làm thủ tục cần thiết cho thanh niên Việt Nam sang Mátxcova học tập. Những người đầu tiên đi theo đường này là Trần Phú, Lê Hồng Phong¹⁰⁴. Rõ ràng, Nguyễn Ái Quốc khai phá con đường đưa thanh niên Việt Nam từ Quảng Châu đến trường Đại học Phương Đông và nó được tiếp tục nhiều năm. Không dừng lại ở việc gửi học sinh sang học mà Người còn rất quan tâm tới việc học tập, sinh hoạt của sinh viên Việt Nam tại trường. Trong thư gửi chi bộ Đảng trường Đại học Phương Đông thể hiện rõ sự quan tâm của Người:

"Theo quyết định của Ban phương Đông, Ban Bí thư Latinh của Quốc tế Cộng sản và đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Ban Chấp hành, một nhóm cộng sản An Nam đã được thành lập với các đồng chí sau đây:

- Phon Son,
- Le Man,
- Jiao,

- Min Khan,

- Lequy¹⁰⁵.

Đồng chí cuối cùng được cử làm bí thư nhóm.

Vì các đồng chí đó đều là sinh viên trường các đồng chí và để cho họ có thể học cách làm việc, chúng tôi yêu cầu chi bộ đồng chí chỉ định một hay hai đồng chí chăm lo việc giáo dục cộng sản cho nhóm đó, để đào tạo các đồng chí đó theo sinh hoạt của Đảng”¹⁰⁶.

Theo Đanien Hémery, có 47 người Việt Nam sang học tại Trường Phương Đông ở Mátxcova, nhưng theo Tiến sĩ sử học Alan Rútxiô thì "Sở mật thám Pháp thống kê từ năm 1923 đến năm 1931 đã có 75 người Việt Nam đi học những trường đó"¹⁰⁷. Như vậy, trường Đại học Phương Đông đã đào tạo cho cách mạng Việt Nam hàng chục cán bộ. Một số học sinh Việt Nam tốt nghiệp trường này đã trở thành những nhà lãnh đạo nổi tiếng của Quốc tế Cộng sản và của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này như Nguyễn Ái Quốc - công tác nhiều năm trong Ban phương Đông Quốc tế cộng sản; Lê Hồng Phong - Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1935, Trần Phú - Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và nhiều nhà lý luận xuất sắc khác của Đảng.

Ngoài việc đào tạo và gửi đi đào tạo cán bộ chính trị, Nguyễn Ái Quốc còn chọn thanh niên yêu nước Việt Nam có khả năng về quân sự đi học Trường Quân chính Hoàng Phố. Việc Nguyễn Ái Quốc gửi thanh niên vào học Trường Hoàng Phố có nghĩa là vấn đề bạo lực vũ trang trong một cuộc cách mạng ở một nước thuộc địa đã được đặt ra và được chuẩn bị rất sớm. Không chỉ gửi người theo học mà Người còn chỉ đạo việc đào tạo họ. A.I.Trêrêpanốp, một trong những cố vấn, giáo viên của trường đã xác nhận: “đồng chí Hồ Chí Minh đã ở Quảng Châu vào những năm 1924 - 1925 đã thường xuyên liên hệ với các học viên Việt Nam ở Trường Hoàng

Phổ và chỉ đạo việc giáo dục họ”¹⁰⁸. Từ khoá III năm 1925 đến khi trường bị đóng cửa sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch, khóa nào cũng có học viên Việt Nam theo võ bị. Trong một bài nhan đề *Học viện Quân sự Hoàng Phố và cách mạng Việt Nam* đăng trên tờ *Tuần báo của Học viện Hoàng Phố* của tác giả Wou Hai Tsieou đã xác định: "Trường Hoàng Phố đã tồn tại 3 năm và đã đào tạo được 5 khoá. Trong suốt thời gian đó đã có những đồng chí Việt Nam vượt qua muôn trùng nguy hiểm tới tham gia sinh hoạt của trường và tăng lực lượng quân sĩ của trường và làm tăng uy tín của trường. Số đồng chí này tốt nghiệp rời trường, số đồng chí khác vào học... Hết khoá này đến khoá khác, số lượng các đồng chí Việt Nam càng đông hơn. Có khoảng 30 học viên Việt Nam đã tốt nghiệp trường này". Được sự quan tâm sát sao của Nguyễn Ái Quốc, được sự giúp đỡ tận tâm của giáo viên - cố vấn quân sự Liên Xô, các học viên Việt Nam đã học tập đạt kết quả tốt. Lần đầu tiên, dưới mái trường Hoàng Phố những thanh niên yêu nước Việt Nam đã tiếp thu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật quân sự theo quan điểm Mác – Lênin, và những quan điểm mácxít về chiến tranh hiện đại, nắm vững những nguyên tắc cơ bản về tổ chức quân đội theo mẫu hình Hồng quân Liên Xô và những kinh nghiệm tác chiến trong mọi điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Người thầy giáo của họ là A.I Trêrêpanốp đã nhận xét: "Trong số học viên chúng tôi có khoảng 30 người Việt Nam. Họ rất nghiêm chỉnh, cần cù lao động, dốc hết sức để học tập bởi lẽ họ biết rằng để giành chính quyền về tay công nông phải cầm lấy vũ khí chiến đấu và chỉ có tri thức quân sự mới giúp họ bảo vệ được cách mạng khỏi thù trong giặc ngoài". Những học viên Việt Nam tốt nghiệp ở đây về sau trở thành những cán bộ quân sự của Đảng ta như các đồng chí Phùng Chí Kiên, Trương Văn Lĩnh, Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn, v.v..

3. Những tư tưởng chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá về nước

Thời kỳ Quảng Châu (từ tháng 11-1924 đến tháng 5-1927), Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều không những cho các tờ báo của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, mà còn cho báo chí của Quốc tế Cộng sản, của Đảng Cộng sản Liên Xô, của Đảng Cộng sản Pháp và cho tờ *Le Paria*. Trong những bài viết của mình, đặc biệt trong cuốn *Đường cách mệnh* chứa đựng nhiều tư tưởng chỉ đạo cho cách mạng Việt Nam, hợp thành những vấn đề chiến lược và sách lược của Đảng mácxít tương lai. Trong phần này chúng tôi chỉ xin trình bày một số tư tưởng chủ đạo đó.

+ *Quan niệm về cách mạng*

Một trong những đóng góp quan trọng của Nguyễn Ái Quốc vào việc phát triển tư tưởng – chính trị là việc giải thích, trình bày quan niệm "cách mạng" theo quan điểm Mác - Lênin. Trước Nguyễn Ái Quốc ở nước ta mỗi một lãnh tụ, hay mỗi một nhóm, một hội đứng lên chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp đều được xem là cách mạng. Theo Huỳnh Kim Khánh, sự hiểu biết khá nhất được trình bày trong cuốn sách nhỏ mang tên *Cách mạng* của Nguyễn Thượng Hiền năm 1925. Tác giả đã khai thác trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam một cách kỹ càng, kể cả các phong trào chống đối của Găngđi và phong trào đòi độc lập của Philippin và Ai Cập để tìm những dẫn chứng về cách mệnh đương thời. Nhưng tác giả mới chỉ dừng lại ở những hiện tượng bên ngoài chưa đi sâu vào bản chất của khái niệm "cách mạng". Một điều lý thú là sau khi viết xong cuốn sách đó Nguyễn Thượng Hiền đã gửi cho Nguyễn Ái Quốc chú giải và phê bình¹⁰⁹. Trong bài phê bình cuốn sách đó, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày rõ khái niệm "cách mạng" theo quan niệm mới:

“Trong ngôn ngữ Pháp có những cấp độ khác nhau "cải cách", "tiến hoá", "cách mạng". Tiến hoá là một loạt những cải biến hoà bình và liên tục; cải cách là sự thay đổi nhiều hoặc ít trong thể chế của một nước, là sự thay đổi có thể hoặc không có thể sử dụng đến bạo lực. Sau những cuộc cải cách vẫn thường giữ lại chút ít hình

thức ban đầu. *Cách mạng là sự thay thế toàn bộ chế độ cũ bằng một chế độ mới*". Trong những bài viết trên tờ *Thanh niên*, trong *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục trình bày một cách rõ ràng quan điểm mới mẻ về cách mạng. Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rõ ràng là sự thay thế liên miên bằng bạo lực các chế độ quân chủ trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc, những hành động bạo lực chống ách đô hộ của thực dân Pháp chẳng hạn như phong trào chống thuế năm 1908, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, cuộc khởi nghĩa của Thái Nguyên năm 1917 không phải là cách mạng. Đó chỉ là những hành động bạo động dù có đạt được mục đích gì cũng không đạt tới một sự thay đổi căn bản. Theo Nguyễn Ái Quốc, một cuộc cách mạng diễn ra phải chứa đựng trong đó hai hành động chủ yếu đồng thời: vừa xoá bỏ chế độ cũ vừa xây dựng trên chỗ đó một chế độ mới, một xã hội mới. Nói cách khác, theo quan niệm của Nguyễn Ái Quốc, cuộc cách mạng bao gồm sự cải biến toàn bộ trật tự chính trị, kinh tế và xã hội. Nguyễn Ái Quốc viết: "Cách mạng là sự thay đổi từ xấu sang tốt. Đó là toàn bộ những hành động qua đó nhân dân bị áp bức trở nên hùng mạnh. Lịch sử của một xã hội đã dạy cho chúng ta rằng cách mạng thường diễn ra luôn, rằng cách mạng mới đưa lại cho chính phủ, giáo dục, công nghiệp, tổ chức xã hội, v.v. một hình thức tốt đẹp hơn"¹¹⁰. Chúng ta thấy trong *Đường cách mệnh* cũng nêu một định nghĩa tương tự về cách mạng: "Cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Tiếp đó, Nguyễn Ái Quốc xác định rõ cách mạng bao gồm hai thời kỳ: "Thời kỳ phá huỷ" và "Thời kỳ xây dựng lại" và nội dung chủ yếu của mỗi thời kỳ:

"Mục đích của thời kỳ đầu là lật đổ chính phủ chuyên chế. Ở An Nam nơi mà nhân dân bị làm cho ngu độn, bị đối xử như con vật, bị bóc lột và bị áp bức cần phải dùng lời tuyên truyền khéo léo để thức tỉnh những người vô sản nam lẫn nữ, khắc sâu trong họ nỗi khổ nhục nô lệ và tình đoàn kết, thống nhất họ thành một khối

vững mạnh thôi thúc họ chống lại những tên bạo chúa và đưa họ giành lại những quyền của họ.

Mục đích của thời kỳ thứ hai là phát huy có chủ đích thắng lợi của cách mệnh, vì vậy, sau khi đánh đuổi người Pháp ra khỏi bờ cõi chúng ta, chúng ta cần phải tiêu diệt những phần tử phản cách mạng, xây dựng đường sá giao thông, phát triển thương mại và kỹ nghệ, giáo dục nhân dân sống trong hoà bình và hạnh phúc"¹¹¹.

Từ định nghĩa "cách mạng" Nguyễn Ái Quốc đi tới phân loại các cuộc cách mạng trên thế giới. Theo Nguyễn Ái Quốc, có ba loại cách mạng: "Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789, Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864. Dân tộc cách mạng như Italy đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911. Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917"¹¹².

Từ sự phân loại đó, Nguyễn Ái Quốc đi đến đánh giá có tính chất so sánh để hướng người đọc tới một sự lựa chọn duy nhất: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do và bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới"¹¹³.

Cách mạng Việt Nam đang tiến hành thuộc loại cách mạng gì? Theo Nguyễn Ái Quốc đó là cuộc cách mạng dân tộc, hay là cuộc cách mạng chính trị và mục đích cuối cùng là đoàn kết tất cả mọi người bị áp bức bóc lột vùng dậy lật đổ chính quyền thực dân Pháp và bọn quan lại Nam Triều, giành lại tự do cho nhân dân, độc lập cho dân tộc. Người viết: "Bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết

lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh"¹¹⁴. Và báo *Thanh niên* số 6 ngày 26-7-1925 cũng xác định rõ theo tinh thần đó: Nước An Nam ta "phải bắt đầu từ cuộc cách mệnh chính trị" vì "An Nam chưa sẵn sàng làm cuộc cách mạng giai cấp", "Trong hoàn cảnh hiện thời buộc nhân dân An Nam làm cuộc cách mệnh dân tộc chứ không phải là cuộc cách mệnh giai cấp". Trong hàm ý đó, Nguyễn Ái Quốc muốn nói với người đọc là trước hết nhân dân ta tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, tiếp đó muốn được bình đẳng tự do thực sự thì tiếp tục làm cuộc cách mạng như nước Nga. Đó chính là tư tưởng cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình chung của cách mạng nước ta. Phải thừa nhận là vào nửa cuối những năm 20 thế kỷ trước, những hiểu biết xung quanh khái niệm "cách mạng" mà Nguyễn Ái Quốc đưa ra, là bước tiến vượt bậc trong lịch sử phát triển tư tưởng chính trị nước nhà. Nó giúp nhân dân ta hiểu một cách chính xác khái niệm "cách mạng" và biết phân biệt đâu là cách mạng triệt để nhất để từ đó mà định hướng chính xác hành động của mình.

Một vấn đề nữa xung quanh khái niệm "cách mạng" là *đối tượng* và *lực lượng* của cách mạng. Theo truyền thống, các nhà cách mạng chúng ta thường diễn tả đối tượng và lực lượng của cách mạng trong một khái niệm chung: *chúng nó* và *chúng ta*. Tùy sự nhận thức của mỗi nhà cách mạng về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam, tức là lăng kính chủ quan của cá nhân và lập trường giai cấp của họ, mà các thành phần của hai lực lượng đối lập nhau - *chúng nó* - *chúng ta*, có thay đổi, rộng hay hẹp. Chẳng hạn, nếu như Phan Bội Châu xếp thực dân Pháp vào loại "chúng nó" thì Phan Chu Trinh coi bọn quan lại là kẻ thù chính, còn trong phe "chúng ta", nếu như Phan Bội Châu, thời kỳ Đông du, có liệt kê 10 hạng người và sau khi gặp Nguyễn Ái Quốc có chú ý tới công nông thì Phan Chu Trinh chỉ nói đến khái niệm "nhân dân" trừu tượng. Rõ ràng, những hiểu biết của hai ông về đối

tượng và lực lượng cách mạng còn rất hạn chế và nông cạn. Nhưng đến Nguyễn Ái Quốc tình hình diễn ra hoàn toàn khác. Lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ cho nhân dân ta thấy kẻ thù chính của mình là bọn thực dân Pháp và bọn địa chủ - phong kiến. Đó là đối tượng mà cách mạng cần phải chĩa thẳng và đánh đổ nó. Điều đó đã được thể hiện rõ nét trong các tác phẩm của Người ở những chặng đầu và đến những chặng này được tiếp tục chỉ ra và sâu sắc thêm, bằng những tác phẩm viết bằng tiếng mẹ đẻ. Ngoài hiểu biết về đối tượng cách mạng duy nhất đúng đó ra, mọi hiểu biết khác đều là phiến diện, không đầy đủ. Và do đó không bao giờ chiếm được toàn bộ nội dung của cách mạng sẽ được tiến hành, bởi lẽ, như ta biết, đặc trưng của chế độ thuộc địa là sự cấu kết giữa đế quốc và phong kiến bản xứ. Còn lực lượng cách mạng, tức là lực lượng thuộc phe "chúng ta", gồm những giai tầng nào? Để xác định rõ lực lượng cách mạng, Nguyễn Ái Quốc xuất phát từ nguyên lý cơ bản "có áp bức, có đấu tranh":

"Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân ròi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những có ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"¹¹⁵.

Đoạn trích dẫn trên cho ta thấy những luận điểm cơ bản của Nguyễn Ái Quốc về xác định lực lượng cách mạng, đặc biệt là động lực cách mạng và những bạn đồng minh của nó. Hơn thế nữa, đọc đoạn trích dẫn trên chúng ta nhớ tới nguyên lý đấu tranh giai cấp của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, nhớ tới những câu cuối cùng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen: "Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Trong cuộc cách mạng ấy, họ giành được cả một thế giới cho mình"¹¹⁶. Rõ ràng, đến Nguyễn Ái Quốc, trong khái niệm "chúng ta" bao gồm nhiều thành phần giai cấp – xã hội khác nhau, do đó khái niệm đó được mở rộng tới mức tối đa, đáp ứng được đòi hỏi về nội dung của cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ. *Những hiểu biết quan trọng mà Nguyễn Ái Quốc đưa lại tạo ra những tiền đề lý luận cho việc xây dựng khối liên minh công nông và Mặt trận dân tộc thống nhất trong cuộc cách mạng sắp tới.*

Cách mạng khó hay dễ? Nguyễn Ái Quốc xác định: "Sửa cái xã hội cũ đã mấy nghìn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó" và Người khẳng định: "Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc chắn làm được". Như vậy, theo Nguyễn Ái Quốc, cuộc cách mạng mà chúng ta tiến hành là một việc làm hết sức khó khăn nhưng có *phương pháp cách mệnh* chắc chắn sẽ làm được. Khi rời nước Pháp, trong một lá thư gửi những người bạn chiến đấu của mình, Nguyễn Ái Quốc đã nói tới việc giác ngộ và tổ chức đưa quần chúng ra đấu tranh. Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã cụ thể hoá tư tưởng đó. *Đường cách mệnh* đã khẳng định: Muốn làm cách mạng thì phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu, phải bày sách lược, cách thức cho dân đấu tranh. Báo *Thanh niên* đã dành rất nhiều số để phân tích về vấn đề giác ngộ dân chúng, giác ngộ công nông: cách mạng là một sự nghiệp lớn và khó không phải một vài người mà làm nổi, không phải dăm ba người làm xong; muốn làm được phải có sức mạnh của

đông đảo quần chúng. Người dân chỉ hành động khi nào họ giác ngộ. Muốn cho dân giác ngộ phải làm cho họ hiểu học thuyết cách mệnh... Phương pháp cách mệnh của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện tập trung nhất trong chiến lược gồm ba giai đoạn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Chiến lược đó chứa đựng một cách đầy đủ những tư tưởng chuẩn bị những điều kiện cần thiết để khi có tình thế cách mạng sẽ thực hiện bước cuối cùng của nó – lật đổ chế độ cũ, xây dựng một xã hội mới. Ta có thể tóm tắt chiến lược ba giai đoạn ấy như sau:

- *Giai đoạn 1*: Giai đoạn tổ chức. Trong giai đoạn này bí mật tuyên truyền nhằm thu hút những phần tử chống thực dân phong kiến và tổ chức ra những chi bộ cách mạng.

- *Giai đoạn 2*: Giai đoạn cổ động, tuyên truyền hay là giai đoạn nửa công khai. Ở giai đoạn này các tổ chức cách mạng khi đã có nhiều đảng viên phải phát động những cuộc đấu tranh chính trị, kinh tế và đôi khi cả những hoạt động khủng bố, những cuộc đình công, bãi khoá, bãi thị được kèm theo những tiếng nổ để kích động quần chúng.

- *Giai đoạn 3*: Giai đoạn khởi nghĩa. Ở giai đoạn này, các tổ chức cách mạng khắp các xứ Đông Dương, trong mọi tầng lớp xã hội tiến hành hoạt động nhằm lật đổ chính phủ và tổ chức chính quyền cách mạng. Giai đoạn khởi nghĩa phải thực hiện được ba nhiệm vụ:

Thứ nhất, lật đổ chế độ thực dân và thiết lập một chế độ chính phủ mới.

Thứ hai, tuyên truyền trong bộ phận nhân dân chưa tham gia hoạt động cách mạng.

Thứ ba, tổ chức lại xã hội bao gồm việc cải cách hệ thống giáo dục, chế độ thuế khoá và lực lượng vũ trang theo những nguyên tắc cách mạng.

Chiến lược ba giai đoạn đã để lại những dấu ấn rất đậm trong toàn bộ những hoạt động của Đảng ta từ ngày thành lập đến ngày giành chính quyền trong cuộc Cách

mạng Tháng Tám năm 1945. Chiến lược ba giai đoạn đó đã dạy cho Đảng ta kiên trì chuẩn bị lực lượng, không nôn nóng đốt cháy giai đoạn, biết thắng địch từng bước để cuối cùng khi thời cơ đến dốc toàn bộ lực lượng cho cuộc tổng tiến công giành chính quyền. Lịch sử hoạt động của Đảng ta đã chứng minh điều đó. Hơn thế nữa, chiến lược ba giai đoạn của Nguyễn Ái Quốc cũng đã ảnh hưởng đến chương trình hành động của các đảng quốc gia khác như Việt Nam Quốc dân Đảng.

+ *Về Đảng cách mạng, Đảng Cộng sản*

Tư tưởng xuyên suốt trong di sản lý luận của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này là thực dân Pháp dùng chính sách "chia để trị" nên những người cách mạng trước hết phải đoàn kết mới thực hiện được sự nghiệp to lớn và khó khăn của mình. Tư tưởng đó được toát lên trong bài đăng trên báo *Thanh niên*, số 1, ra ngày 21-6-1925 như là một tuyên ngôn: "Sự nghiệp cách mạng lớn lắm. Những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó. Người mình đã làm việc cách mạng nhiều năm rồi mà chưa thành công trước hết bởi vì thiếu đoàn kết với nhau".

Có đoàn kết mới tạo nên sức mạnh cho cách mạng. Muốn đoàn kết thì "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"¹¹⁷.

Như vậy, theo Nguyễn Ái Quốc, để đoàn kết và lãnh đạo cuộc cách mạng đi đến thắng lợi, điều kiện tiên quyết là phải có một đảng cách mạng với tính cách là bộ tham mưu của cách mạng chịu trách nhiệm vận động và tổ chức dân chúng trong nước, giữ mối liên hệ với phong trào cách mạng trên thế giới. Để tập hợp những người cùng chí hướng vào đảng cách mệnh, để đảng cách mệnh thống nhất về

chính trị, tư tưởng cần phải vũ trang bằng một chủ nghĩa mà mọi người vào Đảng đều phải nắm vững và tuân theo một cách tự giác chủ nghĩa đó. Chủ nghĩa đó là gì? Trên thế giới có biết bao chủ nghĩa, phải chọn chủ nghĩa nào để vũ trang cho đảng cách mệnh đó. Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ cho những người cách mạng Việt Nam cần phải được vũ trang bằng học thuyết - chủ nghĩa nào trong cuộc đấu tranh cách mạng: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"¹¹⁸. Hoặc "Muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất., Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"¹¹⁹. Đảng cách mạng được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra chính là Đảng Cộng sản, Đảng kiểu mới của Lênin: Báo *Thanh niên*, số 60, ra ngày 8-5-1926 khi nói đến chính đảng đã chỉ ra một cách dứt khoát: "Hỡi đồng bào thân mến, như vậy chỉ còn có một con đường chân chính là phải theo cái đảng duy nhất kiên quyết trong hành động, đó là *Đảng Cộng sản*". Đảng cách mạng - Đảng Cộng sản phải bao gồm những phần tử có đầy đủ những tiêu chuẩn phẩm chất đạo đức và trình độ nhất định đáp ứng được đòi hỏi của cách mạng. Theo Nguyễn Ái Quốc, những chuẩn mực đó là: *Đối với bản thân phải*: cần kiệm, hoà mà không tư, cả quyết sửa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát, hay hỏi, nhẫn nại, hay nghiên cứu xem xét, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói thì phải làm, giữ chủ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng ham muốn về vật chất, bí mật. *Đối với người phải*: Với từng người thì khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, có lòng bày vẽ cho mọi người trực mà không táo bạo, hay xem xét người. *Đối với công việc phải*: xem xét hoàn cảnh kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm phục tùng đoàn thể. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy chất keo gắn chặt những thành viên trong một tổ chức không chỉ ở sự đồng tâm, hiệp lực mà chủ yếu là ở chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa đó bồi dưỡng cho các thành viên lý tưởng cao cả. Vì thế mà chủ nghĩa Mác - Lênin là thứ đảm bảo cho Đảng thống

nhất về chính trị - tư tưởng, tổ chức và thống nhất trong hành động. Nguyễn Ái Quốc đã nhìn thấy chỗ yếu của các tổ chức cách mạng trước đó và đồng thời chính là ở chỗ các tổ chức đó không được vũ trang bằng một thứ chủ nghĩa chắc chắn và thiếu cả một tổ chức chặt chẽ, một kỷ luật nghiêm minh.

Báo *Thanh niên*, số 6, ra ngày 26-7-1925 viết: “Các tổ chức (ngoài *Thanh niên*) không được chặt chẽ. Chẳng hạn, *Việt Nam Quang phục hội* chỉ mạnh lúc đầu nhưng thiếu tổ chức và các hội viên không gắn chặt với nhau. Dẫu Hội có đông hội viên nhưng chưa phải đã tốt. Điều lệ của Hội thiếu chặt chẽ, mỗi hội viên hoạt động theo cách mà người ấy cho là tốt”. Chỉ có một Đảng cách mạng với những đảng viên được lựa chọn kỹ càng và được vũ trang bằng học thuyết khoa học Mác - Lênin và được tổ chức chặt chẽ thì sự nghiệp cách mạng khó khăn và gian khổ nhất định sẽ thắng lợi.

Thời kỳ Quảng Châu - vùng Đông Bắc Xiêm là thời kỳ cuối cùng trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, vì thế mà những tư tưởng cơ bản của Người là những tư tưởng đặt nền móng cho sự hình thành đường lối chiến lược và sách lược của Đảng mácxít tương lai. Một phần những tư tưởng đó đã được thể hiện trong các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo hoặc trực tiếp thảo ra và được thông qua tại *Hội nghị hợp nhất* tại Hương Cảng và trong *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương vào tháng 10-1930.

4. Vùng Đông Bắc Xiêm - sự tiếp nối thời kỳ Quảng Châu bị ngắt quãng

Tại Quảng Châu, các hoạt động đang trên đà tiến triển tốt thì tháng 4-1927 Tưởng Giới Thạch phản bội, bất ngờ tấn công Đảng Cộng sản Trung Quốc, thủ tiêu những thành quả đã giành được trong cao trào cách mạng tháng năm 1925-1927. Trong cuộc phản kích đó, bọn phản cách mạng không chỉ khủng bố Đảng Cộng sản Trung Quốc mà còn khủng bố cả những nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây.

Các cơ sở hoạt động và huấn luyện của những người yêu nước Việt Nam bị giải tán. Rõ ràng, sự biến tháng 4-1927 đã làm cho những nhà cách mạng Việt Nam không còn những điều kiện thuận lợi để tiếp tục hoạt động như trước nữa. Phải có một mảnh đất mới, một cơ sở mới để tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên. Từ khá sớm Nguyễn Ái Quốc đã nghĩ đến mảnh đất Xiêm. Nhưng tại sao lại là Xiêm chứ không phải là một nơi nào khác? Chúng ta đều biết, Việt kiều sinh sống trên đất Xiêm rất đông, có trên ba vạn người. Họ sống quần tụ thành làng xóm ở vùng Đông Bắc Xiêm. Hơn thế nữa, họ có tinh thần yêu nước, đặc biệt chịu ảnh hưởng của tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc lập ra. Từ năm 1925 chính Người đã cử Hồ Tùng Mậu sang gây cơ sở tại đây. Hồ Tùng Mậu đã cùng với Đặng Thúc Hứa tổ chức *Chi bộ Thanh niên* đầu tiên ở Phì Chịt, lúc đó gọi là "Đệ nhất chi bộ", và xây dựng những trạm giao liên đóng vai trò như những trạm trung chuyển giữa Quảng Châu và trong nước. Từ chi bộ đầu tiên đó, Việt kiều yêu nước tiếp tục tổ chức nhiều chi bộ ở Na Khon, U Đon, Sa Khôn và nhiều bộ phận ở các nơi như Bản Mạ, Noóng Bùa, Mực Đa Han, v.v.. Khác với các tổ chức *Thanh niên* trong nước, *Chi bộ Thanh niên* trong Việt kiều ở Xiêm trực thuộc thẳng Tổng bộ đóng ở Quảng Châu không qua các cấp trung gian khác. Báo *Thanh niên*, số 71, ra ngày 28-11-1925 có bài *Người Việt Nam Xiêm* nêu rõ nguyên nhân rời bỏ quê hương, biểu dương những điều tốt đẹp, phê phán những thói hư tật xấu và kêu gọi yêu thương đùm bọc nhau: "Từ khi Tây cướp nước An Nam, dân An Nam lưu ly thất sở tan cửa nát nhà, phải bỏ quê cha đất tổ, dạt ra đất khách quê người... Người An Nam ở Xiêm có đến hơn 3 vạn người. Có chỗ tự lập ra thành làng, thành chợ, có chỗ thì ở lẫn với người Xiêm. Những người ở cụm lại với nhau thì nhân tình phong tục vẫn còn giữ thói cũ, cúng tế lễ, cúng tang ma, đường ăn nói thì không thay đổi chút nào cả... Trong 3 vạn có người tin Phật, kẻ tin thần, có người tin Thiên Chúa giáo, cứ kể ra thì đều bị ngược đãi, áp bức mà chạy cả... Tình cảnh người mình như vậy đều là lưu lạc quê người, cứ kể bình thường thì người An

Nam ở Xiêm trông thấy nhau nên thương nhau, giúp đỡ nhau là phải". Từ khi có tổ chức cách mạng theo khuynh hướng mới, phong trào cách mạng trong Việt kiều ở Xiêm có sự chuyển biến rõ rệt. Đến tháng 6-1927, nhân kỷ niệm liệt sĩ Phạm Hồng Thái hy sinh vì nước, phong trào càng được phát động mạnh mẽ hơn, sôi nổi hơn:

"...Anh em chúng tôi.

Xét nỗi tha phương, đau lòng nước Tổ.

Với tinh thần phấn đấu, chúng tôi nguyện hết sức noi theo.

Với dũng khí diệt thù, chúng tôi quyết một lòng cùng cố.

Rừng cách mạng xin góp cây.

Bão cách mạng xin góp gió.

Độc đến chữ đồng thanh, đồng chí dạ đình ninh kẻ khuất với người còn.

Độc đến câu đồng bệnh với đồng thuyền, lễ kỷ niệm hiểu tấm lòng ngưỡng mộ.

Thiên liêng hồn liệt sĩ thâu cho Cao rộng có trời xanh chúng tỏ"¹²⁰.

Với những điều đã trình bày ở trên, rõ ràng mảnh đất Xiêm được Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị như là một cơ sở thứ hai sau Quảng Châu. Ngoài ra còn một lý do không kém phần quan trọng đó là phòng Nam Á của Quốc tế Cộng sản vừa mới thành lập do một người cộng sản Pháp lãnh đạo: Hilaire Noulens (Ruce), đặt trụ sở tại Băng Cốc và đang đợi Nguyễn Ái Quốc. Chính Quốc tế Cộng sản cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Nguyễn Ái Quốc bằng việc hợp thức hoá vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Quốc tế Cộng sản, thích hợp với những công việc đang cần được tiếp tục xúc tiến của Người. Như vậy, ngoài *Quảng Châu*, cơ sở thứ hai có đầy đủ mọi điều kiện cho Nguyễn Ái Quốc tiếp tục tiến hành những công việc dang dở là vùng *Đông Bắc Xiêm*.

M.M.Bôrôđin biết trước cuộc đảo chính của Tưởng nên đã kịp báo cho những người cộng sự của mình, trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Nhưng Người không theo đoàn Bôrôđin vì còn phải thu xếp công việc của bản thân và của tổ chức cách mạng. Mãi đến đầu tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc mới rời Trung Quốc trên một chiếc thuyền buồm đi Vladivôxtôc, rồi từ đó ngồi tàu hoả xuyên Xibia về Mátxcova. Nguyễn Ái Quốc ở lại đây công tác một thời gian, sau đó qua Béclin chuẩn bị các phương tiện, mãi đến mùa thu năm 1928 mới đến Xiêm hoạt động với bí danh *Chín Thầu*. Ở Xiêm, Nguyễn Ái Quốc thường đi lại hoạt động ở những địa phương như bản Đông Thầm thuộc phủ Phì Chịt, bản Mạy, Vặtxinamăng thuộc phủ Xáckhonne, bản Noóng Bùa thuộc tỉnh U Đon, bản Noọng Khai.

Thời gian Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở vùng Đông Bắc Xiêm là sự tiếp nối thời kỳ Quảng Châu bị ngắt quãng, vì vậy những phương tiện mà Người sử dụng để truyền bá tư tưởng cách mạng về nước *căn bản không khác với thời kỳ Quảng Châu*. Theo sự thu xếp của Nguyễn Ái Quốc, cơ quan huấn luyện của *Thanh niên* do Đặng Thái Huyền phụ trách đã được chuyển về đây từ trước. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục mở các lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo những chiến sĩ tuyên truyền và tổ chức. Nguyễn Ái Quốc đổi tên tờ báo *Đông thanh* vừa ra được 2 số thành tờ *Thân ái*. *Thân ái*, số 1 ra ngày 1-10-1928 đăng bài thơ của Lê Mạnh Trinh, một trong những học trò của Người ở Quảng Châu đang hoạt động ở đây, cổ động cho tờ báo của mình:

"Cuộc thế giới bất bình lắm rồi,

Vận nước thà chìm nổi đôi phen.

Người sang sao ta chịu hèn?

Người chen ta phải đua chen với đời.

Bước tiến thủ lấy ai chỉ bảo.

Cờ tiền phong có báo đưa đường.
Tiếng còi cách mệnh kêu vang,
Gọi người trong lúc canh trường chiêm bao
Hỡi gần xa, kiêu bào ba vạn!
Cánh bèo trôi chiếc nhận lạc đàn.
Sao cho cốt nhục vẹn toàn.
Trong ngoài muôn dặm, báo trưng một tờ.
Hỡi đồng bào tỉnh chưa, chưa tỉnh?
Tìm non sông ta tính sao đây?
Đoàn là bạn, báo là thầy,
Yêu nhau hơn thiệt, ta bày giải nhau.
Hỡi ai đó mau mau tỉnh dậy!
Nhớ lấy câu "máu chảy ruột mềm",
Lòng mình tự hỏi mình xem.
Canh khuya tờ báo, ngọn đèn với ta"¹²¹.

Ngoài mở lớp huấn luyện và ra báo, Nguyễn Ái Quốc viết một số tác phẩm như kịch *Đề Thám*, bài ca *Trần Hưng Đạo* và đặc biệt dịch một số tác phẩm của các nhà kinh điển như *Nhân loại tiến hoá sử*, *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Balê công xã*, v.v.. Rất nhiều chiến sĩ cách mạng hoạt động với Nguyễn Ái Quốc ở Xiêm thời đó đều nhắc tới những cuốn sách của Người đã dịch nhưng đáng tiếc là đến nay vẫn chưa thấy những tác phẩm đó¹²². Nếu đúng như vậy thì thời gian hoạt động ở Đông Bắc Xiêm mặc dù rất ngắn (trên một năm) nhưng thực sự có ý nghĩa to lớn trong quá trình truyền bá tư tưởng cách mạng vô

sản về nước của Nguyễn Ái Quốc. Nếu như từ năm 1921, mở đầu bằng bài *Đông Dương* trên *La Revue Communiste* đặt nền tảng cho việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương thì đến năm 1927 Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin thực chất là truyền bá những tư tưởng cách mạng của Người trên lập trường mácxít, và năm 1928 Nguyễn Ái Quốc đã *bắt đầu có ý thức dịch và phổ biến các tác phẩm của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học và các tác giả nổi tiếng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*. Một trong những tác phẩm có ảnh hưởng to lớn nhất đối với những người yêu nước Việt Nam cuối những năm 20 - đầu những năm 30 của thế kỷ XX là cuốn *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C* của N.Bukharin và Ph.Phêôbragienski mà trước đây những nhà cách mạng Việt Nam thường gọi là *Chủ nghĩa cộng sản toát yếu*. Nhiều nhà cách mạng đã khẳng định là nhờ cuốn sách đó mà họ đến với chủ nghĩa cộng sản. Nói một cách khái quát, cuốn *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C* mở ra một nẻo đường cho những người yêu nước Việt Nam đến thẳng với cách mạng vô sản. Chúng tôi xin dẫn ra đây một ví dụ: Năm 1931 trong cuộc phỏng vấn của Ủy ban điều tra những sự kiện ở Bắc Trung Kỳ của Chính phủ Pháp, Thái Văn Giai¹²³ - Ủy viên Ban Chấp hành Xứ ủy Trung Kỳ bị bắt, trước ủy ban điều tra, anh đã tóm tắt cảm tưởng sâu sắc của một người yêu nước đối với tác phẩm trên:

"*Hỏi: Tại sao ông trở thành một người cộng sản? Ai đã đưa lại cho ông những tư tưởng (cách mạng) đó?*

Trả lời: Không ai cả! Tất cả nhân dân Việt Nam là những người theo chủ nghĩa dân tộc và mơ ước được độc lập. Vả lại, trên trái đất này, không một người bình thường nào lại không phải là người theo chủ nghĩa dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước là thiên bẩm.

Hỏi: Ai đã dẫn dắt ông trở thành môn đệ của chủ nghĩa cộng sản?

Trả lời: Đọc *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C...* Cuốn sách đó đề cập tới chủ nghĩa tư bản và sự bất bình đẳng của các giai cấp. Đối lập với những mâu thuẫn của xã hội đương thời nó chỉ ra sự hài hoà của xã hội cộng sản, một xã hội có thể thực hiện được sự bình đẳng trong các giai cấp và chấm dứt tình trạng người bóc lột người.

Hỏi: Ông có nghĩ tới điều mà ông đã đọc được trong cuốn sách đó không?

Trả lời: Có, và hiện thực bày ra rất rõ trước mắt tôi. Trong nhà máy chủ xưởng bóc lột công nhân và thôn quê địa chủ bóc lột tá điền. Tất cả những điều đó có nói tới trong A.B.C (những người công nhân) làm việc rất nhiều vì thân phận nô lệ hèn mọn. Ở hãng Timber một đứa trẻ 12 tuổi làm quần quật từ sáng tinh mơ đến tối mịt để nhận được 8 xu đến 12 xu. Tôi buộc phải kể cho các ngài vô vàn những cảnh khùng khiếp mà người tá điền bị bóc lột. Đọc *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C* đã làm cho tôi hiểu được rằng người Việt Nam không bao giờ có thể giành được độc lập của mình nếu như họ không chống lại chính họ và rằng họ phải được ủng hộ, rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới có thể thích hợp với họ"¹²⁴.

Việc dẫn một sự thật trên không phải để khẳng định là chính Thái Văn Giai đã đọc *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C* mà Nguyễn Ái Quốc đã dịch. Cũng có thể như vậy. Điều mà không tôi muốn nhấn mạnh ở đây *chính là sự lựa chọn những cuốn sách viết về chủ nghĩa cộng sản thích hợp để dịch và phổ biến*. Qua dẫn chứng trên chúng ta thấy sự trùng hợp lý thú giữa sự chọn lựa sách của Nguyễn Ái Quốc và tác dụng to lớn của những cuốn sách đó trên thực tế.

Đặc biệt trong thời gian hoạt động ở vùng Đông Bắc Xiêm, với điều kiện ở đây cho phép, chủ yếu là Việt kiều quần tụ thành từng làng xóm riêng, Nguyễn Ái Quốc đã áp dụng trên thực tế những điểm mà Người đã từng chứng kiến ở Liên Xô và đã trình bày trong cuốn *Đường cách mệnh - lập những hợp tác xã và mở những lớp học cho con em Việt kiều*. Những việc làm của Nguyễn Ái Quốc dù mang tính chất thể nghiệm vẫn thể hiện đậm nét hoài bão của Người về một xã hội tương lai

khi cách mạng thành công. Chắc chắn những việc làm thiết thực đó có ảnh hưởng tốt đẹp đến tình cảm và lý trí của những người yêu nước Việt Nam đang sống ở Xiêm và đội mạnh về trong nước.

1. *La Revue Communiste*, tạp chí xuất bản hằng tháng, số đầu tiên vào tháng 3-1920 do Sácơ Rappôpo chủ trương. S.Rappôpo (1865-1941) tham gia Ban lãnh đạo Đảng do Đại hội Tua bầu ra, nhưng không kiên định, năm 1938 ra khỏi Đảng Cộng sản và chuyển sang Đảng Xã hội.

2, 3. Tạp chí *La Revue Communiste*, số 14, 4-1921, tr.205.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.28.

5. Tạp chí *La Revue Communiste*, Tlđđ, tr. 205.

6. Trong *Lời tựa cho Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng tiếng Nga xuất bản 1882, hai ông đã viết: "Ở Nga... quá nửa số ruộng đất là sở hữu công cộng của nông dân. Bây giờ thử hỏi công xã nông thôn Nga cái hình thức đã bị phân giải ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy có thể chuyển thẳng sang hình thức cao, cộng sản chủ nghĩa về sở hữu ruộng đất không? Hay là trước hết nó cũng phải trải qua trong tiến trình phát triển lịch sử của phương Tây.

Ngày nay, lời giải đáp duy nhất cho câu hỏi ấy là thế này. Nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản ở phương tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì *chế độ ruộng đất công cộng ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa*".

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.23.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.440.441.

9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr.493-494.

10. Từ số 21 thay tiêu đề: *Diễn đàn của vô sản thuộc địa* (Tribune du Proletariat Colonial), đến số 36 đổi thành: *Cơ quan của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa* (Organe des Peuples Opprimés des Colonies) và cuối cùng số 37-38 là *Cơ quan của Hội Liên hiệp thuộc địa* (Organe de L'Union Internationale).

11. Tùy vào mục đích tuyên truyền theo từng thời gian và khả năng tài chính cho phép số lượng in báo *Le Paria* không cố định, dao động từ 1.000- 5.000 bản, cá biệt có những số in trên 5.000 bản. Chẳng hạn, số 1 in 1.000 bản. Từ số 2 in 2.000 bản. Có lẽ số lượng in kỷ lục là số 12 vì ta được biết trong một bản báo cáo của mật thám đề ngày 23-3-1923 có nói rằng vì nhiều lý do “Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa họp đầu tuần này quyết định giảm số lượng in *Le Paria* số tới (số 13) xuống 4.000 bản và không nhận đăng mọi quảng cáo” (Nguyễn Ái Quốc: *Những bài đăng trên báo Le Paria*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.336-337).

12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd. t.1, tr.462-463.

13. Số 3 đến nay chưa tìm thấy, nên không biết chắc chắn tất cả bài viết của Nguyễn Ái Quốc.

14. *Bác Hồ ở Pháp* (Hồi Ký), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.51-52

15. Mãi gần ba năm sau Nguyễn Thế Truyền mới xuất bản *Việt Nam hôn* (số 1 ra vào tháng 1-1926). Nhưng để cho tờ báo có sức hấp dẫn, những người ra báo đã lợi dụng tên tuổi Nguyễn Ái Quốc với danh nghĩa “sáng lập viên” ở trên trang đầu tờ báo.

16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.22-23.

17. Chẳng hạn như các cuốn: *Grandeur et servitude coloniales*, Paris Ed du Sagitaire, 1931; *La Mise en valeur des colonies Francaises*, Payet Paris, 1923; *La doctrine coloniale de la France*, Conf à Brixelles, Supplément.

18,19,20. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.138, 64,172.

21. A.Xa rô - Toàn quyền Đông Dương 1911-1914 (lần thứ nhất), 1916-1919 (lần thứ hai), Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp 1920-1924; M.Lông - Toàn quyền Đông Dương 12-1919 – 4-1923; P.Bôđoanh (con rể Xarô) - quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 4 đến tháng 9 -1923; M.Mélanh - Toàn quyền Đông Dương 1923-1925.

22. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.91.*

23. Nguyễn Ái Quốc: *Những bài đăng trên Báo Le Paria, Sđd, tr.67.*

24. vở kịch *Con rồng tre* công diễn lần đầu tại Câu lạc bộ Phôbua chiều chủ nhật ngày 11-6-1922, bài *Ở Viễn Đông - Đức vua con* của Nguyễn Ái Quốc đăng trên *L'humanité* số ra ngày 20-6-1922 thì ngày 21-6-1922 Khải Định đến Pari.

25. Đến nay ta chưa tìm được kịch bản của *Con rồng tre* của Nguyễn Ái Quốc, chỉ biết được đại ý của nó qua cuốn sách của Trần Dân Tiên và hồi ức của Lê Pônđet - Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phôbua. Lê Pônđet kể: "Tôi đã đọc tập bản thảo, thật là hay, thật là đẹp, lời vừa chải chuốt, vừa gọn gàng với những cái châm biếm dí dỏm của Arixtophan, kịch bản này có đủ ưu điểm để mang lên sân khấu. *Con rồng tre*, đầu đề kịch bản, chỉ một tên vua bù nhìn đốn hèn, bất lực và ngu dốt mà tác giả không hà tiện lời chế giễu một cách chua cay, hóm hình suốt trong ba hồi" (Bài *Quanh sự tích Chủ tịch Hồ Chí Minh* của Lê Pônđet, báo *Pari*, số 53, ra ngày 11-6-1946).

26,27. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.101, 80.*

28. Nguyễn Ái Quốc: *Những bài đăng trên báo Le Paria, Sđd, tr.66.*

29. Nguyễn Ái Quốc: *Những bài đăng trên báo Le Paria, Sđd, tr.137.*

30. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.110.*

31. Thu Trang: *Những hoạt động của Phan Châu Trinh ở Pháp 1911-1925*, Đông Nam Á, Pari, 1983, tr. 142
32. *Bác Hồ ở Pháp, Sđd*, tr.82-83
- 33, 34,35. Báo *Thống nhất*, số 155, ngày 19-6-1965
36. Tên chính xác cuốn sách của Nguyễn Ái Quốc là *Bản án chế độ thực dân Pháp*
37. Báo *Thống nhất*, số 155, ngày 19-5-1965
38. V.I.Lênin: *Bàn về chính sách dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1972, tr. 153
- 39,40. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam
- 41,42. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.277, 213.
43. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.306.
44. Đoạn trích trên lấy từ bài *Tiếng nói của một người Việt Nam* của Trần Xuân Hộ, đăng trên *Le Paria*, số 18-19, tháng 9-1923. Theo chúng tôi, đây có thể là bài viết của Nguyễn Ái Quốc, nhưng lại mượn tên của một người bạn ở Pari. Trần Xuân Hộ chưa từng hoạt động báo chí, và lại nội dung đó không ai ngoài Nguyễn Ái Quốc là người được trang bị những kiến thức tốt nhất lúc đó: Một hiện tượng tương tự như vậy lặp lại trên *Le Paria* số 21 với bài giới thiệu trường Đại học Phương Đông ký tên Alibaba. *Hiện tượng mượn tên người khác* thường gặp trong báo chí. Có lẽ khi nghiên cứu những bài viết của Nguyễn Ái Quốc, xin lưu ý tới hiện tượng này, hiện tượng mà từ trước tới nay chưa được đề ý tới.
45. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.236-237.
46. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.313.
47. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.301-302.

48. Báo *Le Paria*, số 21, tháng 9-1923.
49. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.281.
50. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.298.
51. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.216.
52. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.114.
53. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr.157
54. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.227.
55. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.289
56. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr.157
57. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr.157-158
58. Báo *Thống nhất*, số 155, ngày 19-5.1965.
59. Báo *Impartial*, ngày 6-6-1925
60. D.Z.Manuinxki (1883-1959), là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản.
61. X.A.Đalin: *Hồi ký về Trung Quốc (1921-1927)* (tiếng Nga), Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1975, tr.217.
62. Hồng Hà: *Bác Hồ trên đất nước Lenin*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1980, tr.149.
63. Xem Phan Bội Châu: *Niên biểu*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1959, tr.201
64. Hiệu thuốc của vợ Nguyễn Công Viễn, tức Lâm Đức Thụ, một trong những người sáng lập *Tâm tâm xã*.

65. Hồ Học Lãm đã tốt nghiệp khoá 2 Trường võ bị Bảo Định ở Bắc Kinh, từng làm việc trong Bộ Tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng. Ông là người đã giúp đỡ tích cực những thanh niên yêu nước Việt Nam hoạt động ở Trung Quốc.

66. Phan Bội Châu: *Niên biểu*, *Sđd*, tr.201.

67. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000. t.2, tr.8.

68. Hồng Hà: *Bác Hồ trên đất nước Lenin*, *Sđd*, tr.154.

69. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.141.

70. Lê Quảng Đạt sau khi bị thực dân Pháp bắt đã đầu hàng.

71. Lâm Đức Thụ bí mật làm gián điệp cho thực dân Pháp.

72. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 71, 1965, tr.18.

73. Đoạn trích trên chúng tôi viết lại theo bản gốc nên có một số chữ khác với bản in trong *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, tr.82-83, do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1977.

74. Mục IX- Không thể gia nhập hội:

a) Bọn tay chân của Pháp;

b) Bọn thù địch của nhân dân;

c) Bọn nghiện thuốc phiện;

d) Bọn rượu chè;

e) Bọn cờ bạc.

75. Dẫn theo *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội. 1985, tr.81.

76. Louis Marty: *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine Française*, 1933, t.I, tr.15.

- 77, 78. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.20, 142.
79. *Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1961, tr.208.
80. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.141- 142.
81. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.224.
82. Theo bản dịch của Tầm Vu trong Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 178 năm 1978.
83. Về báo *Thanh niên* hiện nay chúng tôi thiếu rất nhiều chỉ có 10 số (từ số 63 đến số 73, thiếu số 69), trong cuốn sách này chúng tôi sử dụng chủ yếu qua bản dịch ra tiếng Anh của Huỳnh Kim Khánh và bản dịch ra tiếng Việt của Tầm Vu. Về số lượng báo *Thanh niên*, hai tác giả trên cũng có những hiểu biết khác nhau. Tác giả Huỳnh Kim Khánh cho biết tuần báo *Thanh niên* ra được 208 số từ ngày 21-6-1925 đến tháng 5-1930, sau đó báo vẫn tiếp tục ra dưới hình thức đánh máy 4 bản bằng giấy dó, 3 bản cho ba miền Việt Nam, còn một bản làm bản lưu. Tác giả Tầm Vu qua tài liệu lưu trữ của thực dân Pháp cho biết đến ngày 14-3-1930 báo *Thanh niên* ra được tất cả là 202 số.
84. *Vô sản hoá* (Hồi ký), Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1972, tr.42
85. Huỳnh Kim Khánh: *Vietnamese Communism 1925-1945*, Cornell University Press, Ithaca and London, 1982, tr7.
- 86, 87. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.261-262, 262.
88. E.V.Côbêlêp: *Hồ Chí Minh* (tiếng Nga), Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1979, tr.121.
89. *Việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam* (tiếng Nga), Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1983, tr.147.

90. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.8-9.
91. *Nhân dân ta rất anh hùng* (Hồi ký), Nxb.Văn học, Hà Nội, 1969, tr.18.
92. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr. 223.
93. Còn có hai địa điểm khác nữa: 35 Nhân Hưng Cao (Quảng Châu) và Bản Đáy gần biên giới Việt – Trung.
94. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2. tr.9.
95. Bài nói chuyện của Phan Trọng Bình, một học viên trường Quảng Châu, tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam ngày 29-1-1970 (tài liệu ghi chép của tác giả).
96. Bản dịch *Quốc tế ca* có sự xác nhận của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1967 Tài liệu lưu tại bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
97. Lê Mạnh Trinh (1896-1983) thuộc lớp đầu ra đi từ Sài Gòn sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện. Sau khi học xong, đồng chí được Nguyễn Ái Quốc cử về Xiêm hoạt động.
98. *Bác Hồ* (Hồi Ký), *Sđd*, tr.95.
99. Trong số 10 người sang được Quảng Châu có Trần Phú, Phan Trọng Bình, Phan Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Ba, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Công Thu, Nguyễn Danh Thọ.
100. Xem *Đi tìm lý tưởng* (Hồi ký), Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thái Bình xuất bản, 1969, t.III, tr.20-23.
101. Xem *Tình đoàn kết chiến đấu vô sản Việt -Pháp*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, tr 29-31.
102. Đến nay chúng tôi chưa có số liệu chính xác học viên được huấn luyện ở Quảng Châu. Một đồng chí đã học ở Quảng Châu năm 1926 ước tính khoảng 300 người (xem Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960,

tr.12). Còn Mácty, trùm mật thám Pháp ở Đông Dương đã đoán là có 250 cán bộ được huấn luyện ở Quảng Châu, trong số đó có 200 cán bộ đã được tung về nước hoạt động cách mạng, số còn lại được gửi đi đào tạo ở trường Đại học Phương Đông (xem V.V.Visnôkôva - Akimôva: *Hai năm ở nước Trung Hoa vùng dậy (1925-1927)* (tiếng Nga), Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1980, tr.19).

103. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* t.2, tr.19.

104. Lê Hồng Phong, bí danh Lítvinốp, đầu tiên học tại Trường không quân Lêningrát, năm 1928 mới chuyển sang học tại trường Đại học Phương Đông.

105. Theo thứ tự từ trên xuống là các đồng chí: Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trùng, Bùi Lâm (tức Nguyễn Văn Xích, Nguyễn Văn Dị) và Trần Phú. Ngô Đức Trì khi về nước tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bị Pháp bắt năm 1930, đã khai báo và đầu hàng địch.

106. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* t.2, tr.240.

107. *Tình đoàn kết chiến đấu vô sản Việt – Pháp, Sđd.* tr.83.

108. A.I.Trêrêpanốp: Ghi chép của một cố vấn quân sự ở Trung Quốc (tiếng Nga), Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1976, tr.123.

109. Cuốn *Cách mạng* của Nguyễn Thượng Hiền đề ngày 19 tháng Chạp năm Giáp Tý (3-1-1925). Lời phê của Nguyên Ái Quốc ký tên L.T., tức Lý Thụy đề ngày 9-5-1925, SLOTFOM, vol 5 Carton 45.

110. Báo *Thanh niên*, số 2, ngày 28-6-1925, không có bản gốc chúng tôi dịch lại bản tiếng Anh của Huỳnh Kim Khánh.

111. Báo *Thanh niên*, số 2, ngày 28-6-1925

112, 113. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* t.2, tr.264, 280.

114. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd.* t.2, tr.265.

115. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t.2, tr.266.
116. C.Mác và Phăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.95
- 117, 118. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t.2, tr.267-268, 268.
119. Hồ Chí Minh. *Toàn tập, Sđđ*, t.2, tr.280.
120. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 176, 1977, tr.23.
121. *Tổng tập văn học*, Nxb. Khoa học xã hội và Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, t.35, tr.138.
122. Trong phần danh mục một số tác phẩm viết và dịch của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian từ tháng 1-1925 đến tháng 2-1930 đến nay chưa tìm thấy những tác phẩm viết và dịch thời kỳ ở Xiêm như kịch *Đề Thám*, bài ca *Trần Hưng Đạo*, *Nhân loại tiến hoá sử*, *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C...*
123. Bị thực dân Pháp bắt, trước những trận đòn tra tấn của chúng, Thái Văn Giai đã đầu hàng khai báo.
124. Huỳnh Kim Khánh: *Vietnamese Communism 1925-1945, Sđđ*, tr.102.

Chương III

BƯỚC ĐẦU XÁC LẬP TƯ TƯỞNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM

I. NHỮNG TIỀN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG CỦA SỰ TIẾP NHẬN CHỦ NGHĨA MAC-LÊNIN

Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp tiến hành và đẩy mạnh sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho nền kinh tế Việt Nam có những biến chuyển mạnh mẽ và đồng thời kéo theo những biến đổi xã hội hết sức sâu sắc. Một cơ cấu giai cấp mới, khác với trước đã được hình thành. Ngoài các giai cấp cũ là địa chủ - phong kiến và nông dân, các giai cấp mới là công nhân, tiểu tư sản và tư sản đang trong quá trình tập hợp và ra đời. Sự phân hoá xã hội thành các giai cấp có lợi ích khác nhau và những quan hệ khác nhau với nền thống trị của đế quốc Pháp là một nét nổi bật của xã hội Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Cũng như công nhân ở các nước thuộc địa, giai cấp công nhân Việt Nam gắn liền với sự thâm nhập và mở rộng kinh doanh của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Trước chiến tranh, trong đợt khai thác lần thứ nhất đã có năm vạn công nhân chuyên nghiệp làm trong các cơ sở sản xuất chính. Trong chiến tranh số lượng công nhân đã lên trên 10 vạn người. Với quy mô đầu tư trong khai thác lần thứ hai, giai cấp công nhân đã phát triển vượt bậc về số lượng, lên tới 22 vạn người. Ngoài ra còn hàng vạn công nhân không chuyên nghiệp làm theo hợp đồng, theo thời vụ. Trong số hơn 22 vạn công nhân ấy đại bộ phận tập trung ở hai vùng sản xuất công, nông, thương nghiệp lớn nhất đất nước: miền Bắc và miền Nam. Miền Bắc là nơi có nhiều khoáng sản nên chủ yếu tập trung số công nhân mỏ, ở miền Nam tập trung số

công nhân nông nghiệp. Số công nhân đó lại được tập trung thành từng cụm lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Nam Định, Sài Gòn - Chợ Lớn và vùng đất đỏ Nam Bộ. Người công nhân phải làm việc từ 12 đến 16 giờ trong một ngày. Tại các cơ sở tập trung công nhân lớn như Nhà máy sợi Nam Định ngày công được quy định trong năm 1924 là 16 giờ, từ năm 1925 đến năm 1927 là 14 giờ. Tiền lương của công nhân rất thấp. Chẳng hạn như ở Nhà máy dệt Nam Định lương hàng ngày của công nhân là 0,25 đến 0,26 đồng, hoặc như ở mỏ than Hòn Gai vào những năm 1925-1930 lương đàn ông một ngày từ 0,3 - 0,4 đồng, đàn bà 0,20 - 0,25 đồng, trẻ em 0,13 - 0,18 đồng¹. Ngoài điều kiện lao động cực khổ là đồng lương chét đói, công nhân còn bị ngược đãi chẳng khác gì nông nô bởi lẽ họ bị coi như "công cụ biết nói". Tất cả những điều đó dẫn công nhân tới cuộc sống cùng quẫn, đôi khi tới cái chết, đặc biệt là công nhân nông nghiệp. Năm 1927, tại các đồn điền Nam Bộ, tỷ lệ công nhân chết đến 54%, tức là gấp đôi tỷ lệ chết trung bình cùng thời kỳ ở Nam Bộ. Trong vòng 10 năm 1919-1929, số công nhân đồn điền chết lên tới 4.081 người.

Quá trình hình thành giai cấp cũng là quá trình đấu tranh liên tục của công nhân Việt Nam. Ý thức dân tộc và phương thức bóc lột tàn bạo của bọn thực dân Pháp đã sớm làm nảy sinh ở giai cấp công nhân ta ý thức giai cấp. Cùng với sự tăng nhanh về số lượng trong cuộc khai thác lần thứ hai, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam càng phát triển mạnh. Công nhân ngày càng sử dụng nhiều hình thức đấu tranh đặc thù của mình là *bãi công*, mặc dù ở thuộc địa, hình thức đấu tranh đó bị chúng ghép vào tội "phá rối trị an" và bị xử "hai năm tù và 5 năm biệt xứ". Theo thống kê của thực dân Pháp, từ năm 1920 đến năm 1925 có 25 cuộc bãi công. Đó là chưa kể tới những cuộc lãn công, một hình thức đấu tranh phổ biến của giai cấp công nhân mà thực dân Pháp rất sợ, đưa yêu sách lên chủ, hò

reo biểu tình tập thể và những hình thức đấu tranh khác như bỏ trốn, phá giao kèo. Trong một công trình khảo cứu, A.Dumarest đã thống kê:

<i>Năm</i>	<i>Bỏ trốn hay phá giao kèo</i>	<i>Mãn hạn trở về làng</i>
1919-1922	2.219	1.462
1923	730	442
1924	847	518
1925	1081	336
Cộng	4.877	2.758

Nguồn: André Dumarest: La formation des classes sociales en pays Annamite, Imprimerie Fervol Lyon, 1935.

Qua thống kê trên, chúng ta thấy chỉ trong vòng bảy năm (1919-1925) số công nhân đồn điền đấu tranh chống bọn chủ bằng hình thức bỏ trốn nhiều hơn gần hai lần số công nhân mãn hạn về làng (4.877 người so với 2.758 người). Song nhìn chung phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kỳ này còn lẻ tẻ, tự phát và mang nặng tính chất kinh tế. Nhưng từ năm 1922 phong trào đấu tranh đã bắt đầu xuất hiện những nét mới. Nét mới đó biểu hiện rõ trong cuộc đấu tranh của 600 công nhân thợ nhuộm Sài Gòn - Chợ Lớn và Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá: "Lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại"². "Dấu hiệu đó của thời đại" như Nguyễn Ái Quốc nhận định, có thể là "cuộc đấu tranh của công nhân hàng chục lò nhuộm khác nhau, điều này nói lên có sự tổ chức, đoàn kết bằng hình thức nào đó của công nhân trong một nghề, một thành phố"³. Nét mới đó ngày càng lộ rõ hơn qua cuộc đấu tranh của 250 công nhân phân xưởng bông sợi Nhà máy dệt Nam Định, ngày 14-9-1924. Trong

một bản báo cáo của Đờ Mayna (De Maynard) gửi cấp trên của y đã cho biết: "Không còn nghi ngờ gì nữa, bọn cai và thợ chuyên môn qua trao đổi thư từ với những người bên Pháp (trường hợp cai Nguyễn Trọng Nghi) với những người bên Trung Quốc (trường hợp cai người Quảng Châu làm ở Xưởng dệt) hoặc qua đọc sách, truyền đơn và các báo chí mà họ nhận được, bằng những cách đó, chúng đã biết rằng bãi công là một thứ vũ khí mạnh mẽ trong tay những người làm thuê"⁴. Nguyễn Trọng Nghi là ai? Đó là một trong 4.338 lính thợ từ chiến trường châu Âu trở lại quê hương. Điều chắc chắn là những ngày làm việc tại các nhà máy bên Pháp, Nguyễn Trọng Nghi đã học tập ở giai cấp công nhân Pháp kinh nghiệm tổ chức các cuộc bãi công và đã sử dụng nó trong cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy dệt Nam Định như ta thấy ở trên. Năm 1925, một hiện tượng tương tự đã xuất hiện trong phong trào công nhân Sài Gòn. Đó chính là trường hợp Tôn Đức Thắng với cuộc bãi công ở Ba Son, cuộc đấu tranh vạch mốc trong phong trào công nhân Việt Nam. Năm 1920, Tôn Đức Thắng bị trục xuất về nước vì đã tham gia vụ binh biến Hắc Hải. Về Sài Gòn, Tôn Đức Thắng vào làm công nhân cho hãng KROFF và Công ty CIE. Chịu ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và học tập kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, năm 1920, Tôn Đức Thắng vận động thành lập *Công hội bí mật* đầu tiên tại thành phố. *Công hội* không có điều lệ bằng văn bản, mục đích chính của Hội là tương trợ nhau trong khó khăn, cùng nhau đấu tranh chống tư bản để bênh vực quyền lợi của công nhân. Từ năm 1920 đến năm 1925, số hội viên đã "phát triển lên tới 300 người, Ban Chấp hành *Công hội* gồm có: Tôn Đức Thắng, thợ máy hãng KROFF - Hội trưởng; Nguyễn Văn Cầu, thợ nguội hãng FACI - Phó hội trưởng; Mạnh, thợ vẽ nhà đèn - Thư ký; Đặng Văn Sâm, thợ tiện nhà đèn - Thủ quỹ; và một kiểm soát viên"⁵. Ngày 4-8-1925, *Công hội* đã lãnh đạo 1.000 công nhân Ba Son đấu tranh giam chân chiến hạm Misolê (Michelet) mà thực dân Pháp cho tu sửa gấp để đưa sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Dưới sự lãnh đạo của *Công hội*, công nhân và viên chức các

phân xưởng và các sở trong thành phố đã ủng hộ cuộc bãi công của công nhân Ba Son kéo dài 8 ngày, cuối cùng giành được thắng lợi. Ngày 12-8, công nhân Ba Son đi làm, nhưng sử dụng hình thức lãn công, kéo dài việc sửa chữa tàu Misolê mãi đến ngày 28-11-1925 mới xong. Báo chí của bọn thực dân Pháp ở Sài Gòn kêu la hốt hoảng vì tính chất chính trị rõ nét của cuộc bãi công này. Báo *Impartial* (Vô tư) hai ngày sau khi nổ ra cuộc bãi công đã viết: “Chúng ta biết rằng chiến hạm Misolê phải sang Trung Quốc để giúp vào việc củng cố các tô giới...Hiện giờ cuộc bãi công ở Ba Son vẫn tiếp tục. Nó tiếp tục trong lúc chiến hạm của chúng ta cần phải được sửa chữa gấp rút để sang Trung Quốc”. Cuộc bãi công xảy ra trong khi bạn đồng nghiệp bên Pháp, tờ *Le Quotidien* (Nhật báo) loan tin rằng Chủ tịch Quốc tế Cộng sản mới tuyên bố: "Ngày nay Trung Quốc nổi dậy, ngày mai sẽ đến lượt Đông Dương, Ấn Độ nổi dậy"⁶. Mấy năm sau, tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, đại biểu Đông Dương đã biểu dương cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn như sau: "Công nhân Ba Son không chịu sửa chữa tàu Misolê mà để quốc Pháp dùng để đi tàn sát nhân dân Trung Quốc"⁷. Rõ ràng, cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8-1925 là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức, có lãnh đạo của một tổ chức của công nhân - *Công hội*. Cuộc đấu tranh đó *cắm một cái mốc rất quan trọng trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam - mở đầu giai đoạn đấu tranh tự giác*.

Công hội Sài Gòn với mục đích có hạn của mình cũng chỉ đóng khung trong việc thu hút công nhân thành phố vào cuộc đấu tranh cho những quyền lợi thiết thân và cũng qua đó mà góp tiếng nói vào phong trào dân tộc. Người sáng lập và đồng thời là Hội trưởng *Công hội* bí mật Sài Gòn Tôn Đức Thắng đã xác nhận: "Anh em công nhân muốn có một phong trào đấu tranh rộng rãi công khai, lôi kéo đông đảo quần chúng"⁸. Trong nước cho đến năm 1925 chưa có một tổ chức cách mạng nào

khả dĩ đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của công nhân. Và phong trào công nhân cũng đang đi tìm một tổ chức cách mạng thích hợp.

Cùng với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, có phong trào yêu nước đòi tự do dân chủ tại Sài Gòn qua những tờ báo tiếng Pháp tiến bộ. Mở đột phá khẩu cho phong trào này là tờ *La Cloche fêlée* (Chuông rạn) của Nguyễn An Ninh với sự cộng tác của Tiến sĩ luật Phan Văn Trường. Tờ báo ra số đầu tiên vào tháng 12-1923. *La Cloche fêlée* công nhiên tự xưng là "Cơ quan tuyên truyền tư tưởng Pháp" và "Cơ quan chuẩn bị cho tương lai dân tộc" cho nên ngay từ đầu nó chỉ có thể đối lập với chủ nghĩa thực dân và các thế lực núp dưới bóng nó. Sự xuất hiện và tồn tại nhiều năm của tờ *La Cloche fêlée* và tiếp đó là tờ *L'Annam* với những chủ đích tư tưởng đó đã đem lại một luồng gió mới, một bước rẽ mới trong lịch sử chính trị - tư tưởng nước ta nói chung và trong lịch sử báo chí nói riêng. Tiếp theo những tờ báo trên, lần lượt xuất hiện những tờ báo tiến bộ khác như *Jeune Annam* (An Nam trẻ) của Lâm Hiệp Châu và *Le Nhaqué* (Người nhà quê) của Nguyễn Khánh Toàn. Những tờ báo đó hướng đòn đá kích chủ yếu vào chế độ thực dân, phong kiến, vạch mặt chủ nghĩa cải lương phản dân tộc của bọn đại địa chủ tư bản, hướng quần chúng nhân dân, trước hết là lớp thanh niên tây học, vào cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ. Những tờ báo đó trở thành người tuyên truyền cổ vũ, người tổ chức và lãnh đạo phong trào. Từ khởi điểm Sài Gòn, phong trào đòi tự do dân chủ lan nhanh khắp nước trở thành một phong trào có tính chất toàn quốc mà đỉnh điểm của nó là cao trào đòi tự do dân chủ những năm 1925- 1926. Chính trong phong trào yêu nước này đã bắt đầu xuất hiện những tổ chức chính trị sơ khai của thanh niên trí thức. Năm 1926, một nhóm sinh viên Trường cao đẳng Sư phạm Hà Nội gồm 17 người, trong đó có Tôn Quang Phiệt, Phạm Thiều, Đặng Thai Mai, Thân Trọng Khôi... đã lập ra một tổ chức chính trị lấy tên là *Việt Nam nghĩa đoàn*. Mùa hè năm đó nhóm này cùng với một số chính trị phạm vừa được trả lại tự do

như Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên cải tổ *Việt Nam nghĩa đoàn* thành *Phục hưng Việt Nam*, gọi tắt là *Phục Việt*. Ít lâu sau, vào tháng 3-1926, một số thanh niên yêu nước trong đó có Nguyễn Trọng Hy, Trần Huy Liệu, Bùi Công Trùng... đã thành lập *Đảng Thanh niên* ở Nam Kỳ. Dưới tác động tích cực của các tổ chức chính trị này, phong trào yêu nước đòi tự do, dân chủ vùng lên mạnh mẽ liên tục trên khắp cả nước, lôi cuốn hàng vạn người tham gia, điển hình nhất là phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu và phong trào đề tang Phan Chu Trinh.

Thực dân Pháp bắt Phan Bội Châu ở Thượng Hải đưa về giam ở nhà tù Hoả Lò (Hà Nội) để bí mật thủ tiêu Cụ. Dù thực dân Pháp có che giấu đến đâu, tin đó cũng lọt ra ngoài và làm chấn động dư luận trong nước và ngoài nước. Ở Bắc Kỳ, chi hội *Phục Việt* do Tôn Quang Phiệt cầm đầu, đã rải nhiều truyền đơn kêu gọi nhân dân đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu:

"Đồng bào! Không kể là kỹ nghệ, thương mại, nông dân, đi làm công sở hay sở tư, hãy đồng tâm hợp nhau lại làm đơn yêu cầu chính phủ, họ sẽ không thể không thả nhà ái quốc chân chính của ta là Phan Bội Châu.

Anh em! Hay hợp sức nhau lại! Ân xá cho Phan Bội Châu! Đả đảo chế độ thực dân tàn bạo!".

Trước áp lực của phong trào quần chúng, thực dân Pháp buộc phải lùi bước, đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, từ ý định bí mật thủ tiêu Phan Bội Châu, đến buộc phải đưa Cụ ra xử công khai, từ án tử hình chúng hạ xuống khổ sai chung thân, rồi cuối cùng ngày 22-12-1925, Toàn quyền Varen đã ký lệnh trả tự do cho Cụ. Phong trào đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu là cuộc thử thách đầu tiên đối với phong trào yêu nước công khai lúc bấy giờ. Phong trào đó diễn ra liên tục suốt gần nửa năm, lôi cuốn hàng vạn người tham gia. Mở đường và kích thích mạnh mẽ việc truyền bá chủ nghĩa dân tộc, đòi quyền tự do dân chủ về chính trị cho người

Việt Nam. Sự thất bại của thực dân Pháp cũng chính là sự ghi nhận một thắng lợi trong phong trào yêu nước của nhân dân ta.

Âm vang thắng lợi của phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu chưa lắng xuống thì tháng 3-1926 nhà yêu nước Phan Chu Trinh qua đời. Cả nước lại xuống đường biểu dương lòng yêu nước bằng đám tang, bằng những lễ truy điệu, những cuộc bãi khoá, bãi thị, đình công. Tại Sài Gòn, 14 vạn người đưa linh cữu Cụ về nơi an nghỉ cuối cùng. Tại Huế, lễ truy điệu do cụ Phan Bội Châu làm chủ tế, tập trung hàng trăm người dự. Tại Hà Nội ngày 4-4-1926 các dòng người lặng lẽ theo các phố đổ về đền thờ Hai Bà để tưởng niệm Phan Tây Hồ. Ngày hôm sau, một hiện tượng chưa từng có ở Hà Nội làm cho bọn cầm quyền hoảng sợ là tất cả các cửa hiệu trong thành phố đều đóng cửa để tưởng nhớ nhà yêu nước lão thành đã quá cố. Nhiều học sinh, sinh viên, công nhân, viên chức đeo băng tang. Ngày hôm đó quang cảnh Hà Nội thực sự là một ngày quốc tang.

Các phong trào yêu nước đòi tự do dân chủ phát triển, tiến công mạnh mẽ, trực diện vào chế độ thực dân đe dọa lợi ích sống còn của chế độ thuộc địa và nền thống trị của chúng. Lẽ đương nhiên kẻ thù không thể khoanh tay ngồi nhìn cho phong trào tự do phát triển. Chúng bắt đầu phản công, phản công ác liệt từ tháng 3-1926. Nguyễn An Ninh bị bắt và bị kết án hai năm tù giam; học sinh trong các trường bãi khoá trong phong trào để tang Phan Chu Trinh bị đuổi học, tính đến tháng 5-1926 đã có trên 500 học sinh bị đuổi khỏi trường. Kẻ thù đã sử dụng bạo lực đối với quần chúng tay không. Áo tưởng về sự thoả hiệp, về sự tiến hoá hòa bình đến độc lập thế là tan vỡ. Từ cuối năm 1925, trong bài *Nước Pháp ở Đông Dương* đăng trên *La Cloche fêlée*, Nguyễn An Ninh đã dự báo một khả năng là: "Khi một giống nòi bị dồn đến chỗ chỉ còn có thể lựa chọn giữa cái chết và nô lệ thì xông vào cái chết và dũng cảm hơn. Nơi nào mà nó không phải là thiết yếu thì bạo lực mới bị lên án. Có những trường hợp phải công nhận bạo lực bởi vì không còn cách nào

khác... Nếu quần chúng thà chịu chết chứ không chịu bất công, nếu bọn thực dân không chịu từ bỏ chính sách áp bức bóc lột dã man thì nhiệm vụ của những người yêu nước Việt Nam can đảm nhất, trung thành nhất, là phải nghĩ đến những phương pháp đấu tranh thích hợp với ngày nay, tở như tổ chức một cuộc đề kháng có sức đánh bại sự áp bức"⁹. Sự đàn áp của bọn thống trị buộc những người yêu nước Việt Nam phải chọn lấy con đường tranh đấu thích hợp của mình: *con đường cách mạng*. Thực tế lịch sử đó đã gây ra "một sự chuyển biến tư tưởng quan trọng trong thanh niên từ chủ nghĩa yêu nước ôn hoà tiến lên chủ nghĩa yêu nước dân tộc cách mạng. Một số đảng dân tộc cách mạng thành lập, nổi tiếng nhất là *Việt Nam Quốc dân Đảng*. Cũng có một sự chuyển biến của tư tưởng yêu nước ôn hoà vượt bậc sang chủ nghĩa yêu nước khuynh tả đi về hướng công nông *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng*¹⁰".

Rốt cuộc, sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước những năm 1925-1926 đã dọn sẵn mảnh đất tốt cho việc gieo mầm cộng sản". Chính hoàn cảnh lịch sử ấy đã tạo ra tiền đề quan trọng cho sự kết hợp tuyệt đẹp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

II- SỰ KẾT HỢP CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỚI PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Cuối năm 1926, Nguyễn Ái Quốc đã chọn bảy người trong số những học sinh mãn khoá huấn luyện ở Quảng Châu gửi về ba trung tâm trong nước tuyên truyền tư tưởng cách mạng và tổ chức những đoàn xuất dương mới. Nguyễn Công Thu, Nguyễn Danh Thọ về Hà Nội; Trần Phú, Phan Trọng Quảng, Nguyễn Ngọc Ba về Vinh; Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi về Sài Gòn. Sự phân công như vậy không phải là ngẫu nhiên. Nguyễn Ái Quốc đã tính tới những khả năng tốt nhất cho việc đặt chỗ đứng chân đầu tiên của tổ chức cách mạng ở trong nước. Đó chính là *khả năng sử dụng mối quan hệ bạn bè, họ hàng trong việc gây dựng tổ chức*

cách mạng. Nhóm về Hà Nội có Nguyễn Công Thu quen biết với số bạn bè trường Bưởi. Nhóm về Vinh trở lại với môi trường hoạt động quen thuộc những bạn bè trong tổ chức *Hưng Nam*. Nhóm về Sài Gòn như Phan Trọng Bình bước đầu có thể dựa vào bố là Phan Đình Viện đang dạy học và bốc thuốc ở chùa Phú Cường (Thủ Dầu Một). Những người tuyên truyền và những người tổ chức đó đã triệt để sử dụng mối quan hệ họ hàng, bạn bè, thầy trò, và về mặt tổ chức đã tuân thủ một cách nghiêm túc nguyên tắc: “Mỗi hội viên mới được kết nạp vào hội phải trở thành một phần tử mới của một chi bộ mới”. Họ đã kết hợp một cách khéo léo hai nhiệm vụ trọng đại mà Nguyễn Ái Quốc đã giao: tuyên truyền, xây dựng tổ chức cách mạng trong nước và tổ chức những đoàn thanh niên xuất dương sang Quảng Châu dự các lớp huấn luyện chính trị.

Tại Hà Nội, Nguyễn Công Thu tuyên truyền và giác ngộ được 11 người¹¹ để lập nên cơ sở đầu tiên của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại đây. Một thời gian sau cơ sở đầu tiên đó đã phát triển thành 11 tổ, mỗi tổ ba hội viên. Cuối năm 1926, cơ sở *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (gọi tắt là *Thanh niên*) ở Hà Nội kết nạp thêm Ngô Gia Tự, Đỗ Ngọc Du, Trịnh Đình Cửu, v.v.. Từ Hà Nội, các hội viên toả đi xây dựng tổ chức ở nhiều địa phương, chẳng hạn như Nguyễn Công Thu về Thái Bình, Ngô Gia Tự về Bắc Ninh, Nguyễn Hới về Nam Định, Nguyễn Đức Cảnh về Hải Phòng, Hoàng Đình Giông về Cao Bằng... Cùng với việc xây dựng và củng cố tổ chức cách mạng, các chiến sĩ tiên phong đã tổ chức các đoàn xuất dương. Đoàn thứ nhất có hai người: Nguyễn Công Bắc (Nguyễn Sơn) và Trần Tư Chính (Bằng Thông); tiếp đó là đoàn Phạm Văn Đồng, Nguyễn Danh Đới, Vũ Trọng, Nguyễn Tường Loan, v.v..

Nhóm về Vinh đã kết hợp việc xây dựng các tổ chức của mình với việc "tả hoá" tổ chức *Hưng Nam* bằng cách đưa các hội viên của tổ chức này sang dự các lớp chính trị ở Quảng Châu. Đầu năm 1927, từ một tiểu tổ ở Vinh, cơ sở *Thanh niên* được

phát triển vào Nhà thương Vinh, Trường Quốc học Vinh, Nhà máy Trường Thi, về các huyện Anh Sơn, Diễn Châu, Quỳnh Lưu (Nghệ An), Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh). Từ Vinh, nhóm này liên lạc với Lê Hữu Lập (Thanh Hoá) và cử người vào xây dựng cơ sở ở Quảng Trị, Huế.

Nhóm về Sài Gòn, cuối năm 1926 đã kết nạp ba người vào *Thanh niên* và cử luôn đi học ở Quảng Châu. Đầu năm 1927, nhóm này đã liên hệ được với *Công hội* của Tôn Đức Thắng đã lựa chọn được một số hội viên kết nạp vào *Thanh niên*. Từ Sài Gòn, các hội viên xây dựng cơ sở ở các địa phương như Mỹ Tho, Bến Tre, Quảng Nam, Quảng Ngãi¹².

Trong một thời gian rất ngắn (từ tháng 12-1926 đến tháng 3-1927), *Thanh niên* đã xây dựng được nhiều cơ sở trên cả nước như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Mỹ Tho, Bến Tre... Với sự phát triển mau lẹ về tổ chức, yêu cầu cấp bách đặt ra cho các chiến sĩ tiên phong là xây dựng một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh trong nước. Các kỳ bộ lần lượt ra đời: Đầu tiên là Kỳ bộ Trung Kỳ (2-1927), tiếp đó là Kỳ bộ Bắc Kỳ (3-1927) cuối cùng là Kỳ bộ Nam Kỳ (cuối năm 1927). Sau khi thành lập kỳ bộ, cán bộ xuống các tỉnh hướng dẫn và chỉ đạo thành lập tỉnh bộ và cuối cùng là huyện bộ. Nghiên cứu sự hình thành hệ thống tổ chức *Thanh niên* ta có thể rút ra nhận xét sau: Thoạt tiên là hình thành tổng bộ (đặt ở bên ngoài - Quảng Châu), sau đó tổ chức các chi bộ, từ chi bộ hình thành kỳ bộ, từ kỳ bộ mới tổ chức tỉnh bộ và cuối cùng là huyện bộ.

Sơ đồ 2. Các bước tổ chức hệ thống Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên

TỔNG BỘ

(1)

KỶ BỘ

(3)

TỈNH BỘ

(4)

HUYỆN BỘ

(5)

CHI BỘ

(2)

Chú thích: - Bước 1: Tổng bộ; - Bước 2: Chi bộ; - Bước 3: Kỳ bộ; Bước 4: Tỉnh bộ; - Bước 5: Huyện bộ.

Cho đến trước khi xuất hiện các nhóm cộng sản trong nước, tổ chức *Thanh niên* tỉnh Thái Bình có hệ thống tổ chức trọn vẹn hơn cả, nghĩa là bao gồm chi bộ - huyện bộ - tỉnh bộ. Những chức vụ chủ chốt, quan trọng trong hệ thống tổ chức

của *Thanh niên* đều do những học trò của Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm. Chính trùm mật thám Đông Dương Louis Marty, đã thú nhận: "Phần lớn những chức vụ quan trọng đều do những thanh niên được đào tạo ở Quảng Châu về đảm nhiệm"¹³.

Trong *Điều lệ của Thanh niên*, ở phần *Chương trình* có ghi: "Cử những hội viên đã được đào tạo vào trong nhân dân để tuyên truyền điều phải và tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ, v.v."¹⁴. Vì thế mà cùng với quá trình xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức *Thanh niên*, các tổ chức quần chúng dưới nhiều hình thức từ thấp đến cao cũng được xây dựng. Từ cuối năm 1928, trong một số xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Nam Định, Vinh - Bến Thủy, Sài Gòn, v.v. đã có những cơ sở *Công hội*. Tổ chức quần chúng của công nhân này phát triển nhanh và mạnh cùng với phong trào "vô sản hoá" của *Thanh niên*. Chẳng hạn, cuối năm 1928, Nhà máy sửa chữa ô tô AVIA (Hà Nội) đã có *Công hội* với 9 hội viên. Đồng chí Trần Học Hải, người tổ chức *Công hội* này đã kể lại: "Tiêu chuẩn lựa chọn người vào Công hội rất chặt chẽ: phải là người giác ngộ cách mạng, tán thành chủ nghĩa cộng sản, không mê tín, không nịnh Tây, không nghiện rượu, không hút thuốc phiện, v.v. có nhiều anh em tốt, nhưng còn một vài khuyết điểm dứt khoát không kết nạp"¹⁵.

Cùng với việc xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức, những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã mở lớp huấn luyện cán bộ ở từng địa phương. Kỳ bộ Bắc Kỳ phối hợp với Tỉnh bộ Hà Nội mở nhiều lớp huấn luyện, mỗi lớp vài ba người, thời gian không quá một tuần lễ, địa điểm không cố định. Nguyễn Danh Đới mở lớp ở Thái Bình, Nguyễn Đức Cảnh đi Hải Phòng, Trịnh Đình Cửu mở lớp ở Nam Định. Năm 1928 tại Nam Kỳ, "Kỳ bộ đã mở lớp huấn luyện và một vài tỉnh cũng đã mở được lớp ngắn ngày để bồi dưỡng chính trị cho hội viên mới"¹⁶. Chẳng hạn như ở An Giang, Nguyễn Văn Cứng mở lớp huấn luyện đầu tiên tại Căn Phố (đường Bạch Đằng - Long Xuyên) có bảy người dự, sau dời về Tân Đức (Chợ Mới). Nội dung

huấn luyện của các lớp chính trị trong nước đều thống nhất bởi lẽ những người tổ chức và trực tiếp huấn luyện chính là những học trò của Nguyễn Ái Quốc và tài liệu huấn luyện chủ yếu là cuốn *Đường cách mệnh*, *Tôn chỉ*, *Mục đích* của *Thanh niên*, những bài trên báo *Thanh niên*, *Công nông*, v.v. mà đến đầu năm 1927 đã được bí mật lưu hành trong nước.

Những cơ sở *Thanh niên* được xây dựng trong thời gian đầu chủ yếu đưa vào mối quan hệ bạn bè, họ hàng nên tỷ lệ công nhân trong các tổ chức đó còn rất thấp¹⁷. Đó là một hiện tượng tất yếu. Nhưng điểm đáng lưu ý ở đây là những học trò của Nguyễn Ái Quốc sẵn có ý thức hướng sự phát triển tổ chức vào công nhân. Ngay từ tháng 4-1927 khi chưa thành lập Tỉnh bộ Hà Nội, những cán bộ lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ đã quan tâm đến việc gây dựng cơ sở trong công nhân Hà Nội. Nguyễn Danh Đới, Nguyễn Công Thu đã đến tuyên truyền, giác ngộ anh em công nhân xưởng Hồng Cơ. Hoạch Phan Trọng Bình đã chủ động tìm đến *Công hội* của Tôn Đức Thắng và phát triển tổ chức trong công nhân Sài Gòn. Khi tổ chức đã hình thành ở cấp tỉnh, hướng phát triển vào công nhân càng được đẩy mạnh, đặc biệt ở các trung tâm công nghiệp lớn của đất nước như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Sài Gòn.

Đầu năm 1928, ở Hải Phòng đã có những chi bộ công nhân bồi bếp, thợ giày, chi bộ Nhà máy Xi măng, Nhà máy Carông, Nhà máy Chai, Nhà máy Điện Cửa Cấm.. Ở Sài Gòn đã có cơ sở ở Nhà máy FACI, bến cảng, Xưởng đóng tàu Ba Son, Nhà máy Điện Chợ Rẫy... Ở Nghệ An ngoài tiêu tổ ở Nhà máy xe lửa Trường Thi, đã phát triển thêm một số hội viên công nhân ở trong các nhà máy khu vực Vinh - Bến Thủy. Ở Hà Nội, Tỉnh bộ đã cử cán bộ vào hoạt động, gây cơ sở ở Nhà máy Xe lửa Hà Nội, Nhà máy Diêm, Nhà máy Rượu, Nhà máy in IDEO, Nhà máy điện, Nhà máy In Ngô Tử Hạ, Minh Sang, Lê Văn Tân, v.v.. Rõ ràng, hướng phát triển tổ chức vào công nhân trên phạm vi cả nước được đẩy mạnh nhất ở Bắc Kỳ. Đó

chính là hướng phát triển đúng đắn theo tinh thần của Nguyễn Ái Quốc. Bằng chủ trương "vô sản hóa" được thông qua tại Hội nghị đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ tháng 9-1928¹⁸, hướng phát triển đúng đắn đó của một vùng đã trở thành hướng chung cho cả nước sau khi. Tổng bộ chính thức đưa "vô sản hóa" vào chương trình hành động đầu năm 1929. Tờ *Thanh niên* số ra ngày 10-1-1929 đã chỉ rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của phong trào "vô sản hóa" đối với vận mệnh của tổ chức cách mạng và đối với phong trào công nhân: "Để chấm dứt tình trạng vô kỷ luật của những kẻ thất bại và những kẻ giả danh, Đảng phải áp dụng một phương pháp giáo dục thực sự cách mạng. Thật thế, tất cả các đồng chí cần thiết phải tự mình "vô sản hóa", tự mình "cách mạng hóa" để có cùng một ý nghĩ, một lối sống, một ngôn ngữ, v.v.. Các đồng chí phải thâm nhập vào quần chúng, mang những điều hay, lẽ phải tới làng quê, xưởng máy, trường học và trại lính. Các đồng chí phải từ bỏ những bộ quần áo sang trọng và mặc những bộ quần áo rách rưới của người vô sản trở thành công nhân, nông dân, dân thường... Chỉ có bằng cách đó các đồng chí chúng ta có thể đưa lại sự táo bạo và sức mạnh cho các chi bộ còn non nớt và chưa định hình ở đất nước ta. Và một khi các đồng chí và những người vô sản hòa làm một cả thể xác lẫn tâm hồn thì Đảng sẽ trở nên vững chắc và thắng lợi của cách mạng sẽ tới gần".

Theo tiếng gọi đó, hàng loạt cán bộ và hội viên trên cả nước đã đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để cùng lao động và sinh hoạt với công nhân, qua đó mà giác ngộ và tổ chức công nhân lại. Về phương diện lý luận và thực tiễn, phong trào "vô sản hóa" đã cách mạng hóa cả đối tượng tham gia lẫn môi trường hoạt động, tức giai cấp công nhân. Như vậy, chủ trương "vô sản hóa" đã đẩy nhanh sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Các tổ chức cách mạng của công nhân trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, tại các trung tâm phát triển nhanh chóng. Khu mỏ Quảng Ninh và Nam Định là hai điển hình về kết quả của phong

trào “vô sản hóa”. Khu mỏ Quảng Ninh trước chủ trương “vô sản hoá” chưa có tổ chức cách mạng thì sau đó xây dựng được nhiều chi bộ công nhân mỏ ở Uông Bí, Mạo Khê, Vàng Danh, Hòn Gai, Hà Tu, Hà Lâm, Cẩm Phả, Cửa Ông, Hà Cối, Vạn Hoa, v.v.. Đến tháng 5-1929, Tỉnh bộ Nam Định có 168 hội viên trong đó có:

-Tiểu tư sản, trí thức: 84 người

-Công nhân: 39 người

-Nông dân: 30 người.

-Các thành phần khác: 15 người.

Như vậy tỷ lệ công nhân chiếm tới 23% tổng số¹⁹.

Với “vô sản hóa”, thành phần công nhân trong tổ chức cách mạng của Nguyễn Ái Quốc thay đổi một cách đáng kể. Nếu như năm 1927, năm đầu tiên xây dựng cơ sở ở trong nước thành phần công nhân mới chiếm 5%, thì đến năm 1929 tỷ lệ đó là 10%. Cùng với việc phát triển các cơ sở cách mạng trong công nhân, những người tham gia phong trào "vô sản hóa" đã lãnh đạo và tổ chức những cuộc đấu tranh của họ. Trong những năm 1928-1929 có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân, trong đó có những cuộc đấu tranh do *Thanh niên* trực tiếp tổ chức và lãnh đạo như các cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy sợi Nam Định tháng 11-1928, của công nhân hãng dầu Nhà Bè, Sài Gòn, của Nhà máy Chai, Nhà máy Carông Hải Phòng giữa năm 1929, tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của 200 công nhân Nhà máy sửa chữa ô tô AVIA (Hà Nội) tháng 5-1929. Cuộc bãi công của công nhân Nhà máy AVIA nổ ra nhân bọn chủ vô cơ đánh đập một công nhân. Ủy ban bãi công được thành lập gồm Trần Học Hải và 4 đoàn viên *Công hội*. Trụ sở Ủy ban bãi công được đặt tại chùa Hương Tuyết. Kỳ bộ Bắc Kỳ của Ngô Gia Tự trực tiếp chỉ đạo cuộc bãi công. *Công hội* Hà Nội đã phát nhiều truyền đơn kêu gọi công nhân và quần chúng lao động Hà Nội hưởng ứng và ủng hộ cuộc bãi công của công nhân Nhà máy

AVIA bằng những hành động cụ thể, thiết thực: "Anh em thợ thuyền! Vì làm việc quá nhiều, lương ít, vì chủ độc ác công nhân AVIA đã đình công từ 28-5-1929, làm cho chủ nhà máy hàng ngày thiệt đến 1.500 đồng. Nếu đình công tiếp tục thì chủ sẽ không chịu nổi thiệt hại đó và buộc phải chấp nhận 4 yêu sách của anh em (...). Anh em AVIA cương quyết đình công cho đến thắng lợi hoàn toàn (...). Còn các anh em! Anh em chớ đến AVIA xin việc làm. Anh em hãy nghĩ đến quyền lợi của công nhân AVIA cũng như quyền lợi của bản thân mình..."²⁰.

Dưới sự chỉ đạo của Kỳ bộ Bắc Kỳ, các tỉnh bộ đã có những cuộc vận động hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy sửa chữa ô tô AVIA. Công nhân Nhà máy Điện, Diêm, Nhà máy in IDEO (Hà Nội), Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy Chai, Carông (Hải Phòng), mỏ than Mạo Khê... đã quyên góp tiền cho công nhân Nhà máy AVIA trong thời gian bãi công. Phong trào ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy AVIA lôi cuốn cả công nhân Thái Bình, Nam Định. Được sự ủng hộ và cổ vũ của công nhân các tỉnh lân cận, cuộc bãi công đã kéo dài đến ngày 10-6-1929 khi bọn chủ nhượng bộ, chấp nhận toàn bộ những yêu sách của công nhân. Cuộc bãi công của công nhân Nhà máy AVIA đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của phong trào công nhân. Đánh giá phong trào công nhân nước ta trong những năm đó, *Luận cương* của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10-1930 viết: "Những cuộc bãi công trong năm 1928, những cuộc tranh đấu rất dữ dội của thợ thuyền và dân cày trong năm nay (1930) đã chứng tỏ ra rằng sự tranh đấu giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Điều đặc biệt và quan trọng nhất trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự tranh đấu của quần chúng công nông có tính chất độc lập rất rõ rệt, chớ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như lúc trước nữa"²¹.

Như vậy, đến năm 1929 giai cấp công nhân xuất hiện trên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập. Điều đó chứng minh rằng chủ nghĩa Mác -

Lênin đã được kết hợp với phong trào công nhân. Sự kết hợp đó tất yếu dẫn tới sự ra đời của một chính đảng kiểu mới - Đảng Cộng sản, để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc chúng ta.

III- BÔNSEVÍCH HOÁ HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN VÀ TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG

Phong trào công nhân cuối những năm 20 của thế kỷ XX phát triển không đồng đều, mạnh nhất là phong trào công nhân ở Bắc Kỳ. Điều đó có lý do của nó. Kỳ bộ Bắc Kỳ là một kỳ bộ đông về số lượng hội viên, mạnh về chất lượng và hoạt động thực tiễn. Đến năm 1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ có "700 hội viên chính thức và 1.000 người cảm tình"²² đã phát triển tổ chức khắp 17 tỉnh, có hai thành bộ (Hà Nội, Hải Phòng), ba tỉnh bộ (Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh). Hơn thế nữa, có những học trò xuất sắc của Nguyễn Ái Quốc như Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu... những người lăn lộn với phong trào công nhân. Trên cơ sở bám sát phong trào công nhân, nhạy bén với thời cuộc, nắm bắt được đòi hỏi của hiện thực khách quan, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu đã tìm cho phong trào công nhân những hình thức thích hợp, tạo điều kiện cho nó tiếp tục phát triển. Cũng vì thế mà chính trên địa bàn này đã sớm nảy sinh phong trào "vô sản hoá" góp phần đẩy nhanh quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Cũng từ thực tiễn sôi động ấy, những người lãnh đạo trong Kỳ bộ Bắc Kỳ đã nhận ra sự cấp thiết phải thành lập Đảng Cộng sản mới đưa phong trào công nhân tiếp tục phát triển. Sớm ý thức được trách nhiệm ấy, với tinh thần tiến công cách mạng, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ đã giải quyết sáng tạo một số vấn đề về tư tưởng và tổ chức, quyết định thành lập ngay một tổ chức cộng sản. Chi bộ Cộng sản đầu tiên với 8 đồng chí²³ ra đời tại ngôi nhà số 5D phố Hàm Long, Hà Nội vào tháng 3-1929 trong bối cảnh đó. *Sự ra đời của Chi bộ Cộng sản chính là sự khởi đầu quá trình bôn-sê-vích hoá tổ chức Thanh niên.* Từ quyết định đúng đắn đó của

một số cán bộ trung kiên, việc bôn-sê-vích hoá *Thanh niên* đã trở thành một quyết tâm, một hướng phấn đấu của toàn kỳ bộ tại Đại hội kỳ bộ họp tại đồn điền Bôren (Sơn Tây) trong hai ngày 28 và 29-3-1929. Trong quá trình thảo luận tại Đại hội, Ngô Gia Tự đã đưa ra nhiều kiến giải sắc sảo và xác đáng, phản ánh được những đòi hỏi của phong trào cách mạng đang diễn ra sôi nổi lúc đó. Đại hội đã hoàn toàn nhất trí cần phải thành lập Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng. Nhưng để đảm bảo sự thống nhất của phong trào, Đại hội đồng ý với đề nghị của Trần Văn Cung – Bí thư Kỳ bộ: "Không nên tổ chức ngay Đảng Cộng sản, chúng ta phải đợi đến Đại hội *Thanh niên* có đông đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc, có Tổng bộ, ý kiến thống nhất đã, chúng ta sẽ làm. Nếu làm ngay sẽ gây ra chia rẽ Trung, Nam, Bắc và giữa Kỳ bộ với Tổng bộ"²⁴. Đại hội đã giao trách nhiệm cho các đồng chí Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Dương Hạc Đính, Nguyễn Tuân đấu tranh khẳng định xu thế của mình tại Đại hội I của *Thanh niên*. Để đảm bảo cho sự thắng lợi của một chủ trương mới mẻ tại Đại hội I *Thanh niên*, Trần Văn Cung đã đi Vinh để tranh thủ sự đồng tình của các đại biểu Kỳ bộ Trung Kỳ, đại diện cho hơn 500 hội viên tại Đại hội. Song chuyến đi của Trần Văn Cung không có kết quả vì đoàn đại biểu Trung Kỳ đã lên đường đi dự Đại hội. Rõ ràng đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã có sự chuẩn bị chu đáo trước khi đi Hương Cảng dự Đại hội I *Thanh niên*. Tại Đại hội I *Thanh niên*²⁵, Trần Văn Cung - trưởng đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ phân tích những điều kiện chủ quan, khách quan đã chín muồi cho việc thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng. "Tình hình trong nước và Đông Dương đã có đủ điều kiện lập ra một chính đảng của giai cấp công nhân để lãnh đạo cách mạng. Đề nghị Đại hội ta thành lập ra đảng Cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam"²⁶. Tiếp đó, Ngô Gia Tự phân tích tình hình phong trào công nhân ở châu Âu, ở Đông Dương và đặc biệt nhấn mạnh phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng công nông nước ta. Bằng những cứ liệu xác thực, những thống kê tỉ mỉ về các cuộc bãi công ở các trung tâm công nghiệp và trên phạm vi cả nước,

Ngô Gia Tự đã vạch rõ quy mô và tính chất của nó, qua đó mà khẳng định trình độ giác ngộ và trình độ tổ chức của giai cấp công nhân nước ta đã trưởng thành, đòi hỏi phải có một chính đảng để tiếp tục đưa phong trào tiến lên. Đồng thời, Ngô Gia Tự cũng chỉ rõ trong hoàn cảnh như vậy nếu chần chừ trong việc thành lập Đảng Cộng sản là phạm sai lầm to lớn đối với phong trào cách mạng. Tóm lại, những vấn đề cơ bản mà đoàn đại biểu Bắc Kỳ nêu lên tại Đại hội I là:

-Vai trò của *Thanh niên* không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử.

-Cần phải tìm cho phong trào một hình thức tổ chức chính trị mới để tiếp tục đưa phong trào đi lên, đó là thành lập Đảng Cộng sản.

Đó thực là những vấn đề có tầm chiến lược đối với vận mệnh cách mạng nước ta. Trong ba ngày đầu Đại hội đã xoay quanh những vấn đề hệ trọng đó, nhưng vẫn không ngã ngũ: "Bàn bạc đã ba ngày rồi mà vấn đề tổ chức vẫn chưa giải quyết xong. Đường nào là đúng, đường nào là chệch"²⁷. Trong khi Đại hội chưa ngã ngũ thì Lâm Đức Thụ - một phần tử cơ hội, một kẻ cực hữu, nhân danh Chủ tịch Đại hội đã quyết định: "Không được bàn về tổ chức cộng sản ở đây. Nếu bàn vấn đề này thì đi nơi khác mà bàn". Trước tình hình đó Trần Văn Cung đã dứt khoát tuyên bố lập trường của đoàn đại biểu Bắc Kỳ: "Thay mặt hơn 900 hội viên *Thanh niên* Bắc Kỳ trong số hơn 1.550 hội viên *Thanh niên* trong toàn quốc, chúng tôi đã trình bày đề nghị của chúng tôi, nhưng không được Đại hội chấp nhận. Nếu ở lại đây chúng tôi không biết sẽ trả lời thế nào với các đại biểu Bắc Kỳ đã nhất trí giao trách nhiệm cho chúng tôi phải đề ra vấn đề tổ chức Đảng Cộng sản. Trách nhiệm ấy không làm tròn. Chúng tôi tuyên bố thoát ly Đại hội. Trước đây, chúng ta đã cùng nhau học chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta sẽ gặp nhau trong công tác, nếu chúng ta còn cùng chung một chí hướng"²⁸.

Thế là đoàn đại biểu Bắc Kỳ (trừ Dương Hạc Đỉnh) bỏ Đại hội ra về. Ngày 1-6-1929 công bố *Tuyên ngôn* giải thích cho hội viên của mình lý do của hành động đó:

"Đại hội này là của Hội VNTNCM ..., thì bất luận điều gì can thiệp đến công nông, đến vô sản giai cấp đều phải bàn cãi. Thế mà Đại hội Việt Nam Thanh niên Cách mệnh này lại không cho bàn đến vấn đề tổ chức Đảng Cộng sản, là vấn đề rất cần thiết cho vô sản giai cấp và nông dân nghèo ở An Nam, tức là Đại hội này không phải là Đại hội đại biểu cho vô sản giai cấp, không phải là Đại hội chân chính cách mệnh"²⁹ và kêu gọi "Phải tổ chức ngay Đảng Cộng sản thì mới dẫn đạo cho vô sản giai cấp làm cách mệnh được"³⁰.

Việc đoàn đại biểu Bắc Kỳ bỏ Đại hội ra về đánh dấu sự phân liệt trong *Thanh niên*. Thực chất của sự phân liệt đó là "một sự khủng hoảng của sự trưởng thành trong phong trào công nhân và dân tộc ở Việt Nam"³¹. Đồng thời, sự phân liệt đó cũng có nghĩa là quá trình bôn-sê-vích hoá trong tổ chức cách mạng cũng được đẩy mạnh. Ngày 16-6-1929, tại ngôi nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội các đại biểu tiên tiến trong tổ chức *Thanh niên* ở Bắc Kỳ (khoảng 20 đại biểu) đã họp hội nghị quyết định thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương (Đông Dương Cộng sản Đảng). Hội nghị đã thông qua những văn kiện quan trọng có tính chất nền tảng như *Tuyên ngôn*, *Điều lệ*, thành lập các cơ quan tuyên truyền, trong đó có báo *Búa liềm*, bầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và cử người vào Trung Kỳ, Nam Kỳ phát triển cơ sở Đảng.

Ngay ở phần đầu, *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định rõ tính chất của Đảng:

"Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng cách mệnh đại biểu cho tất cả các anh chị em vô sản giai cấp (tức là thợ thuyền) ở Đông Dương. Đảng Cộng sản không phải là gồm tất cả các anh em chị em vô sản giai cấp, nhưng chỉ gồm những người nào giác ngộ cách mệnh, tiên tiến hơn cả trong giai cấp vô sản.

Đảng Cộng sản là đảng bênh vực lợi ích cho toàn thể vô sản giai cấp, dân cày nghèo và tất cả những người làm lụng bị bóc lột và đè nén"³².

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lao vào hoạt động thực tiễn hết sức khẩn trương mà một trong những nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu lúc đó là xây dựng và phát triển tổ chức Đảng trên phạm vi cả nước. Do đó quá trình phát triển tổ chức Đảng diễn ra hết sức nhanh chóng. Chỉ trong vòng hơn hai tháng (từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8-1929) các Tỉnh Đảng bộ ở Bắc Kỳ lần lượt ra đời. Đó cũng là thời điểm cuối cùng của tổ chức *Thanh niên*. Cùng với việc cử Trần Văn Cung và Nguyễn Phong Sắc vào Trung Kỳ, Ngô Gia Tự và Trần Tư Chính vào Nam Kỳ vận động thành lập Đảng Cộng sản, *quá trình bôn-sê-vích hoá Thanh niên đã được mở rộng trên quy mô toàn quốc*. Cuộc vận động đó đã làm giải thể toàn bộ cơ sở *Thanh niên* ở Trung Kỳ, một phần ở Nam Kỳ; hơn thế nữa đã thu hút cả cánh tả Đảng Tân Việt. Nha mật thám Đông Dương cho biết kết quả của việc tuyên truyền của Đảng Cộng sản Đông Dương như sau:

"Sự tuyên truyền rất hăng hái của đảng mới này chẳng những đem lại kết quả là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ ảnh hưởng của *Thanh niên* bị tiêu tan, mà *Thanh niên* ở Nam Kỳ cũng mất nhiều địa bàn. Sự tuyên truyền đó đã làm cho các đảng phái chính trị khác như hội kín của Nguyễn An Ninh ở Nam Kỳ và Tân Việt ở Trung Kỳ thực sự chuyển sang chủ nghĩa cộng sản".

Trước ảnh hưởng rộng lớn của Đảng Cộng sản Đông Dương, Tổng bộ Thanh niên và Kỳ bộ Nam Kỳ đã nhóm họp bàn việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản An Nam (An Nam Cộng sản Đảng) vào tháng 8-1929.

Đến tháng 9-1929, một số cán bộ của *Thanh niên* đang hoạt động tại Trung Quốc và cán bộ vừa ở trong nước sang, trong đó có Châu Văn Liêm, cùng nhau lập chi bộ Đảng Cộng sản An Nam tại Trung Quốc, Đảng ra tờ báo *Đỏ*. Lúc này những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ có xu hướng cộng sản, lần lượt tổ chức những chi bộ cộng sản. Trở về Sài Gòn, Châu Văn Liêm và các đồng chí nhất trí lập Đảng Cộng sản An Nam trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ vào khoảng tháng 11-

1929, tại Khánh Hội, Sài Gòn. Sự thành lập Cộng sản Đảng An Nam tiếp theo Đông Dương Cộng sản Đảng "dù là hành động bị động, đối phó với Đông Dương Cộng sản Đảng, vẫn là một bước tiến trong đội ngũ cách mạng Việt Nam"³³. Việc chuyển hầu hết Kỳ bộ *Thanh niên* Nam Kỳ vào Đảng Cộng sản An Nam càng chứng tỏ ở Việt Nam lúc đó đã có những điều kiện chủ quan và khách quan để thành lập Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân. Với việc thành lập Đảng Cộng sản An Nam, quá trình bôn-sê-vích hoá *Thanh niên* đã chấm dứt. Phải thừa nhận là quá trình đó diễn ra dưới sự tác động trực tiếp của phong trào công nhân trong nước, đặc biệt là phong trào công nhân Bắc Kỳ và các Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản.

Cùng với quá trình bôn-sê-vích hoá *Thanh niên*, *Tân Việt Cách mạng Đảng* (gọi tắt là *Tân Việt*) cũng có những chuyển biến mạnh mẽ theo hướng đó. Khác với *Thanh niên*, *Tân Việt* có một quá trình hình thành khá lâu dài và phức tạp. *Tân Việt* là tên gọi cuối cùng của một tổ chức chính trị đã trải qua nhiều biến thiên và cải tổ do sự tác động mạnh mẽ của chủ nghĩa cộng sản, phong trào công nhân mà *Thanh niên* đóng vai trò chủ chốt. Nghiên cứu quá trình đến với chủ nghĩa cộng sản của tổ chức chính trị này, có thể phân thành hai bước:

Bước một: Từ một tổ chức chính trị theo khuynh hướng quốc gia đến một đảng theo khuynh hướng mácxít (1925 - tháng 7-1928). Từ *Phục Việt* (1925) đến *Hưng Nam* (3-1926) xét theo nội dung cơ bản trong đường hướng của nó, đây là một tổ chức yêu nước tiến bộ theo khuynh hướng quốc gia. Từ khi các đại biểu của nó tiếp xúc với *Thanh niên*, nhận sự giáo dục chính trị của *Thanh niên* (đầu tiên là Lê Duy Điểm, sau đến lớp Trần Phú, Nguyễn Ngọc Ba, Phan Trọng Bình và nhiều người khác) tổ chức chính trị theo khuynh hướng quốc gia này *bắt đầu khuynh tả*. Quá trình khuynh tả càng về sau càng diễn ra mạnh mẽ và cuối cùng đã chiếm ưu thế tại Hội nghị Trung ương họp tại Huế ngày 14-7-1928 đánh dấu bằng việc

lập *Tân Việt Cách mạng Đảng*. Phần *Tôn chỉ* cách mệnh của *Tân Việt* xác định "Liên hợp cả các đồng chí trong ngoài, trong thì dẫn đạo công nông binh, quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa đang kiến thiết một xã hội bình đẳng bác ái mới"³⁴. Đó là tinh thần trong *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, trong các văn kiện nền tảng của *Thanh niên*. *Chương trình, Điều lệ* của *Tân Việt* đều mô phỏng theo các văn bản có tính chất cương lĩnh của *Thanh niên*. Không những thế, *Tân Việt* còn sử dụng các phương pháp hoạt động như huấn luyện, tổ chức theo khuôn mẫu và tài liệu của *Thanh niên*. Rõ ràng, đến đây việc biến một tổ chức theo khuynh hướng quốc gia thành một Đảng theo khuynh hướng mácxít là một thành công to lớn trong hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc, điều mà nhiều Đảng Cộng sản khác không làm được³⁵.

Bước hai: Từ một tổ chức theo khuynh hướng mácxít thành một Đảng Cộng sản. Đây chính là giai đoạn bôn-sê-vích hoá tổ chức tiền thân này được ảnh hưởng của quá trình tương tự đang diễn ra sôi nổi trong *Thanh niên*. Quá trình đó diễn ra bắt đầu từ sự phân hoá sâu sắc trong nội bộ *Tân Việt*, từ Tổng bộ đến các tổ chức cơ sở. Trong khi một bộ phận cánh hữu trong Tổng bộ công khai tỏ thái độ chống chủ nghĩa cộng sản thì đại bộ phận đảng viên *Tân Việt* có xu hướng chuyển dần đến chủ nghĩa cộng sản. Phái thiên hữu đó giữa năm 1929 cho công bố đề án "Khôi quốc gia", "một bước thụt lùi về chính trị"³⁶, nhưng đại đa số đảng viên và quần chúng cảm tình phản đối kịch liệt. Quá trình bôn-sê-vích hoá *Tân Việt* như có thêm duyên cớ mới. Sự phân hoá trong nội bộ *Tân Việt* từ đó càng diễn ra mạnh mẽ và bước tiến của xu thế đến với chủ nghĩa cộng sản càng diễn ra những bước đi gấp. Tháng 6-1929, những đảng viên cốt cán của *Tân Việt* họp Hội nghị tại nhà số 5 đường Nguyễn Tấn Nghiêm (nay là đường Phát Diệm - thành phố Hồ Chí Minh),

nghiên cứu đề án "Khởi quốc gia". Sau nhiều ngày nghiên ngẫm, thảo luận Hội nghị đã đi đến kết luận:

-Ly khai khỏi Tổng bộ *Tân Việt*, chuẩn bị thành lập một Đảng Cộng sản lấy tên là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

-Thanh đảng, lựa chọn những người tích cực trong *Tân Việt* tổ chức ra chi bộ Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Sau Hội nghị, trong vòng một tháng các chi bộ, các nhóm cộng sản đã được thành lập ở Tân Định, Phú Nhuận, Bà Chiểu, Khánh Hội, Chợ Lớn, Chợ Quán, Nhà Bè, sau đó phát triển xuống Tân An, Mỹ Tho. Tháng 8-1929, đồng chí Nguyễn Xuân Thanh sau khi gặp gỡ, trao đổi với các đại biểu Tỉnh uỷ *Tân Việt* từ Thanh Hoá, Nghệ - Tĩnh đến Huế, Quy Nhơn đã vào Sài Gòn họp với Kỳ uỷ Nam Kỳ. Cuộc họp đó đã đi đến quyết định cực kỳ quan trọng cho vận mệnh Đảng *Tân Việt*:

-Sẽ tiến hành Đại hội thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* vào ngày 1-1-1930.

-Đại biểu dự Đại hội không quá 10 người;

-Địa điểm họp ở Trung Kỳ (do Kỳ uỷ Trung Kỳ chuẩn bị);

-Chuẩn bị các văn kiện (do Kỳ uỷ Nam Kỳ dự thảo);

-Thông qua *Tuyên đạt*³⁷.

Tuyên đạt nói rõ lý do thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*: "Việt Nam Cách mệnh Thanh niên Hội không đồng nhất chính kiến đã tách ra lập nên hai bộ phận cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản chi bộ, cùng tiến hành vận động cộng sản theo chương trình của Đệ tam Quốc tế, còn Tân Việt Cách mệnh Đảng thì đa số người dẫn đạo ngày càng sa vào hoạt động có xu hướng quốc gia cải lương dẫn quần chúng đảng viên chịu ảnh hưởng của mình đi sai

đường lối của Đệ tam Quốc tế. Do đó mà đường thương lượng với hai bộ phận cộng sản để hợp nhất cơ sở cách mạng đã tiến hành khá nhiều lần vẫn không thành...

Do tình hình nói trên nên những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*³⁸. *Tuyên đạt* cũng đã xác định đích đi tới của *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* là cùng Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Cộng sản An Nam "liên hợp thành một tổ chức cộng sản ở xứ Đông Dương để cho sức mạnh cộng sản vững chắc và duy nhất"³⁹.

Ngày 31-12-1929, trên một con đò dọc sông La, Đại hội các đại biểu tiên tiến trong *Tân Việt* đã thông qua *Chương trình, Điều lệ* và chính thức thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*⁴⁰. Sự ra đời của *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* kết thúc quá trình bôn-sê-vích hoá *Tân Việt*.

Hai quá trình bôn-sê-vích hoá của hai tổ chức tiền thân của Đảng diễn ra cùng thời, nhưng lại chịu sự tác động của những yếu tố khách quan không giống nhau. Nếu như quá trình bôn-sê-vích hoá *Thanh niên* diễn ra dưới sự tác động mạnh mẽ của các Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế cộng sản thì quá trình bôn-sê-vích hoá *Tân Việt* lại chịu ảnh hưởng của những chuyển biến trong *Thanh niên*. Dù hai quá trình đó diễn ra với cường độ và quy mô thế nào thì đều dẫn đến một sự thực lịch sử: xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Hình thức tổ chức chính trị đó đã đáp ứng được đòi hỏi của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta lúc đó. Hình thức tổ chức thích hợp đó sẽ tạo ra xung lực cho phong trào cách mạng tiến lên những bước mới.

IV- SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Sự phân liệt của *Thanh niên* bắt đầu từ tháng 5-1929 một mặt đẩy nhanh quá trình bôn-sê-vích hoá tổ chức cách mạng này, mặt khác dẫn đến nguy cơ chia rẽ trong phong trào công nhân. Trong khi tuyên truyền, tranh thủ quần chúng và xây dựng tổ chức, các Đảng Cộng sản đó đã tiến hành công kích lẫn nhau. Mỗi một Đảng Cộng sản đều cho đảng mình là Đảng Cộng sản chân chính, còn cho đảng kia là "hoạt động, giả cách mệnh", "lừa dối công nông", "xa rời quần chúng công nông", "chưa thật là bôn-sê-vích", v.v.. Ở đây cũng cần chỉ ra một sự thực là Đảng Cộng sản Đông Dương có công trong việc thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam, nhưng phạm sai lầm trong công tác tuyên truyền và vận động quần chúng bằng việc phát truyền đơn và đăng báo đả kích *Thanh niên* và về sau cả Đảng Cộng sản An Nam. Theo Huỳnh Kim Khánh, trong kho lưu trữ của Pháp còn lưu giữ được một sưu tập gồm 30 lá thư và tài liệu trao đổi giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và Tổng bộ *Thanh niên* ở Hồng Kông về vấn đề giải tán *Thanh niên* và thành lập Đảng Cộng sản. Bản gốc được viết bằng mực tím và đã được dịch ra tiếng Pháp. Trong lá thư gửi Tổng bộ *Thanh niên* ngày 9-10-1929 Đảng Cộng sản Đông Dương đã từ chối đề nghị hoà giải, nhưng hứa cân nhắc lời yêu cầu về quyền lãnh đạo của các lãnh tụ *Thanh niên* trên nền tảng cá nhân. Sau đó lá thư nói thêm: nếu Vương (Nguyễn Ái Quốc) trở lại, chúng tôi sẽ tiếp tục trao đổi các phương pháp với Vương cũng như với các anh". Như vậy, nếu như sự ra đời của Đảng Cộng sản An Nam là sản phẩm của một thế bị động, đối phó với Đảng Cộng sản Đông Dương thì chính Đảng Cộng sản An Nam lại có công trong việc phát hiện ra nguy cơ chia rẽ trong phong trào cộng sản nước ta và đã tìm mọi cách để nhanh chóng chấm dứt tình trạng đó.

Rõ ràng, cuối năm 1929 việc chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản, việc thống nhất các tổ chức đó thành một đảng duy nhất là một tất yếu, một yêu cầu cấp bách của phong trào cách mạng. Theo dõi một cách sát sao tình hình cách

mạng đang diễn ra ở Đông Dương, Quốc tế Cộng sản đã ra chỉ thị “Về việc thành lập một Đảng Cộng sản Đông Dương” đề ngày 27-10-1929 cho các tổ chức cộng sản. Trong văn kiện quan trọng đó, sau khi phê bình các tổ chức cộng sản do dự và lùng chùng trong việc thành lập ngay một Đảng Cộng sản, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã chỉ thị:

"Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản... Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"⁴¹.

Trong bản Chỉ thị đó, Quốc tế cộng sản còn chỉ ra những nguyên tắc cơ bản về xây dựng đảng Mác - Lênin và hướng dẫn cách tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản. Bản Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản ngày 27-10-1929 là một văn kiện lịch sử quan trọng. Nó góp phần thúc đẩy quá trình vận động hợp nhất Đảng, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân nước ta. Có lẽ, sau khi nhận được *Chỉ thị* của Quốc tế Cộng sản, *Đảng Cộng sản Đông Dương* mới cử Đỗ Ngọc Du (tức Phiếm Chu) sang Hồng Kông gặp đại diện của *Đảng Cộng sản An Nam* bàn việc hợp nhất hai đảng. Tại cuộc gặp gỡ đó, Phiếm Chu thay mặt *Đảng Cộng sản Đông Dương* đã đưa ra trước *Đảng Cộng sản An Nam* những điều kiện hợp nhất quá cao do với thực tế lịch sử lúc đó - giải tán *Đảng Cộng sản An Nam*, sau đó lựa chọn từng người một kết nạp vào *Đảng Cộng sản Đông Dương*, *Đảng Cộng sản An Nam*, dĩ nhiên, không thể chấp nhận những điều kiện như vậy. Thế là cuộc gặp gỡ đầu tiên ấy không mang lại kết quả mong muốn. Có nhiều lý do cắt nghĩa cho sự thất bại ấy. *Thứ nhất*, như đã nói ở trên, điều kiện mà *Đảng Cộng sản Đông Dương* đưa ra quá cao; *Thứ hai*, do thiếu một người có đầy đủ uy tín trong công việc trọng đại này, mặc dù cuộc gặp gỡ đó là do chính Hồ Tùng Mậu thu xếp, nhưng cả Hồ Tùng Mậu và Phiếm Chu đều "không ai chịu ai" cả. Rõ ràng lịch sử lúc đó đòi hỏi cần phải có một người vượt lên trên lớp người đó về mọi

phương diện. *Và một lần nữa Nguyễn Ái Quốc xuất hiện đúng lúc.* Cuối năm 1929, được tin các tổ chức cộng sản trong nước ra đời và nhận được Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về việc hợp nhất, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đi Hương Cảng. Ngày 3-2-1930, thay mặt cho Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất tại một ngôi nhà lá của một công nhân ở Cửu Long (cạnh Hương Cảng). Thành phần hội nghị như sau:

1. Nguyễn Ái Quốc, đại diện Quốc tế Cộng sản.
2. Nguyễn Đức Cảnh, đại diện *Đảng Cộng sản Đông Dương.*
3. Trịnh Đình Cửu, đại diện *Đảng Cộng sản Đông Dương.*
4. Châu Văn Liêm, đại diện *Đảng Cộng sản An Nam.*
5. Nguyễn Thiệu, đại diện *Đảng Cộng sản An Nam.*

Với sự hiện diện của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất đã diễn ra thuận lợi và nhanh chóng. Hội nghị nhất trí *năm điểm lớn* của Nguyễn Ái Quốc đưa ra:

- “1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;
2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Theo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;
4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
5. Cử một Ban Trung ương lâm thời gồm chín người, trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương”⁴².

Những ngày cuối, Hội nghị thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt.*

Sau khi hoàn thành trách nhiệm do Quốc tế Cộng sản giao, ngày 18-2-1930 Nguyễn Ái Quốc viết *Lời kêu gọi* gửi đồng bào cả nước:

“ Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

- 1) Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.
- 2) Làm cho nước An Nam được độc lập.
- 3) Thành lập Chính phủ công nông binh.
- 4) Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.
- 5) Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.
- 6) Thực hiện ngày làm 8 giờ.
- 7) Huỷ bỏ mọi thứ thuế trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.
- 8) Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.
- 9) Thực hành giáo dục toàn dân.
- 10) Thực hiện nam nữ bình quyền"⁴³.

Hội nghị hợp nhất ngày 3-2-1930 không có đại diện của *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* vừa mới thành lập đầu tháng 1-1930. Được tin *Hội nghị hợp nhất* thành công, *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* yêu cầu xin gia nhập *Đảng Cộng sản Việt*

Nam. Ngày 24-2-1930, một cuộc họp gồm hai đại biểu Quốc tế, hai Ủy viên Trung ương lâm thời và Bí thư Chấp ủy lâm thời, đã quyết định:

“1. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn tuy có nhiều điều khuyết điểm, song vì chỉ căn cứ ở tinh thần cộng sản nên đoàn thể này được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn cử một người dự vào Lâm thời Chấp ủy của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Nam Kỳ (...).

3. Lâm thời Chấp ủy của Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban Chấp ủy Liên đoàn phải thông cáo cho các đồng chí biết vấn đề Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam”⁴⁴.

Như vậy, trên thực tế đến ngày 24 -2-1930 ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã được hợp nhất thành một chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân Việt Nam. Đó là "một sự thắng lợi rực rỡ vào bậc nhất của phong trào công nhân và dân tộc, của chủ nghĩa Mác - Lênin"⁴⁵. *Với sự ra đời của Đảng cộng Sản Việt Nam*, cuộc khủng hoảng lãnh đạo kéo dài trong nhiều năm đã chấm dứt. Với sự kiện trọng đại đó, giai cấp công nhân chẳng những trở thành lực lượng chính trị độc lập, mà quan trọng hơn là trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam không một lực lượng nào có thể tranh chấp. Đúng như sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”⁴⁶.

1. Bình quân thu nhập hằng năm của một công nhân là 40 đồng, trong khi đó một công chức, một điền chủ hạng vừa, một thương nhân hạng trung là 160-180 đồng, một điền chủ lớn, một nhà công thương nghiệp lớn là 6000 đồng. Như vậy, khoảng

cách về thu nhập trên danh nghĩa giữa công nhân và tư sản rất cao, nghĩa là thu nhập của một công nhân không bằng 1% thu nhập của một tư sản (Xem Paul Bernard: *Le problème économique Indochinois*, Nouvelles Éditions latines, 1934, tr.20-21).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.114.

3. Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc: *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng, Sđd*, tr.307.

4. Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Nhà nước.

5. *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1980, tr.22-23.

6. Báo *Impartial*, ngày 6-6-1925.

7. Tạp chí *Học tập*, số 2-1961. tr.32.

8. Báo *Thống nhất*, số 155, ngày 19-5-1965

9. Báo *La Cloche fêlée*, số 26, tháng 11- 1925.

10. Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, t.II, tr.552.

11. Đó là các đồng chí Mai Lập Đôn, Vương Văn Mùi, Vi Nam Sơn (công nhân), Nguyễn Danh Đới, Nguyễn Phong Sắc, Đỗ Mạnh Hàm, Tạ Đình Tám, Tạ Đình Tân, Mai Ngọc Thiệu. Cuộc họp thành lập cơ sở đầu tiên này được tổ chức tại thôn Tiên, Dịch Vọng, Hà Nội.

12. Trần Ngọc Giải về xây dựng cơ sở ở Mỹ Tho, Lê Văn Phát về Bến Tre, Đỗ Quang về Quảng Nam, Nguyễn Thiệu về Quảng Ngãi.

13. Louis Marty: *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française, Sđd*, t.I, tr.20.

14. *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr.82.

15. *Vô sản hoá* (Hồi ký), Sđd, tr.27.

16. *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.32.

17. Chi bộ đầu tiên ở Hà Nội có 11 hội viên chỉ có 1 công nhân. Giữa năm 1927 chi bộ đầu tiên ở Quảng Nam gồm 20 hội viên chỉ có 2 công nhân, hoặc ở Nam Định trong số 6 chi bộ đầu tiên có 1 chi bộ công nhân nhưng không trọn vẹn (6 công nhân và 2 viên chức nhỏ).

18. Hội nghị khai mạc ngày 28-8-1928 tại Hà Nội. Sau khi đã họp được một ngày thấy có hiện tượng bị lộ, Hội nghị chuyển về họp tại nhà đồng chí Ngô Gia Tự ở Tam Sơn (Bắc Ninh). Tham dự Hội nghị có 20 đại biểu. Hội nghị đã thông qua chủ trương “vô sản hóa” nhằm đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin trong công nhân và rèn luyện cán bộ.

19. *Bảng tổng hợp lịch sử Đảng Hà Nam Ninh*, Nam Định, 1965, t.II, tr.47.

20. Liên hiệp Công đoàn Hà Nội: *Lịch sử phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn Hà Nội*, Hà Nội, 1986, tr.40.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.93.

22. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 278.

23. Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung, Đỗ Ngọc Dur, Dương Hạc Đỉnh và Nguyễn Tuân. Dương Hạc Đỉnh và Nguyễn Tuân về sau thoái hoá và phản bội Đảng.

24. *Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1961, tr.115
25. Đại hội họp tại Hương Cảng từ ngày 1 đến ngày 9-5-1929 gồm những đại diện cho các tổ chức *Thanh niên* trong nước và Việt kiều ở nước ngoài.
26. Theo *Đường cách mệnh*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh xuất bản, tr. 160.
27. Theo *Đường Cách mệnh, Sđd*, tr. 160.
28. *Bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr. 117.
- 29, 30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.I, tr.428-429.
31. Trần Văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 441.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.1, tr.177
33. Trần Văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Sđd, tr.445.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.1, tr.143.
35. Chẳng hạn như Đảng Cộng sản Pháp với Việt Nam độc lập Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc với Quốc dân Đảng Trung Quốc.
36. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh*, Nxb. Nghệ-Tĩnh, 1986, t.1, tr.42.
37. Xem *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.40.
- 38, 39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.1 tr.403-404, 405.

40. Đại hội thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* dự định họp ở ga Thọ Trường, nhưng vì lộ nên dời lên Chợ Thượng (Hà Tĩnh) họp trên một con đò dọc sông La xuôi về Vinh. Tham gia Đại hội có 8 đại biểu: Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều), Trần Hữu Chương, Nguyễn Xuân Thanh, Trần Đại Quả, Ngô Đức Đệ, Ngô Đình Mẫn, Lê Tiềm, Lê Tốn. Đại hội họp được hai ngày, khi đến bến đò Trai (Đức Thọ, Hà Tĩnh), các đại biểu bị địch bắt.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.614.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđđ, t.2, tr.1.

43. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.3, tr.10.

44. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđđ, t.2, tr.27.

45. Trần Văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Sđđ, tr.49.

46. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.10, tr.8.

MỘT VÀI NHẬN XÉT

1. Việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một quá trình

Từ lúc đứng vào đội ngũ những người cộng sản Pháp đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Nguyễn Ái Quốc hoạt động không biết mệt mỏi, liên tục để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam. Vì thế không thể xem việc truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc như *một hiện tượng nhất thời, mà phải xem xét nó với tính cách là một quá trình*. Xét về nội dung, quá trình đó có thể chia làm ba chặng, tương ứng với ba thời kỳ kế tiếp nhau: Pari - Mátxcova - Quảng Châu - Xiêm. Ở mỗi chặng, tùy vào điều kiện lịch sử cụ thể, Nguyễn Ái Quốc sử dụng các phương tiện khác nhau, tiến hành những nội dung tuyên truyền khác nhau và nhằm đạt những yêu cầu khác nhau. Nhưng đặt nó trong quá trình thì chặng trước tạo tiền đề cho chặng sau, và chặng sau là kết quả của chặng trước. Trong quá trình đó, thời kỳ Pari như là chặng mở đầu. Như ta biết, lôgic tư duy - hành động của con người thường diễn ra theo trật tự: thức tỉnh - lựa chọn - hành động. Vậy thì để hướng hoạt động của con người vào mục đích của mình, trước hết, phải *thức tỉnh*. Nói một cách khác, *thức tỉnh* là giai đoạn đầu, tất yếu trong hoạt động tư duy - hành động của con người. Dẫu giai đoạn này có ngắn, nhưng nhất thiết phải có vì không có sự mở đầu này thì sẽ không bao giờ có sự lựa chọn, hành động tiếp theo. Vì thế mà ở chặng đầu sự tác động của Nguyễn Ái Quốc tới đồng bào của Người cũng bắt đầu từ xuất phát điểm đó - *từ sự thức tỉnh*. Đó cũng là cách mà Phan Bội Châu đã sử dụng trong buổi đầu Đông du. Ta còn nhớ trong lịch sử Việt Nam mê ngủ được thức tỉnh bởi những áng văn thơ thiết tha, hùng tráng của Phan Bội Châu từ Nhật gửi về. Và Phan Bội Châu đã thành công theo cách đó. Ở Pari, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng *phương tiện báo chí* làm công cụ tuyên truyền những tư tưởng cách mạng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin mà nội dung chủ yếu của nó là thức tỉnh đồng bào, gọi dậy những tâm lòng đại nghĩa

hệt như Phan Bội Châu thời ở Nhật. Nếu chúng ta xem bài *Đông Dương* trên *La Revue Communiste* (Tạp chí *Cộng sản*) số 14, tháng 4-1921 như là bài mở đầu đến bài cuối "*Ách áp bức không từ một chủng tộc nào*" trên tờ *Le Paria* số 17, tháng 8-1923 thì nội dung chủ yếu của những bài viết của Nguyễn Ái Quốc ở thời kỳ này đều tập trung tố cáo, bóc trần bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân Pháp và bè lũ địa chủ - phong kiến tay sai bản xứ trước dư luận trong và ngoài nước. Qua đó mà thức tỉnh nhân dân bị áp bức, bóc lột vùng dậy chiến đấu để giải phóng đất nước. Đó cũng chính là những hiểu biết sâu sắc và đúng đắn nhất về đối tượng của cuộc cách mạng dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc đã đưa tới cho nhân dân ta. Vì lẽ đó chúng tôi gọi thời kỳ Pari là *thời kỳ khởi đầu quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước*.

Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Liên Xô. Đó là mốc mở đầu cho chặng thứ hai trong quá trình hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của Người. Thời gian ở Mátxcova (từ tháng 6-1923 đến tháng 11-1924), tuy không dài lắm, nhưng cực kỳ quan trọng không chỉ đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, mà cả đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Đó chính là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc tự hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, đặt mối liên hệ trực tiếp giữa Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Liên Xô với phong trào cách mạng Việt Nam. Và, quan trọng nhất là Người đã *phác họa những nét lớn về chiến lược* cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Vì thế, nét khác biệt về chất ở thời kỳ này với thời kỳ trước là ở chỗ nếu như ở thời kỳ Pari nội dung chủ yếu những bài viết của Người là nhằm thức tỉnh thì ở Mátxcova nội dung cơ bản những tác phẩm của Người là *định hướng cuộc vùng dậy tương lai của dân tộc tới Cách mạng Tháng Mười, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới*. Nội dung đó được phản ánh cụ thể, sinh động qua các tác phẩm chủ yếu như *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Trung Quốc và thanh niên Trung*

Quốc, những bài viết về Lênin, về nước Nga Xôviết đăng trên *Le Paria*, *Sự thật*, v.v. trong những lời kêu gọi của Quốc tế Cộng sản gửi nhân dân lao động nước ta mà chính tay Người đã viết bằng tiếng mẹ đẻ...

Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu, trung tâm cách mạng của Trung Quốc lúc đó, nơi đóng Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, mở đầu cho chặng thứ ba, chặng cuối cùng trong quá trình truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản về trong nước. Thời kỳ này khác với hai thời kỳ trước không chỉ ở khoảng cách địa lý, mà chính ở những điều kiện mới về chất mà các thời kỳ trước và điều kiện lịch sử Trung Quốc lúc đó đã tạo ra. Và chính hoàn cảnh mới ấy đã quy định những phương thức hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở thời kỳ này. Người đã không dừng lại ở những phương tiện đã có như ra báo, viết sách, bởi lẽ nếu chỉ dừng lại ở đây sẽ không thể đẩy mạnh được hoạt động truyền bá tư tưởng mới về nước. Do vậy Người đã sử dụng những hình thức cao hơn: Đào tạo đội ngũ những người tuyên truyền, thành lập một tổ chức cách mạng vừa tầm, qua đó mà chuẩn bị một bước về tổ chức và thúc đẩy truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản trong quần chúng lao động. Vì thế có thể nói, điểm nổi bật ở thời kỳ này là *việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ được thực hiện bởi một mình Nguyễn Ái Quốc, mà còn bởi học trò của Người được đặt trong một tổ chức cách mạng do Người tạo dựng*. Tuỳ theo mức độ phát triển của phong trào cách mạng trong nước, các phương tiện này được triển khai và đẩy mạnh trong suốt những năm 1925- 1929, tức là suốt thời kỳ Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu và vùng Đông Bắc Xiêm. Sự hoạt động tích cực, liên tục của Nguyễn Ái Quốc và những học trò của Người đã dẫn đến kết quả là ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân nước ta ra đời. Sự ra đời của Đảng kiểu mới - kiểu Lênin ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến chính là kết quả của cả một quá trình phấn đấu lâu dài, không biết mệt mỏi của Nguyễn Ái Quốc. Đó cũng

là sự chiến thắng bước đầu, nhưng rất căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ở nước Việt Nam thuộc địa. Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, một nhân tố tiên quyết nhất cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã được hình thành. Sau này, cố tổng Bí thư Lê Duẩn đã tổng kết: "Có Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, có liên minh công nông chúng ta có tất cả"¹.

2. Luôn luôn bám sát trình độ nhận thức của đồng bào

Chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột, khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước và về việc kiến thiết xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo định nghĩa ấy, chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống học thuyết về sự phát triển của tự nhiên và xã hội đã đạt tới đỉnh cao của sự phát triển trí tuệ của loài người, do vậy, để tiếp thu và nắm vững được nó đòi hỏi phải có trình độ nhất định. Chính vì thế mà việc truyền bá như thế nào chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, đã trở thành một vấn đề quan trọng được quan tâm. Nghiên cứu lịch sử truyền bá chủ nghĩa cộng sản trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chúng ta thấy trên đại thể có hai cách truyền bá chủ nghĩa cộng sản trong quần chúng nhân dân lao động như sau:

1. Dịch và phổ biến trong nhân dân những tác phẩm kinh điển về chủ nghĩa cộng sản, đồng thời viết những tác phẩm triết học chống lại các học thuyết phi mácxít, qua đó mà bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác. Đó là cách thường được sử dụng ở các nước phát triển, mà tiêu biểu là cách của G.V.Plêkhanốp truyền bá chủ nghĩa Mác ở nước Nga.

2. Thoạt tiên là truyền bá trong quần chúng lao động những tư tưởng cách mạng trên quan điểm Mác - Lênin, đến một trình độ nào đó mới dịch và phổ biến những tác phẩm kinh điển của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cách

truyền bá chủ nghĩa cộng sản ở các nước thuộc địa phương Đông mà tiêu biểu là cách Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng ở Việt Nam.

Ở trường hợp thứ nhất, G.V.Plêkhanốp đưa chủ nghĩa Mác vào nước Nga thông qua tổ chức mácxít đầu tiên - nhóm *Giải phóng lao động* được thành lập ở Gionevơ năm 1883 với nhiệm vụ “*tuyên truyền tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học bằng cách dịch ra tiếng Nga những tác phẩm của Mác và Ăng ghen và phê phán những học thuyết dân túy đã từng thống trị ở nước Nga trên quan điểm chủ nghĩa Mác*”². Trong suốt thời gian hoạt động cách mạng của mình ở nước ngoài (Pháp, Thụy Sĩ, Italia, Anh), G.V.Plêkhanốp đã cống hiến nhiều sức lực cho việc truyền bá tư tưởng cách mạng của C.Mác và Ph.Ăngghen trong quần chúng nhân dân Nga. Từ năm 1882, ông đã dịch ra tiếng Nga *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen. Cũng trong năm đó, ông dịch, chú thích và xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Nga cuốn *Lútovich Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, dịch một chương trong cuốn *Gia đình thần thánh hay là phê phán sự phê phán có tính phê phán* của C.Mác và Ph.Ăngghen. Cùng với việc dịch thuật đó, G.V.Plêkhanốp đã viết những tác phẩm triết học quan trọng phê phán học thuyết phi mácxít, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác và giáo dục thế hệ những người mácxít Nga. Đó là những tác phẩm nổi tiếng như *Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị (1883)*, *Những bất đồng của chúng ta (1885)*, *Bàn về sự phát triển của quan niệm nhất nguyên về lịch sử (1895)*. Cuốn sách sau cùng được xuất bản bí mật ở nước Nga với bí danh Bentốp đã được Ăngghen và Lênin đánh giá cao, và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Điềm qua một vài nét về hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác của G.V.Plêkhanốp để đi tới kết luận rằng ở một nước mà đại bộ phận cư dân có trình độ như ở nước Nga, G.V.Plêkhanốp đã sử dụng một cách thích hợp - đó là việc lựa chọn và dịch sang tiếng mẹ đẻ những tác phẩm quan trọng của

những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, đồng thời viết các tác phẩm triết học mang tính chất luận chiến với các học thuyết phi mácxít khác.

Còn Nguyễn Ái Quốc, trong hoạt động truyền bá tư tưởng vô sản đã sử dụng một cách khác, phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào mình. Nhưng tại sao Nguyễn Ái Quốc lựa chọn cách thức đó? Có hai lý do để trả lời thoả đáng câu hỏi đó:

Thứ nhất, xuất phát từ kinh nghiệm của bản thân Người - Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin thoát tiên là đến với những học thuyết cách mạng của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là đến với cái đã giải đáp được những đòi hỏi cấp bách của dân tộc mình - giải phóng đất nước khỏi ách thực dân Pháp, tức là cái mà nhân dân ta đang khao khát và đang cần được vũ trang.

Thứ hai, xuất phát từ những chỉ dẫn của V.I.Lênin, vị lãnh tụ của phong trào cách mạng thế giới đã căn dặn những người cách mạng phương Đông là phải diễn giải, tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản bằng ngôn ngữ dễ hiểu nhất: "Nhiệm vụ đề ra trước mắt các đồng chí là tiếp tục quan tâm làm sao cho việc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản được tiến hành trong mỗi nước, và tuyên truyền sao cho nhân dân có thể hiểu được... Nhiệm vụ là phải thức tỉnh tích cực cách mạng của quần chúng lao động, dù trình độ của họ như thế nào, để làm cho họ hoạt động độc lập và tổ chức nhau lại; phải đem học thuyết cộng sản chân chính dành cho những người cộng sản ở các nước tiên tiến hơn dịch ra tiếng nói của mỗi dân tộc"³.

Trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân và những chỉ dẫn của V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc suy nghĩ tìm kiếm và cuối cùng đã tìm chọn được một giải pháp thích hợp với hoàn cảnh của đất nước lúc đó. Trong suốt những năm 1921-1928, Nguyễn Ái Quốc đưa những tư tưởng cách mạng trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin vào quần chúng nhân dân lao động ở nước ta. Đó là toàn bộ hệ thống lý luận cách mạng bao gồm *đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng, đảng cách mạng* với

những chiến lược, sách lược (phương pháp cách mạng), v.v.. Liều lượng những vấn đề phức tạp trên được gia tăng theo sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước và trình độ phát triển của tiếng mẹ đẻ. Sau một thời gian kiên trì *tuyên truyền theo hướng đó*, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy đã đến lúc đưa những tác phẩm của các nhà kinh điển vào quần chúng nhân dân bằng tiếng mẹ đẻ. Bắt đầu từ cuối năm 1928 khi hoạt động ở vùng Đông Bắc Xiêm, Nguyễn Ái Quốc đã chọn và dịch ra tiếng Việt các tác phẩm kinh điển như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen, *A.B.C chủ nghĩa cộng sản* của N.Bukharin và E.Phêôbragienxki, *Tư bản* của C.Mác, *Balê công xã*, v.v.. Rõ ràng, đến thời kỳ đó Nguyễn Ái Quốc không còn dừng lại ở hình thức truyền bá những tư tưởng cách mạng theo quan điểm mácxít mà chuyển thẳng những tư tưởng của các tác giả kinh điển đến với quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột nhằm nâng cao trình độ lý luận và hoàn thiện dần tri thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin cho đội ngũ cán bộ. Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện xuất sắc những lời chỉ dẫn của V.I.Lênin về tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản khoa học ở một nước mà hơn 90% dân số còn mù chữ, không có truyền thống dân chủ, dù là dân chủ tư sản, nơi mà yêu cầu cấp bách nổi lên hàng đầu là vũ trang hệ thống lý luận cách mạng cho những người yêu nước trong công cuộc giải phóng đất nước.

3. Những hình thức và phương tiện truyền bá phù hợp với các điều kiện lịch sử

Sử dụng phương tiện gì để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột? Trong quá trình truyền bá tư tưởng cách mạng theo khuynh hướng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã tùy từng điều kiện lịch sử cho phép mà sử dụng triệt để mọi hình thức. Có thể nói, Nguyễn Ái Quốc đã thu hút vào công việc của Người mọi hình thức, từ báo chí, sách vở đến xây dựng một tổ chức cách mạng và đào tạo những cán bộ tuyên truyền tổ chức, thực chất là tạo ra *một*

phương tiện tuyên truyền sống. Ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến như nước ta, nơi mà mọi hoạt động không có lợi cho chế độ hiện hành đều bị đặt ra ngoài vòng pháp luật và mọi quyền tự do của con người đều bị tước đoạt, thì phương tiện tuyên truyền sống trở thành một phương tiện cực kỳ quan trọng, có thể gọi nó là một *phương tiện đặc thù* trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam. Tại Quảng Châu với những điều kiện thuận lợi, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng phương tiện này trước tất cả những phương tiện khác như xây dựng tổ chức cách mạng, xuất bản báo chí, sách vở. Đó là việc mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ tuyên truyền, những người tổ chức. Không những Người tự mở lớp mà còn lựa chọn những học trò xuất sắc gửi đi đào tạo ở Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcova. Công việc này được tiếp tục suốt thời kỳ Người hoạt động ở Quảng Châu và Xiêm. Chỉ tính riêng ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã liên tiếp mở nhiều lớp cho gần 250 người. Phần lớn những học viên của Người sau khi học xong được kết nạp vào tổ chức cách mạng và trở về nước hoạt động. Trong những bài giảng, Nguyễn Ái Quốc vũ trang cho những người tuyên truyền tương lai những hiểu biết quan trọng về phương pháp cách mạng, đặc biệt những nguyên tắc cơ bản hoạt động bí mật, chẳng hạn như: học thuộc lòng các bài giảng, không mang theo những tài liệu quan trọng trong người, khi bị lộ tìm mọi cách nhanh chóng thủ tiêu những gì có liên quan đến hoạt động chính trị, v.v..

Tóm lại, ngoài việc trang bị cho những người tuyên truyền hệ thống lý luận cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý huấn luyện cho họ kỹ thuật hoạt động cách mạng trong tất cả những chi tiết cụ thể nhất để có thể đối phó với mọi hoàn cảnh hoạt động. Trên thực tế, những người tuyên truyền đã tuân theo những nguyên tắc mà Nguyễn Ái Quốc đã trang bị, nhờ vậy đã thu được những kết quả tốt đẹp, mà trước hết là bảo toàn được lực lượng cách mạng và phát triển tổ chức cách mạng

trong nước cho dù thực dân Pháp có cả một hệ thống mật thám với mọi phương tiện kỹ thuật. Lẽ đương nhiên, trong số những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã trở thành những chiến sĩ tiên phong trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin ở nước ta. Tuy vậy cũng có một số kẻ đã thoái hoá. Đó là sự đào thải tự nhiên. Trong cuộc đấu tranh một mất một còn giữa cách mạng và phản cách mạng, sự đào thải đó là lẽ tự nhiên và bình thường. Nhưng phải khẳng định một sự thực là con số những kẻ sâu mọt, những kẻ thoái hoá đó rất ít, là không đáng kể. Tuyệt đại bộ phận những chiến sĩ tuyên truyền mà Nguyễn Ái Quốc đào tạo đã trung thành với lý tưởng cách mạng mà họ đã chọn và chính họ đã gây cho kẻ thù muôn vàn những khó khăn. Trước phong trào cộng sản, thực dân Pháp đã phải đương đầu với tất cả những hình thức chống đối vượt ra ngoài khuôn khổ đàn áp cổ điển của chúng. Chính trùm mật thám Đông Dương, Louis Marty đã thú nhận những khó khăn mà Sở mật thám vấp phải trong việc đàn áp phong trào cộng sản. Theo Marty, những khó khăn chính là do:

"Sự đảm bảo bí mật của Đảng...,

Tổ chức của Đảng chặt chẽ, một đảng viên ở tổ chức này không biết việc làm của các đảng viên ở một tổ chức khác.

Dùng mọi mảnh khoé để tránh lộ tung tích đảng viên, nghề nghiệp và chỗ ở của họ.

Thủ tiêu nhanh chóng tài liệu và những đồ dùng có thể làm tang vật trước toà án.

Những cơ quan tình báo luôn theo dõi và hiểu rõ những hoạt động cộng sản từng ngày một, nhưng thật khó thu lượm được những chứng cứ để bắt giữ, nhất là lúc bắt đầu có lộn xộn, việc tuyên truyền chỉ bằng miệng và các liên lạc viên rất ít khi mang theo những tài liệu nguy hiểm"⁴.

Kẻ thù đã thú nhận như vậy! Và điều đó có nghĩa là Nguyễn Ái Quốc đã thành công trong việc sử dụng phương tiện tuyên truyền sống để truyền bá chủ nghĩa

Mác - Lênin ở nước ta. Đó cũng là một đặc điểm quan trọng trong việc sử dụng các phương tiện tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc.

4. Thanh niên trí thức yêu nước là lực lượng chủ yếu

Trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, Nguyễn Ái Quốc đã thu hút lực lượng nào vào sự nghiệp to lớn này? Nếu xét về lứa tuổi và thành phần xã hội thì *lực lượng chủ yếu mà Nguyễn Ái Quốc sử dụng là thanh niên yêu nước*. Người đã thu hút họ, huấn luyện họ, biến họ thành những người cổ động, tuyên truyền tư tưởng mới và tổ chức ra những tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Nói một cách khác, lực lượng thanh niên trí thức là chỗ dựa chủ yếu, cơ bản trong quá trình đưa chủ nghĩa Mác - Lênin về nước của Nguyễn Ái Quốc. Nhìn nhận và sử dụng thanh niên như vậy chỉ có được ở lớp người "tây học". Bước ngoặt trong việc nhìn nhận và sử dụng lực lượng thanh niên đã diễn ra với hoạt động của Nguyễn An Ninh. Lớp người trẻ tuổi cả nước một thời đã say với những bài báo, những bài diễn văn bốc lửa của Nguyễn An Ninh bởi lẽ lần đầu tiên ông đã đặt niềm tin của mình và cả tương lai của đất nước, của giống nòi vào thế hệ trẻ. Rõ ràng, trong hoạt động lý luận, sự nhìn nhận và sử dụng thanh niên của lớp người "tây học" đã có một bước tiến dài so với lớp người "nho học". Nguyễn Ái Quốc cũng thuộc lớp người "tây học" như Nguyễn An Ninh, nhưng khác Nguyễn An Ninh ở chỗ Người đã vươn tới chủ nghĩa cộng sản. Được vũ trang bằng thế giới quan cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã nhìn nhận và sử dụng thế hệ trẻ khác về chất. Trước Nguyễn Ái Quốc, các lãnh tụ của các phong trào cách mạng chỉ *nhìn nhận và sử dụng thanh niên như một phương tiện để đạt mục đích của mình*. Với Nguyễn Ái Quốc, tình hình hoàn toàn khác. Trong toàn bộ hoạt động cách mạng của mình, trên bình diện lý luận cũng như thực tiễn *Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn và thực sự đặt lòng tin cậy vào lớp người trẻ tuổi đặc biệt là thanh niên trí thức yêu nước*. Trên bình diện lý luận, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều tác phẩm trong đó xác định vai trò to lớn

của thanh niên trong cách mạng vô sản, chẳng hạn như tác phẩm *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*, xuất bản ở Mátxcova năm 1925, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh* và nhiều bài viết lẻ tẻ khác. Trên phương diện thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản và cơ quan ngôn luận của nó mang tên *Thanh niên*. Nguyễn Ái Quốc thu hút lực lượng trẻ, giáo dục họ, dìu dắt họ, thử thách họ và mạnh dạn giao việc cho họ. Rồi cuối cùng trao cho họ những trọng trách trong các tổ chức cách mạng. Phải có một niềm tin cậy to lớn vào thanh niên mới có cách nhìn nhận và sử dụng thanh niên theo một tinh thần cách mạng như vậy. Trong một lá thư gửi Ủy ban Trung ương Đội Thiếu niên tiên phong trực thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin Liên Xô ngày 22-7-1926, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúng tôi có tại đây (Quảng Châu, Trung Quốc) một nhóm thiếu nhi An Nam. Các em đều từ 12 đến 15 tuổi. Đó là những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam, bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, và ở đó mọi việc giáo dục đều bị cấm...”

Khi chúng tôi nói với các em về cách mạng Nga, về Lênin và các bạn - những chiến sĩ Lêninnít Nga nhỏ tuổi - thì các em rất sung sướng và đòi sang với các bạn, để thăm các bạn, ở với các bạn, học tập với các bạn, và để trở thành như các bạn - những chiến sĩ Lêninnít chân chính nhỏ tuổi"⁵. Rõ ràng Nguyễn Ái Quốc đã có ý thức chuẩn bị cho cuộc cách mạng tương lai của đất nước từ lớp người còn nhỏ tuổi đó. Những người mà Nguyễn Ái Quốc đặt lên vai họ những trọng trách nặng nề đều là lớp thanh niên thuộc "những chàng trai bãi khoá" trên dưới 20 tuổi. Những chàng "bãi khoá" sau đó là những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã giữ những chức vụ quan trọng trong các tổ chức cách mạng. Có thể dẫn ra một vài ví dụ: Nguyễn Đức Cảnh - Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng năm mới 19 tuổi; Nguyễn Văn Hoan - Bí thư Liên tỉnh bộ Hà Nam Ninh năm 20 tuổi; Trần Văn Cung, Nguyễn Sĩ Sách, Phạm Văn Đồng giữ vững cương

vị công tác quan trọng trong *Thanh niên* cũng mới ngoài 20 tuổi; Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng mới 20 tuổi; Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư của Đảng năm 26 tuổi, v.v..

Lực lượng thanh niên ấy từ những người tuyên truyền, những người tổ chức trở thành bộ khung quan trọng cho Đảng mácxít ra đời vào đầu năm 1930. Có thể nói rằng *cuộc cách mạng giải phóng dân tộc nước ta chủ yếu do thế hệ trẻ được Nguyễn Ái Quốc giáo dục và rèn luyện, khởi xướng và tiến hành*. Và thế hệ trẻ đã không phụ lòng tin cậy của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

5. Chủ nghĩa Mác - Lênin chọc thủng lưới sắt của thực dân Pháp truyền đến Việt Nam

Việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam phải vượt qua những trở lực lớn lao mà trước hết là chính quyền thực dân Pháp với đầy đủ mọi phương tiện - toà án, cảnh sát, nhà tù, quân đội. Phải nói rằng, ngay từ khi ra đời, chủ nghĩa Mác đã bị giai cấp tư sản thế giới coi là kẻ thù không đội trời chung. Chúng đã tìm mọi mưu ma chước quỷ để ngăn chặn việc truyền bá chủ nghĩa Mác trong nhân dân lao động, và truy nã, trục xuất, vu cáo, kết tội những người sáng lập và truyền bá. Song, chủ nghĩa cộng sản khoa học vẫn tỏ rõ sức sống mãnh liệt. Từ "bóng ma lớn vờn trên châu Âu", như kẻ thù la ó, chủ nghĩa cộng sản đã trở thành hiện thực sinh động trên đất nước chiếm 1/6 địa cầu. Như vậy, đến năm 1917 chủ nghĩa cộng sản không còn là một hệ thống học thuyết mà đã tồn tại và phát triển với tính cách là một chế độ xã hội đối lập với chế độ tư bản, hơn thế nữa, ngày càng chứng tỏ trước toàn thế giới tính ưu việt của nó. Năm 1919 với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp vô sản cách mạng, với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế, chủ nghĩa cộng sản bắt đầu được truyền bá và thâm nhập vào đời sống chính trị của các dân tộc bị áp bức, bóc lột phương Đông. Tất cả

những điều đó đã làm cho thực dân Pháp lo sợ chủ nghĩa cộng sản không những ở chính quốc, mà cả ở các thuộc địa. Do đó, chúng đã áp dụng hàng loạt biện pháp để ngăn chặn phong trào cộng sản ở cả hai khu vực. Chính quyền ở chính quốc và ở các thuộc địa cùng nhau phối hợp theo dõi những Việt kiều tại Pháp, đặc biệt những Việt kiều yêu nước - trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Từ năm 1919, Bộ tham mưu và Nha mật thám kiểm tra chặt chẽ người thuộc địa, đặc biệt người Việt Nam. Các cơ quan đặc trách gồm có: Phòng III Bộ tổng tham mưu quốc phòng, Cơ quan kiểm soát ngoại kiều (Bộ Ngoại giao), Nha mật thám Trung ương (Bộ Nội vụ). Từ ngày 1-7-1931, "Phân ban thuộc địa" là cơ quan theo dõi và đàn áp những hoạt động cách mạng của người bản xứ trên đất Pháp. Đến đầu năm 1929, "Hồ sơ về vấn đề này đã chắt thành đống, trong số 5.000 người Đông Dương thì 3.675 người có hồ sơ theo dõi ở Bộ Thuộc địa"⁶. Tổ chức CAI (Le Service de Contrôle et d'assistance aux indigènes des Colonies) xuất bản hằng tháng một tập san bí luật về tình hình tuyên truyền cách mạng ở các nước thuộc địa. Đối với Nguyễn Ái Quốc, người bị bọn chúng liệt vào loại "phần tử nguy hiểm", chúng cất cử những tên chỉ điểm đặc trách theo dõi Người như Acnu, Giăng, Đovedơ, Pie Ghétơ, Giôlanh, Đêdiarê, Viliê, v.v.. Trong một bản báo cáo đề ngày 28-12-1920 gửi Toàn quyền Đông Dương đang công tác tại Pari có một đoạn như sau: "Lúc này số hồ sơ (theo dõi) đã lên tới 250. Như vậy ta có thể kết luận là những sự việc này đã kết tụ xung quanh nhóm mà những người lãnh đạo chính là: Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh, Khánh Ký, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Phú Khai"⁷. Trong số đó có hàng trăm mật báo riêng về Nguyễn Ái Quốc. Chúng tôi xin dẫn ra đây làm ví dụ một số mật báo có liên quan tới những mốc lớn trong đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1919, lần đầu tiên xuất hiện tên tuổi Nguyễn Ái Quốc với bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Bộ Thuộc địa ra lệnh điều tra gốc tích Nguyễn Ái Quốc. Một bức điện từ Đông Dương cho biết: "Nguyễn Ái Quốc - tức Nguyễn Tất Thành -

người đã có mặt trong vụ chống thuế ở miền Trung năm 1908, sau đó đã ở bên nước Anh trước khi đến Pháp... Ở Đông Dương đã coi Nguyễn Tất Thành như một tên phiến loạn nguy hiểm"⁸.

Ngày 13-7-1921, Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh và Nguyễn Ái Quốc tranh luận với nhau kịch liệt bằng tiếng Việt tại ngôi nhà số 6 phố Gôbolanh. Sáng hôm sau Nguyễn Ái Quốc rời hẳn ngôi nhà đó đến ở tạm với Võ Văn Toản tại ngôi nhà số 12 phố Buyô. Sau khi thuê được căn buồng số 9 ngõ Côngpoăng, Nguyễn Ái Quốc dọn đến ở tại đây. Báo cáo của tên chỉ điểm Devèze ngày 29-7-1921 cho biết: "Nhà hoạt động An Nam Nguyễn Ái Quốc đã dọn khỏi biệt thự số 6 phố Gôbolanh để đến ở khách sạn số 9 ngõ Côngpoăng. Tại đây ông ta thuê một phòng nhỏ với giá thuê hằng tháng là 40 quan trả tiền trước..."⁹.

Từ tháng 8-1923 sau khi nhận được điện của Bộ Thuộc địa về việc "mất tích" của Nguyễn Ái Quốc, Sở An ninh quốc gia Pháp đã lùng tìm ráo riết, mãi đến ngày 19-11-1923 mới nhận được mật báo ghi "Nguyễn Ái Quốc là hội viên Chi hội cộng sản thứ 5 vùng Seine và Club du Faubourg. Nguyễn đã đến Nga từ tháng 4¹⁰ vừa qua để công tác trong việc tổ chức tuyên truyền cộng sản tại vùng Á Đông. Đạo Nguyễn rời Pháp thì vẫn ở tại địa chỉ số 3 đường Marché des Patriaches"¹¹.

Khi Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu, Toàn quyền Đông Dương Méclanh đã điện về Bộ Thuộc địa: "Sở mật thám Hà Nội được báo từ ngày 8-1-1925 một người An Nam từ châu Âu đến Quảng Châu bắt liên lạc với những người cách mạng. Nhân vật này ở với những người cộng sản Nga và lấy tên là Lý Thụy. Anh ta tỏ ra thông thạo về những hoạt động cách mạng của người An Nam ở châu Âu cũng như về các phương pháp cách mạng Nga và định theo học lớp tiếng Nga cùng với 8 đồng bào của anh ta vừa mới tới Quảng Châu. Rất năng nổ, Lý Thụy tổ chức Hội yêu nước mới và đào tạo những người cộng sản với sự góp sức của những người An

Nam di cư sang miền Nam Trung Quốc và vừa cho in bằng chữ Trung Quốc những mẫu đơn gia nhập Hội gửi về Đông Dương.

Những chỉ thị cần thiết đã được gửi tới các nhà chức trách địa phương để ngăn chặn việc đưa vào Đông Dương những mẫu đơn ấy mà tôi sẽ gửi bản dịch về Bộ trong thư tiếp theo".

Mấy tháng sau, Toàn quyền Môngghio gửi một bức điện tối mật cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa với nội dung như sau:

"Bộ Thuộc địa, Pari

11-95 - cá nhân và tối mật. Chỉ một mình cá nhân Ngài đọc. Trong tổ chức "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu", như tôi đã báo với Ngài trong bức điện số 1016 ngày 26-7-1925, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành một cuộc vận động vô cùng khôn khéo phù hợp với kiểu cách của người Việt Nam và nhằm mục đích giáo dục cách mạng cho công nhân và nông dân Việt Nam để họ đoàn kết thống nhất chống lại số thống trị của người Pháp"¹².

Như vậy, từ khi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị đến khi thành lập tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản ở Quảng Châu, hệ thống mật thám dày đặc của thực dân Pháp theo dõi rất sát những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, để từ đó mà đề ra những biện pháp đối phó.

Còn đối với thuộc địa Đông Dương, trên đại thể chúng áp dụng hai đối sách chủ yếu nhằm ngăn chặn phong trào cộng sản.

Thứ nhất, chúng kiện toàn hệ thống bạo lực đồ sộ gồm quân đội, cảnh sát, toà án, nhà tù để có thể nhanh chóng đàn áp, dập tắt những sự phản kháng, kể cả những mầm mống của nó, nhằm duy trì trật tự, an ninh của chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Thực chất của toàn bộ đối sách của chúng đối với phong trào cách mạng nước ta là đặt chủ nghĩa cộng sản ra ngoài vòng pháp luật (biện pháp mà Toàn

quyền Đông Dương Pátxkiê đã tuyên bố trong lá thư gửi Bộ Thuộc địa ngày 29-9-1933) và theo định lý với nguyên tắc pháp luật của Anbe Xarô "Chủ nghĩa cộng sản, ấy là kẻ thù". Đến năm 1929 thực dân Pháp bắt đầu tấn công vào các tổ chức cách mạng, đặc biệt là tổ chức *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc lập ra và lãnh đạo mà Marty cho là "có mầm mống cộng sản". Cuộc tấn công bắt đầu bằng khoảng "300 vụ bắt bớ" ở Nam Kỳ để đàn áp nhóm *Thanh niên*. Tiếp đó là ở Bắc Kỳ có hơn 800 vụ bắt bớ. Hầu hết Việt Nam Quốc dân Đảng bị vào lưới. Sau đó cuộc tấn công hướng vào *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, nếu bị bắt (đúng – hoặc sai) là cộng sản đều bị tra tấn nặng nề hơn những người khác, đối với những người đó chỉ có thể tử hình và tù chung thân¹³. Năm 1929 nhiều phiên tòa được mở cùng một thời gian trên khắp 20 tỉnh, thành của đất nước. Riêng ngày 10-10-1929, phiên tòa đặc biệt của tòa án Nam triều thành phố Vinh (Nghệ An) đã xử 45 chiến sĩ cách mạng, trong đó có nhiều người lãnh đạo các cấp của tổ chức *Thanh niên*. Trong bức điện "ưu tiên tuyệt đối" đề ngày 10-10-1929 số 124/CS của Công sứ Vinh gửi Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế và Nha liên phóng Trung ương Hà Nội báo cáo vụ xử án, đã viết: "Tòa án bản xứ Nghệ An hôm nay tuyên án một loạt 45 nhà cách mạng, đảng viên Đảng Thanh niên, trong đó có 7 án tử hình: Ngô Thiêm, Trần Văn Cung (Quốc Anh), Vương Thúc Oánh, Lê Duy Điểm, Phạm Tứ (Hồ Tùng Mậu), Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn Tất Thành), Trần Văn Phú; 4 người sau bị kết án vắng mặt, 5 án khổ sai tối thiểu là 13 năm tù và 28 án từ 3 năm trở xuống; không xảy ra chuyện gì"¹⁴.

Thứ hai, thành lập "Mặt trận phòng thủ chung" của các quốc gia có thuộc địa trong vùng nhằm loại trừ ra khỏi đời sống chính trị các nước đó "nguy cơ chủ nghĩa cộng sản". Chính sách này do Anbe Xarô khởi xướng và được tiếp nối dưới thời các Toàn quyền Méclanh, Môngghiô, Varen và Pátxkiê. Những cuộc công cán ngoại giao của Méclanh, của Pátxkiê đến Nhật Bản, Hương Cảng, Ấnô-nê-xia, v.v. đều

nhằm mục đích đó. Chính Toàn quyền Pátxkiê đã thú nhận: "Vì điều đó, tôi đã nhận được những đảm bảo chắc chắn trong chuyến đi Java với mục đích thiết lập sự cộng tác chung để trao đổi tin tức và tìm kiếm. Ngoài ra, tôi cũng đã biết những mối bang giao thân thiện giữa chúng ta và nước Xiêm, nhất là từ khi vua Pragialêpóc và Hoàng hậu đến thăm chúng ta. Sau cùng tôi cũng liên lạc với các bạn người Anh của chúng ta và với người Nhật"¹⁵. Cuối những năm 20 - đầu những năm 30 của thế kỷ XX thực dân Pháp ở Đông Dương đã nỗ lực theo hướng đó. Bằng con đường ngoại giao với các nước trong vùng và thuộc địa của những tên đế quốc khác, thực dân Pháp cố phong toả Đông Dương, biến nó thành một ốc đảo ngăn cách với bên ngoài hòng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào xứ này. Những vụ trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam khỏi Nhật Bản, Xiêm...việc đế quốc Anh bắt giam Tống Văn Sơ (Nguyễn Ái Quốc) ở Hương Cảng năm 1931 để rồi bí mật chuyển giao cho thực dân Pháp ở Đông Dương, việc bắt và trục xuất Nguyễn Văn Tạo ở Pari cùng năm đó... là kết quả của sự nỗ lực chung của cái "Mặt trận phòng thủ chung" đó.

Cũng phải thừa nhận những biện pháp của chúng được thực hiện trên bình diện quốc tế và quốc gia đã gây ra nhiều khó khăn cho việc truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản ở nước ta, nhưng tuyệt nhiên không thể ngăn chặn được. Chủ nghĩa Mác - Lênin bách chiến bách thắng đã "chọc thủng lưới sắt của thực dân Pháp truyền đến Việt Nam ta"¹⁶.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Mười lăm năm sau dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam đứng đầu là Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã vùng lên giành chính quyền về tay trong cuộc Cách mạng Tháng Tám. Tất cả những sự kiện trọng đại đó diễn ra trước mắt bọn chúng, nhưng chúng bất lực hoàn toàn. Điều đó khẳng định một thực tế lịch sử là *quần chúng bị áp bức bóc lột đến với khoa học về cách mạng - một bộ phận trong học thuyết chủ*

nghĩa Mác - Lênin, là một xu thế lịch sử tất yếu mà không một thế lực đen tối nào có thể cưỡng lại được.

6. Lãnh tụ có vai trò to lớn và uy tín tuyệt đối

Những năm 20 của thế kỷ XX là những năm cực kỳ quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước, có thể gọi là những năm bản lề trong lịch sử cận đại Việt Nam gắn chặt tới tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc. Đó là thời kỳ mà lịch sử nước ta trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối và xuất hiện Nguyễn Ái Quốc như một vị cứu tinh của dân tộc. Đúng như C.Mác đã viết: “Nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ mà nó có thể giải quyết được, vì khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân nhiệm vụ ấy chỉ nảy sinh khi những điều kiện vật chất để giải quyết nhiệm vụ đó đã có rồi, hay ít ra cũng đang ở trong quá trình hình thành”¹⁷. Rõ ràng, lịch sử đặt ra những yêu cầu thì chính lịch sử tạo ra những điều kiện vật chất để giải quyết nó. Nguyễn Ái Quốc chính là sản phẩm của sự vận động lịch sử những năm 20 đó. Uy tín của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hình thành từ năm 1919 với *Yêu sách của nhân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây mà nhờ đó báo chí Pháp gọi là "quả bom chính trị". Uy tín đó được củng cố và phát triển qua những hoạt động chính trị của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp. Những hoạt động đó không những có tiếng vang lớn trên đất Pháp, mà còn dội về nước, đặc biệt từ khi xuất bản tờ *Le Paria* và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Một vài tờ báo xuất bản ở Sài Gòn như tờ *Le Jeune Annam* (An Nam trẻ) của Lâm Hiệp Châu số 1 ra ngày 23-3-1926 đăng lại bài *Chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Viễn Đông, Varen và Phan Bội Châu* của Nguyễn Ái Quốc đã đăng trên tờ *Le Paria* số 35, tháng 8-1925. Trước đó mấy năm, Nguyễn An Ninh trong bài báo *Hướng tới một quốc gia Đông Dương* đã liệt Nguyễn Ái Quốc vào bậc nhất những người anh hùng của dân tộc. “Cái duy nhất mà tôi muốn chỉ cho người An Nam thấy, qua những sự kiện mà không còn ai không biết là ngôi vua đã thành ra tan khói rồi, nhưng dân tộc ta,

nhưng nhân dân ta chưa chịu thua, chưa chịu chiếm đóng... Chúng ta tự hào có những Phan Chu Trinh, những Phan Bội Châu, những Nguyễn Ái Quốc, những Đề Thám, những Lương Văn Can, những Lương Ngọc Quyến và một số những vị anh hùng vô danh"¹⁸.

Tiếng vang của Nguyễn Ái Quốc ở trong nước hồi đó đã tạo ra hai luồng xuất dương đi tìm Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở nước ngoài:

1. Đi sang Pháp. Đó là trường hợp của Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trùng, Trần Văn Giàu, Trần Đình Long, Dương Bạch Mai, v.v..

2. Đi sang Quảng Châu (Trung Quốc). Đó là trường hợp của Lê Hữu Lập, Nguyễn Công Thu, Phạm Văn Đồng, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hới, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung... (ở Bắc); Lê Duy Điếm, Trần Phú, Nguyễn Ngọc Ba, Nguyễn Văn Lợi, Phan Trọng Bình... (ở Trung); Ngô Thiêm, Lê Văn Phát, Lê Mạnh Trinh... (ở Nam).

Lớp trẻ đến với Nguyễn Ái Quốc là đến với người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, là đến với lãnh tụ của cuộc cách mạng tương lai. Uy tín của Nguyễn Ái Quốc thông qua những hoạt động cách mạng của cả thế hệ trẻ càng được khẳng định, được mở rộng và được nâng cao để cuối cùng trở thành tuyệt đối trong tâm tưởng, trong suy tư của toàn dân tộc. Uy tín tuyệt đối của Nguyễn Ái Quốc được biểu hiện trong những vai trò mà Người đã thực hiện và thực hiện xuất sắc: 1) Là người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc; 2) Là người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng bị áp bức, bóc lột; 3) Là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong chiến đấu của toàn dân tộc - người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Nếu một con người có một trong những cống hiến trên cho dân tộc thì cũng đã xứng đáng được gọi là bậc vĩ nhân, huống chi một mình Nguyễn Ái Quốc thực hiện ba vai trò quan trọng và vĩ đại đó. Nguyễn Ái Quốc thực sự là một vĩ nhân, một bậc kỳ tài của dân tộc. *Điều*

văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá: "Hồ Chủ tịch là người Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác"¹⁹. Một nét biểu hiện khác của thiên tài Nguyễn Ái Quốc là sự xuất hiện đúng lúc của Người. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người cái tất yếu và cái ngẫu nhiên hoà quyện vào nhau khó mà có thể phân chia ra được. Cho là ngẫu nhiên, chẳng hạn như sự xuất hiện của Người tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, nhưng nó lại là tất yếu bởi lẽ đó là kết quả hoạt động cách mạng của Người ở Pari nhằm cụ thể hoá *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin mà qua đó Manuinxki đã phát hiện và mời đến Mátxcova. Sự xuất hiện đúng lúc của Người đã rút ngắn con đường dẫn đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đã hạn chế một cách đáng kể những tổn thất, những mất mát không cần thiết của đội ngũ những nhà cách mạng Việt Nam. Uy tín và tài năng của Người đã góp phần giải quyết nhanh chóng và có hiệu lực những sự kiện trọng đại, có tính chất vạch mốc. Sự xuất hiện của Người tại *Hội nghị hợp nhất* các tổ chức cộng sản là một bằng chứng cho những điều đã trình bày ở trên.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đánh giá cao vai trò của quần chúng, nhưng cũng không hạ thấp vai trò cá nhân trong lịch sử, đặc biệt những cá nhân có uy tín cao, tuyệt đối trước quần chúng nhân dân, lại xuất hiện đúng lúc trong những chỗ ngoặt lịch sử. Cá nhân đó, những vĩ nhân lỗi lạc đó chỉ thúc đẩy lịch sử tiến lên, rút ngắn được những khoảng cách dẫn đến thắng lợi. Nguyễn Ái Quốc với tài năng và uy tín của mình là một nhân vật như vậy trong lịch sử cận - hiện đại Việt Nam.

1. Lê Duân: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.24.

2. G.V.Plêkhanốp: *Tuyển tập các tác phẩm triết học* (tiếng Nga), Nxb. Chính trị, Mátxcova, tr.11.
3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.39, tr.373.
4. Louis Marty: *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française*, Sđđ, t.I, tr.31.
5. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Sđđ, t.2, tr.225.
6. Daniel Hémerly: *Du patriotisme au Marxisme: L'immigrations Vietnamiène en France de 1926 à 1930. In Le Mouvement social. No 90, Janvier – Mars 1975, Les Editions ouvrières Paris, tr.7.*
- 7, 8. Thu Trang: *Những hoạt động của Phan Châu Trinh ở Pháp 1911-1925*, Sđđ, tr.119.
9. Tài liệu lưu tại Bảo tàng cách mạng Việt Nam.
10. Niên đại đó không chính xác. Nguyễn Ái Quốc rời Pháp vào tháng 6-1923 chứ không phải như mật thám Pháp đã ghi.
11. Nguyễn Thành: *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.196.
12. Huỳnh Kim Khánh: *Vietnam Communism 1925-1945, Sđđ*, tr.96.
13. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.3, tr.36.
14. Nguyễn Thành, Phạm Xanh, Đặng Hoà, Đào Phiếu: *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, tr.199.
15. Réne Vanlande: *L'Indochine sous la menace*, Universaliste, Paris, 1930, tr.80.
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.10, tr.7.
17. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđđ, t.13, tr.16.

18. Báo *La Cloche fêlée*, số 26, 11-1925, tr.14.

19. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.42.